

BÁCH KHOA

3

15 THÁNG HAI 1957

Trong số này :

- HUỖNH - VẢN - LANG .. *Một ít nhận-xét về phong-trào Hợp-láo-xã.*
- + HỒng-y SALIÈGE
HOÀNG-MINH-TUỖNH } *Trách-nhiệm người Công - Giáo
dịch } đối với Hòa-bình.*
- PHẠM - NGỌC - THẢO .. *Góp ý-kiến về Thiên « MUỖ - CÔNG »
của Bình-Thư Tôn-Tử.*
- MINH - PHONG .. *Kỹ-thuật « Đông - Miên » áp-dụng vào
trường-hợp Bà Ellen MOORE.*
- NGUỖN - NGU - Í .. *Nỗi lảm than của dân Trung-Hoa đời
Đường.....*
- THIỀM - MAI .. *Khai bút một lối chơi Xuân của nhà Nho.*
- L. G. .. *Hạnh-phúc lao-động là ở chế-độ dân-chủ
xã-hội.*
- PHƯƠNG - NHẢN .. *Một gương kiên-trinh và kiên-trung :
Bà Sương NGUYỆT - ANH.*
- PHẠM - DUY - LẢN .. *Bao giờ trời lại sáng.*
- THOẠI - NGUYỄN .. *Cái đẹp của chị em làm nghề « Vuốt-ve
đầu trẻ ».*
- NGUYỄN - VẢN - BA .. *Chân vệ-sinh.*
- NGUYỄN-HUY-THANH .. *Vấn-đề tài-trợ những Hều - xí-nghiệp.*
- YẢ-HẠC .. *Bi-quyết đề tạo hạnh-phúc lứa-đôi.*
- X. V. .. *Tối-lãm.*

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới :

HUỲNH - VĂN - LANG : *Tìm hiểu giá-trị của đồng bạc.*

Cha RIQUET S. J. { *Trách-nhiệm người Công - Giáo*
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch { *với anh em vô-thần.*

PHẠM - NGỌC - THẢO : *Một kinh-nghiệm lãnh-đạo tinh-thần quân-đội.*

TĂNG - VĂN - CHỈ : *Để nâng đỡ xuất-cảng sản-phẩm V. N.*

NGUYỄN-DIỆM-SƠN : *Gỗ đầu trẻ.*

Bác-sĩ { *Cách huấn-luyện người sản-phụ*
DƯƠNG-QUỲNH-HOÀ { *theo phương-pháp «Đẻ không đau»*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TOÀ SOẠN : 55 Bà Huyện THANH-QUAN
Phòng 42 — SAIGON

PHONG-TRÀO HỢP-TÁC-XÃ

HUỲNH-VĂN-LANG

Ở nước Việt-Nam ta, phong-trào Hợp-tác-xã không phải là mới có đây. Trước chiến-tranh thứ 2 và trong lúc chiến-tranh, vì chiến-tranh mà phong-trào ấy đã khởi sự bành-trướng ở V.N.. Nhưng như một cơn gió hay một ngọn nước, nó thoạt đến thoạt rút đi. Cách đây hai ba năm, phong-trào ấy trở lại V.N. mạnh-mẽ hơn và rộng rãi hơn... cho đến nỗi kẻ viết bài này phải tự hỏi : mai kia nó còn lại cái gì hay là như trước kia nó bao phát lại bao tàn, đi qua chỉ để lại bao nhiêu hồ-sơ tổ-tụng và bao nhiêu chua cay.

Thực ra đứng trước một phong-trào như thế ai người chiến-sĩ Hợp-tác-xã cũng phải vui mừng, song lại cũng phải lo sợ. Họ vui mừng vì đồng-bào hưởng-ứng với phong-trào để đi dần đến chỗ dân-chủ hóa kinh-tế, để giải-quyết được bao nhiêu vấn-đề về thị-trường, để nâng-đỡ hiệu-nghiệm mức sống của quần-chúng, để dành được ảnh-hưởng của tư-bản... Nhưng họ lại càng lo âu, vì như bao nhiêu cuộc cách-mạng chánh-trị trong mấy thế-kỷ qua đã bị một nhóm người lợi-dụng, từ cuộc cách-mạng 1789 ở Pháp đến 1917 ở Nga và 1945 ở V.N., cuộc cách-mạng về kinh-tế — phải gọi phong-trào Hợp-tác-xã như thế — cũng bị bao nhiêu người lợi-dụng rồi, ở xứ ta cũng như ở xứ người.

Ta không muốn chỉ-trích hay đả-phá cá-nhân nào song chỉ muốn đưa ra một ít nhận xét góp ý với độc-giả và các hợp-tác-viên của phong-trào. Trước tiên ta cần phải hỏi Hợp-tác-xã là gì. Đây là một định-nghĩa gần như được công-nhận khắp thế-giới :

« Một Hợp-tác-xã là một hội người yếu thế về kinh-tế, họp nhau lại trên nền tảng bình-đẳng về quyền-lợi và trách-nhiệm. Để hưởng lợi vật-chất và tinh-thần chung với nhau, họ phải cộng-tác, đảm-nhiệm, điều-khiển và khai-thác một doanh-nghiệp mà họ phải góp vào đó một CHÚC-VỤ KINH-TẾ tương-đối với bấy nhiêu

nhu-cầu họ cũng có như nhau. Những nhu-cầu mà mọi người công-nhận rằng sẽ được thỏa-mãn với những phương-tiện tập-đoàn nhiều hơn là với những phương-tiện cá-nhân 1 (M. Colombain, *Faire des hommes nouveaux, l'Education dans le mouvement coopératif, rapport du 41ème congrès général 1943, p.22*) ».

Dựa theo định-nghĩa trên, ta có thể vạch ra những xu-hướng trái ngược cần phải đề-phòng và đề nhận-định phong-trào hợp-tác-xã mà ta hoặc muốn tham-gia, hoặc muốn ủng-hộ.

1 — XU-HƯỚNG « LÀM TIỀN »

Hợp-tác-xã là một tổ-hợp để tự-lực cánh-sinh, để tự bảo-vệ chức-vụ kinh-tế của mình là chức-vụ tiêu-thụ hay sản-xuất. Về mặt tiêu-cực, người hợp-tác-viên hợp nhau lại để khỏi bị người trung-gian hay tư-bản lợi-dụng sức tiêu-thụ của mình. Về mặt tích-cực họ hợp nhau lại để đem lại cho họ những cái lợi do sức sản-xuất của họ sanh ra. Tiêu-cực hay tích-cực thì cũng do nơi mình, chứ không phải hợp nhau lại để dựa nơi kẻ khác. Và nhất là lợi-dụng kẻ khác thì lại còn trái với tinh-thần hợp-tác-xã hơn nữa. Bênh vực mình không bao giờ có nghĩa là phải đụng chạm đến quyền-lợi của kẻ khác hay lạm-dụng quyền thế. Nhưng có kẻ vô-finh hay hữu-ý không chịu hiểu như thế, họ lập hợp-tác-xã ra chỉ có mục-đích là lợi-dụng để làm tiền : lập hợp-tác-xã ra để gọi là có làm cái gì để xin viện-trợ cho dễ, lập hợp-tác-xã ra mới trông Chánh-phủ giúp hay cho vay nợ, cấp ngoại-tệ cho nhiều v.v. . mặc dầu là họ chẳng quan-tâm gì đến chuyên-môn, kinh-doanh, tài-chính, thương-mại của họ cả.

2 — XU-HƯỚNG « TRÚC-LỢI »

Hợp-tác-xã là một tổ-hợp những người yếu thế về mặt kinh-tế. Những người yếu thế có hai loại : loại người tiêu-thụ và loại người sản-xuất. Loại người tiêu-thụ bị trung-gian bóc-lột. Bọn trung-gian này mạnh như thần vì họ có thể đầu-cơ tích-trữ nên họ muốn lên giá xuống giá, hay làm mưa làm gió trên thị-trường thế nào cũng được. Còn những người sản-xuất thì vì không có vốn-liếng, phải đem sức sản-xuất của mình cho tư-bản thuê, nên bọn này trả nhiều trả ít bao nhiêu cũng phải chịu. Tóm lại bọn trung-gian tư-bản đầu phải là bọn yếu thế. Thế mà chúng lại bỏ vốn đứng ra lập hợp-tác-xã, các bạn đọc có buồn cười không ? Làm sao mà người ta lẫn-lộn được hợp-tác-xã với hội nặc-danh hay trách-nhiệm hữu-hạn gì đó được ? Hùn tài-chánh vào doanh-nghiệp và góp chức-vụ kinh-tế của mình vào là hai cái khác nhau xa một trời một vực, và họ dám lăm-lẫn để bảo chúng ta tin đi, tin cho sướng, cho lợi, tin vì quốc-dân, tin vì đồng-bào. Đáng lẽ ra họ phải nói : « Chúng tôi có vốn nhiều quá không biết làm sao cho té lờ, nhất là cái lúc buôn bán khó khăn này... » Cái họ muốn thành-lập là một hội tư-bản chứ nào có phải hợp-tác-xã.

3 — XU-HƯỚNG « CHÁNH-TRỊ »

Hợp-tác-xã là một hoạt-động kinh-tế của những người tiêu-thụ hay sản-xuất chứ không phải là một tổ-chức chánh-trị của các nhà ái-quốc, ái-quần. Ở V. N, ta, vì

đinh-trạng đặc-biệt, người ngoại-quốc nắm hết guồng máy kinh-tế, còn người V. N. chỉ biết tiêu-thụ hay cho thuê sức sản-xuất của mình, thành thử nhiều khi ta lẫn-lộn hai hoạt-động trên đây với nhau. Nhưng vì tương-lai của hợp-tác-xã, ta phải nhận-định ngay sự phân-biệt nói trên. Hoạt-động chánh-trị có thể lợi-dụng hoạt-động hợp-tác-xã được, nhưng không phải hai hoạt-động là một : hợp-tác-xã không có phân biệt màu da hay tiếng nói, nó chỉ phân biệt nhóm người bị bóc-lột và bọn người bóc-lột, dù họ là người ngoại-quốc hay V. N.. Các chiến-sĩ hợp-tác-xã đầu tiên phải coi chừng bọn bóc-lột này thường lấy danh-nghĩa tổ-chức chính-trị để làm hỏng ý-nghĩa hợp-tác-xã từ lúc đầu, rồi đưa phong-trào đến chỗ chết.

4 — XU-HƯỚNG « XU-NỊNH »

Hợp-tác-xã thành-lập là do tinh-thần hy-sinh bây giờ để lấy lợi mai sau, cố gắng tự mình để lấy lợi về cho mình. Tinh-thần ấy phải có trong mỗi hợp-tác-viên, vì hợp-tác-xã là hội người. Hợp-tác-viên có am-hiểu hợp-tác-xã, có sống với hợp-tác-xã thì hợp-tác-xã mới còn. Bởi vậy sự giáo-dục trong phong-trào hợp-tác-xã là một việc tối quan-hệ. Hợp-tác-viên phải biết nhịn bây giờ để hưởng lợi mai sau, chứ nếu chỉ định vào hợp-tác-xã để có lợi ngay trước mắt thì hỏng hết. Hợp-tác-viên tiêu-thụ phải biết mua theo giá thị-trường, hợp-tác-viên sản-xuất phải biết lãnh tiền cũng theo giá thị-trường, và có khi còn phải chịu lãnh lương ít hơn là khác nữa. Mỗi lần mua một thước vải hay quả trứng gà, hoặc cân đường, mà được mua dưới giá thị-trường 5 cắc, ba xu, thì hợp-tác-viên cũng biết rằng mình mua rẻ hơn, được cái lợi cấp thời liền và có khi cho đó là cái quyền của mình chứ không phải một cái lợi do hợp-tác-xã gây cho. Cho nên họ sẽ không bao giờ am-hiểu và thừa-hưởng một cách sâu xa những ích lợi của hợp-tác-xã. Trái lại nếu hợp-tác-viên vẫn mua theo giá thị-trường mà cuối năm lãnh lời được 5, 7 trăm bạc thì tất nhiên sẽ thấy ích lợi của hợp-tác-xã rõ ràng hơn. Số tiền 5, 7 trăm ấy nếu tẩn mát ra trong 5, 7 trăm món hàng mua rẻ hơn giá thị-trường trong cả năm thì hợp-tác-viên không thấy rõ mực sống của họ như hợp-tác-xã được nâng lên cao. Nhưng nếu họ chịu mua theo giá thị-trường, kỳ cuối năm lãnh một lần 5, 7 trăm là hợp-tác-viên hiểu ngay lợi ích của hợp-tác-xã, thấy ngay mực sống của mình nhờ đó lên được chút ít.

Hơn nữa, Hợp-tác-xã là một cuộc cách-mạng ngầm ngấm, không om sòm, không quyết-liệt. Những người yếu thế thì đại dột gì lại tuyên-bố khai-chiến ngay với kẻ địch mạnh mẽ hơn vô cùng. Nếu hợp-tác-xã khai-chiến om sòm và sớm quá với tư-bản thì sẽ bị phản-ứng tư-bản ngay, và có khi vì đó mà hợp-tác-xã chết trước khi hoạt-động. Ở nơi nào tư-bản mạnh và khéo tổ-chức, mà hợp-tác-xã bán dưới giá thị-trường thì sẽ bị trả đũa ngay, và vì yếu thế về tài-chánh hợp-tác-xã không cạnh tranh lâu dài được nên tất phải chết. Thành thử từ lúc đầu phải giáo-dục ngay hợp-tác-viên, đừng dùng giá cả để xu-nịnh hay lôi kéo nhiều người mà không giáo-dục được người hợp-tác-viên. Bao giờ cũng phải làm cho hợp-tác-viên biết hy-sinh hiện tại để hưởng lợi mai sau, đặt hy-vọng về ngày mai hơn là lợi ích cấp tốc.

Tựu trung, yếu-tố căn-bản của hợp-tác-xã là sự cùng chung một nhu-cầu, không phải là nhu-cầu làm tiền, nhu-cầu trục-lợi, nhu-cầu chánh-trị, nhu-cầu mua rẻ cấp thời, song là nhu-cầu bảo-vệ sức thiêu-lụ hay sản-xuất của mình khỏi bọn trung-gian tư-bản bóc-lột và lợi-dụng. Khi hợp nhau lại để tự bảo-vệ thì cái lợi tất nhiên sẽ đến sau. Cái lợi mà trước kia trung-giang hay tư-bản lấy sẽ trở về cho hợp-tác-viên, nhưng hợp-tác-viên phải nhớ là mục-đích chánh của mình là tự bảo-vệ chứ không phải trục lợi, còn cái lợi sẽ đến sau đó là kết quả tự-nhiên của việc hợp nhứt bảo-vệ cố-gắng và hy-sinh của mình. Khi hợp-tác-viên cùng một nhu-cầu như trên và có tinh-thần hiểu biết như trên thì mới trông hợp-tác lâu dài với nhau được : Cùng một nhu-cầu nói trên như nhau là cùng một loại gạch để xây tòa nhà dân-chủ kinh-tế. Nhưng chính cái tinh-thần hiểu biết của mình mới là xi-măng kết hợp nhau cho vững bền.

Một yếu-tố để thành hợp-tác-xã và giữ vững hợp-tác-xã là : phải có nhu-cầu thật sự, tự bảo-vệ chức-vụ kinh-tế của mình, hợp-tác-viên phải cùng một nhu-cầu như nhau, cùng hiểu biết nhu-cầu của mình và cùng một tinh-thần hoạt-động hy-sinh như nhau.

Nếu không có nhu-cầu bảo-vệ thì không phải là hợp-tác-xã mà là hội nặc-danh tư-bản gì đó ; nếu hợp-tác-viên không cùng một nhu-cầu như nhau và hiểu biết cùng có một tinh-thần hợp-tác như nhau, thì trước sau hợp-tác-xã cũng tan rã. Cái gì hay làm cho tan rã là cái « lợi » và nhất là cái « lợi tức-thời ».

Cuộc tranh-đấu giữa tư-bản và hợp-tác-xã phải gay go lắm và còn dành cho ta, người chiến-sĩ hợp-tác-xã, nhiều cái vui cái buồn không chừng. Hợp-tác-xã ở Anh, Thụy-Điền, Gia-nã-Đại chỉ thành-công sau 15, 20 năm cố gắng, hy-sinh, tranh-đấu. Tuy lâu thật, nhưng sự thành-công của họ hết sức vẻ vang. Ngày nay hợp-tác-viên của họ không còn mua giá đắt nữa, không còn ăn lương thấp kém nữa, họ có những nhà buôn đồ sộ, những dụng-cụ sản-xuất tối-tân, con em họ có trường và có vườn xinh tươi, ông cha họ có tiền hưu-bổng đầy đủ, nhà nghỉ to lớn mát mẻ... Nếu họ ham lợi cấp thời thì làm gì được thế.

Ta thường đọc : không có phong-trào hợp-tác-xã mạnh mẽ nếu không có hợp-tác-xã vững chắc ; không có hợp-tác-xã vững chắc nếu không có hợp-tác-viên am hiểu và khâm-phục, mà làm gì có hợp-tác-viên am hiểu và khâm-phục nếu không có sự giáo-dục vững chắc. Ta lập lại chân-lý trên bằng một câu kết-luận : đào-tạo hợp-tác-viên đã, rồi mới thành-lập hợp-tác-xã. Lịch-sử hợp-tác-xã khắp thế-giới chứng-minh điều ấy và đã chứng-minh một cách triệt-đề.

HUỲNH-VĂN LANG

■ Một cách xét người của Không-Tử

Trước hết mình hãy nhìn kỹ cách làm việc của người ta, rồi mình hãy xét coi vì cớ chi người ta làm việc đó, sau mình hãy quan-sát coi họ làm việc ấy mà có được yên vui không. Nếu mình xét được ba điều đó thì họ làm sao mà giấu cái chân-tướng của họ với mình được !

TRÁCH-NHIỆM NGƯỜI CÔNG-GIAO ĐỐI VỚI HÒA-BÌNH

Hồng-Y SALIÈGE

HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

Đức Hồng-y Saliège, nguyên Tổng Giám-Mục địa-phận Toulouse, vừa mới tạ-thế, là một vị chủ-giáo danh tiếng của nước Pháp, một nhà thần-học tài-trí của Giáo-Hội. Những huấn-lệnh và chỉ-thị của Ngài gây ảnh-hưởng lớn-lao không những trong địa-phận Toulouse, mà trong cả nước Pháp, trong mọi giới công-giáo ở hoàn-cầu.

Trong những số báo trước đây, chúng tôi đã có dịp trích ít nhiều tư-tưởng của Ngài để quý vị độc-giả thưởng-thức. Về những tư-tưởng của Ngài, có nhiều người cho là cấp-tiến và cũng có một số người e-ngại, khiến chính Ngài đã phải thốt ra những lời sau đây : « Trong số giáo-dân thuộc địa phận này, có nhiều người bất không biết, hay bất hiểu lắm, đã cho thầy là một người cộng-sản. Điều ấy làm thầy mỉm cười và khiến thầy động lòng thương xót họ. Mỗi ngày thầy hằng cầu-nguyện cho họ, để tâm-hồn họ được mở rộng ra mà hiểu lẽ chân-thật và huấn-lệnh của các Đức Giáo-Hoàng. Thầy có làm gì khác hơn là theo các huấn-lệnh ấy để trình-bày cùng anh em, và nhấn mạnh cho anh em hiểu tinh-thần cốt-thiết của Đạo Thánh Chúa, đặt anh em lấy đó làm căn-cứ sửa mình. ».

Bản dưới đây, chúng tôi trích trong huấn-lệnh của Đức Hồng-y, nhân dịp một tuần chay cả, về trách-nhiệm của người công-giáo đối với hòa-bình.

CÁC anh em hãy coi : người ta kêu gào hòa-bình mà người ta vẫn thất cồ nhau. Người ta kêu gào tự-do mà người ta vẫn tiếp-tục tăng số người trong các trại giam. Loài người là Thiên-Chúa mà người ta khinh-rẻ loài người, khinh-rẻ cho đến nỗi coi con người chỉ là một cục vật-chất, một cái bánh xe trong một bộ máy. Người ta không phải chịu trách-nhiệm trước mặt ai hết, cho nên hễ cứ ai khỏe thì thắng, và hễ cứ thắng là có tội cũng thành vô tội ; là

sát-nhơn cũng hóa người lành ; là đao-phủ cũng hóa thánh-nhân.

Người ta lại mới phát minh ra một cách đánh nhau, là dùng người khác đánh thế cho mình. Họ đánh nhau bằng lối « ủy-quyền ». Miệng người ta kêu gào hòa-bình và kỳ thực bụng người ta không muốn hòa-bình một chút nào cả.

Hiện chúng ta đang ở trong tình-trạng nào ? Mọi việc xảy ra trên thế-giới đều làm cho ta phải bức tức, lo sợ. Lo sợ

cho giờ đây đã đành, lại lo sợ cho cả mai sau nữa. Và chúng ta tự hỏi tình-trạng lo sợ ấy sẽ tiến lên tới đâu ? Người ta bảo sẽ tiến lên tới một thiên-đàng ở trái đất. Nhưng ta thử hỏi rồi sau này liệu có ai còn sống sót đáng hưởng cái thiên-đàng ấy không ?

Chúng ta nên sáng-suốt hơn. Chúng ta chớ tưởng chúng ta là những người hoàn-toàn thánh-thiện. Và nếu chúng ta yên-trí như thế, chính là chúng ta chưa tự biết mình. Hội Thánh vốn am-hiểu con người lắm, nên Hội Thánh bảo chúng ta : « Chúng con chớ tùy theo mọi xu-hướng, mọi thị-hiểu của chúng con, chúng con phải biết phân-biệt. Tâm-tưởng của chúng con không phải là xấu cả, nhưng cũng không phải là tốt cả đâu. Trong những ước muốn của chúng con, có điều phải lẽ mà cũng có điều bất-công. Chúng con muốn thay đổi tất cả đ. sao ? Được lắm ! Nhưng chúng con muốn thay đổi bất-công này bằng bất-công khác, hay chúng con muốn thiết-lập một thế-giới không có bất-công nữa ? Chúng con chớ lấn quyền-lợi của chúng con với sự công-bình vì có những sự công-bình phản-ngược hẳn lại quyền-lợi của chúng con. Người nào trong thâm-tâm, cũng có óc báo-thù, mưu-ích cho mình và người ta vẫn luôn luôn bị cái óc tai-hại ấy nó ám-ảnh xúi-gục hoài.

Có nhiều giáo-dân tự nhận mình là những giáo - dân chân - chánh, mà kỳ-thực trong cách ăn ở, họ đã tỏ ra là những người duy-vật, duy-vật hơn cả những người cộng-sản duy-vật nữa. Chúng ta chớ nên quên là những hành-vi của chúng ta sau này sẽ phải chịu những lý-đoán rất công thẳng của Chúa trước tòa phán-xét. Chúng ta phải chịu trách-nhiệm về hết mọi lời ăn, tiếng nói, về hết mọi

hành-vi, cử-chỉ, về hết mọi điều chúng ta quên sót nữa.

Vì cũng có những tội quên sót, nghĩa là những tội chúng ta đã phạm vì không làm những việc đáng lẽ phải làm, như không làm hết sức mình để thực-hiện sự công-chính, sự bác-ái trên thế-gian, trong phạm-vi mình có thể làm được. Đức Giáo-Hoàng Pio XI đã phán : « Giáo-hội đã mất giới cần-lao ». Đó là Ngài bảo người công-giáo chúng ta đã không biết săn-sóc đến giới cần-lao, đã bỏ rơi họ, đã để họ lọt vào tay một nhóm người quá khích, để cho một nhóm người quá khích làm một công việc mà đáng lẽ phải là công việc của ta, của những người tự-nhận là môn-đệ của Chúa Ki-tô. Phần trách-nhiệm ấy ai gánh cho ta đây và ta sẽ trả lời cho Chúa thế nào ?

Kẻ nào khôn ? cùng một ý-kiến với ta, không nhất thiết phải là kẻ ngu dốt hay kẻ gian tà. Ta để cho sách báo ở đời khiêu-kích chúng ta thì sao ta lại không để cho lời trong Phúc-Âm kích-thích lòng yêu người của ta cho mãnh-liệt hơn.

Vậy nên ta cần phải đọc Phúc-Âm vì Phúc-Âm là lời Chúa yêu dấu để lại cho ta. Ta không thể làm gì tốt đẹp, nếu ta từ bỏ Chúa ; ta sẽ tạo ra một Chúa theo như các sở-thích trong chốc-lát của ta, y như những người Do-thái đời xưa đã tôn tượng đề thờ tại nơi mình ở vậy.

Ta đã phản-nàn về hết mọi sự lộn-xộn. Nhưng ta có phản-nàn khi ta thấy những kẻ không có cơm ăn, không có áo mặc, phải trú đậu ở đầu đường xó chợ không ? Ta có nghĩ đến cách làm thế nào để cho những sự lộn-xộn đáng thương-tâm ấy biến đi không ?

Ta có nghĩ đến những đám vợ chồng

câu-hợp, những cảnh gia-đình tan-nát không? Ta đã làm gì để biến những sự lộn-xộn ấy đi?

Trong khi tất cả mọi vấn-đề đã mất tính-cách cá-nhân, hóa thành những vấn-đề có liên-quan đến toàn-thể nhân-loại, mà ai còn nghĩ đến cách giải-quyết nó trong phạm-vi cá-nhân hoặc ý-lại vào một cá-nhân, vừa hẹp-hòi vừa bất-lực, thì thật là diên khùng.

Kinh Thánh có câu « Voc soli »; khốn cho kẻ cô-đơn, lời ấy có lẽ không bao giờ thích-hợp bằng lúc này.

Các quốc-gia dù muốn dù không, đều phải liên-kết, tập-hợp lại với nhau, vì tự biết, đó là điều-kiện tất-yếu để sinh-tồn.

Ta phải biết ngoài ta ra, còn có những người khác nữa, và những người này đang sống, cũng có những nghĩa-vụ và những quyền-lợi như ta. Họ có những quyền-lợi như được sống, được xây-dựng và nuôi-nấng gia-đình. Nhưng họ cũng có những nghĩa-vụ, cộng-tác với ta để thực-hiện những quyền-lợi ấy cho họ và cho ta nữa.

Chúa đã phán câu này: « Đây là huấn-lệnh của ta, chúng con hãy thương yêu lẫn nhau như ta đã thương yêu chúng con ». Lời Chúa phán trên không những chỉ là định-luật cho cuộc sinh-hoạt siêu-nhiên, cho cuộc sinh-hoạt trong đoàn-thể Hội Thánh, mà lại là định-luật cho sự sống còn của loài người trên trái đất nữa. Loài người có thương yêu nhau thì mới sống còn. Mà căm thù, oán-ghét nhau, thì phải hủy-diệt, nhất-định phải hủy-diệt không sai.

Thiên-Chúa-Giáo không làm mất hẳn đau-khò trên trái đất. Thiên-Chúa-Giáo khiến cho những tâm-hồn cao-cả lấy đau-khò làm một mối vui mừng, và cho tất

cả những giáo-dân chân-chính có thể nhờ đức nhẫn-nại mà chịu-dựng được. Thiên-Chúa-Giáo truyền cho các giáo-dân phải phấn-dấu với đau-khò, làm giảm bớt đau-khò, và khu-trừ đau-khò ở xung quanh mình.

Đức tin trong Thiên-Chúa-Giáo bảo người ta phải chống lại các bất-công, ở bất cứ đâu, và bảo người ta không thể yêu dấu anh em, nếu đối-dãi bất-công với anh em. Đức-tin truyền-dạy rằng: « Tất cả chúng con đều là anh em với nhau, và chúng con không được đánh giết lẫn nhau ». Vậy nên Đức-Tin chính là yếu-tố của Hòa-bình, là điều-kiện căn-bản để thiết-lập Hòa-bình.

Lúc này chính là lúc ta phải giữ đạo một cách chân-chính, đúng-dắn hơn. Lúc này chính là lúc ta phải tầy-uế gia-đình vườn ruộng, xưởng máy ta bằng luồng gió thương-yêu, công-bình và bác-ái.

Thánh Gioan Baotixita, là tiền-hô Chúa Cứu Thế đã lên tiếng kêu gọi: Hãy ăn-năn, hãy ăn-năn. Đến lượt thầy, thầy cũng lên tiếng kêu gọi anh em: hãy ăn-năn, hãy ăn-năn ».

Nhiều khi tiếng sét nó ngay trên đầu những kẻ nhờn-nhờ, coi thường, coi khinh nhưng lời cảnh cáo, khi còn kịp thời.

Vậy mọi người chúng ta hãy bắt tay vào việc và hòa-bình sẽ được cứu-vãn, cũng như công-lý sẽ được thực-hiện.

Hòa-bình ở trong tay chúng ta. Ta có thật mong muốn hòa-bình không? Và ta cần phải làm gì để được hòa-bình.

Mặc dầu nhân-loại yếu-đuối, nhưng nhân-loại vẫn có thể thiết-lập những cuộc bang-giao với nhau, không phải bang-giao trên nền-tảng sức-mạnh, mà trên nền-tảng đại công-bình, đại bác-ái. Đó là công việc

thiết-yếu bức nhất buộc hết mọi người công-giao phải làm.

Xin anh em hãy đi vòng quanh xóm làng, khu phố anh em ở, đặng thăm-viếng những gia-đình đói-rét, đau-khổ, rồi anh em hãy suy-nghĩ và hành-động đi.

Anh em đừng bối-rối vì thấy xung-quanh anh em có những người ngoan-đạo, chỉ-trích, mặt-sát anh em và khước từ không

chịu cộng-tác với anh em để lập nên một nền trật-tự mới trong xã-hội loài người.

Thế-giới đang tiến tới, ta không thể thối lui được.

Anh em là các kẻ cầm được chân-lý, anh em phải mạnh-dạn mà tiến lên, tiến lên không ngừng, tiến lên mãi mãi !

HOÀNG-MINH-TUYNH dịch.

Tôi được tin bạn ĐÀO-VĂN-TẬP, luật-sư, đã ra người thiên-cổ.

Tin đau đớn ấy đến với tôi một cách bất ngờ như một tiếng sét, khiến sau khi sững sờ, bàng-hoàng, tôi tưởng nhớ đến người bạn mà tôi đã có dịp cộng-tác mấy năm trời trong một sự-nghiệp văn-học.

Bạn ĐÀO-VĂN-TẬP không còn nữa !

Giới luật-sư đã dành mất một kiện-tướng có luận-lý sắc bén, mà giới văn-học cũng không còn một chiến-sĩ tận-tâm và thực-tế, lúc nào cũng hăng-hát đem hết khả-năng khuyến-khích những tài-năng phú-bẩm và tìm vạch bước tiến cho những tài năng còn lưỡng-lự.

Bạn ĐÀO-VĂN-TẬP mất đi giữa khi sự-nghiệp văn-học của Bạn mới bắt đầu vào chỗ chín-chắn. Bạn mất đi, để lại bao nhiêu thương tiếc cho thân-hữu, bao nhiêu thiệt-thòi cho văn-học, và riêng với tôi, một cộng-sự-viên tâm-đắc của Bạn, Bạn mất đi, đã để lại một chỗ trống trong tâm-hồn, mà không biết bao lâu nữa mới bù đắp lại được.

Tôi xin trân-trọng gửi lời chia buồn với tang-quyển, và xin thành-khẩn cầu-nguyện cho linh-hồn Bạn chóng về nơi cực-lạc.

HOÀNG-MINH-TUYNH

GÓP Ý-KIẾN VỀ THIÊN «MƯU-CÔNG» của BINH-THƯ TÔN-TỬ

PHẠM-NGỌC-THẢO

BỘ TÔN-TỬ BINH-PHÁP tuy viết cách đây hơn 2.500 năm, nhưng tới nay vẫn còn ảnh-hưởng to lớn đến những nhà quân-sự ở Đông-Phương cũng như Tây-Phương.

Tại sao vậy ?

Nghiên-cứu lại tiểu-sử của Tôn-Tử ta thấy gia-đình người nguồn-gốc ở nước Tề, lúc bấy giờ là trung-tâm văn-hóa, chính-trị, kinh-tế, và quân-sự của một nước tự xưng là Trung-Tâm Thế-Giới, tức là Trung-Quốc. Ông cha của Tôn-Tử là những nhà quân-sự rành nghề nhưng cũng thấu hiểu về chánh-trị, kinh-tế và văn-hóa. Ngay ông thân của Tôn-Tử lại thường giao-thiệp và đàm-luận với nhà triết-lý trứ-danh của Đông-phương : Đức Khổng-Tử. Trong hoàn-cảnh xã-hội và gia-đình thuận-tiện, Tôn-Tử đã thấm-nhuần một sự hiểu biết đầy-dủ và sâu-sắc về văn-hóa, chính-

trị, kinh-tế và nhất là quân-sự. Chính vì thế nên tư-tưởng quân-sự của Tôn-Tử dựa trên một căn-bản toàn-diện và vững chắc. Chính vì thế nên Binh-Pháp của người không phải là một mảnh khóc quân-sự để giải-quyết một trận tác-chiến, mà đến thời-kỳ nguyên-tử-lực vẫn còn giá-trị đối với các nhà quân-sự trên khắp thế-giới. Cũng chính vì thế mà Tư-Tướng trong Tôn-Tử Binh-Pháp chẳng những có thể làm sáng-tỏ vấn-đề quân-sự mà còn có thể áp-dụng trong nhiều phạm-vi khác nữa, như Triết-học, Khoa-học, Y-học v.v...



Vậy ta thử nghiên-cứu một trong mười ba thiên của Tôn-Tử Binh-Pháp, thiên nói về MƯU-CÔNG.

MƯU-CÔNG có nghĩa là mưu - kế công-kích, hay nói một cách khác, kế-hoạch

công-kích thành-lũy, hay nói dễ hiểu hơn nữa là cách đánh đồn, cách hãm thành.

Trong phần đầu, Tôn Tử trình-bày tư-tưởng căn-bản của phép Mưu-công. Tôn Tử nói :

• Phàm cách dùng binh...

• Lành Nước là hạng trên, võ Nước là hạng kém,

• Lành quân là hạng trên, võ quân là hạng kém,

• Ấy cho nên trăm trận đánh trăm trận được không phải là tướng giỏi trong những người giỏi. Không đánh mà làm khuất-phục được quân địch, ấy là tướng giỏi trong những người giỏi.

• Cách đánh thành là bất đắc dĩ.

• Cho nên không nhứt binh mà được toàn-lợi, ấy là cái phép mưu công đó.

Như vậy ta thấy Tôn-tử cho rằng công-kích thành kiên-cố là sự bất-đắc-dĩ vì sẽ đem đến kết-quả là võ Nước và võ quân.

Những quân-nhân đã từng công-đồn hãm-thành, chắc-chắn đồng ý với Tôn-Tử. Dù kẻ tấn-công có đông lực-lượng và hỏa-lực mạnh, sự đột-nhập một vị-trí kiên-cố thường đem lại một sự tổn-thất nặng-nề. Một người lính trong phòng-tuyến cố-thủ có thể kiểm-chế hiệu quả hàng chục người tấn-công vào.

Lấy kinh-nghiệm đã qua, ta thường thấy những đơn-vị chuyên về công-kiên-chiến thường bị tiêu-hao khá nhiều về cán-bộ và lính giỏi. Vì những động-tác vượt hàng rào giây thép gai, qua bãi chông, leo tường, phá lỗ châu-mai là những động-tác đòi hỏi chẳng những một sự tập-luyện thuần-thục tại thao-trường mà còn phải có một sự thử-thách dưới làn đạn. Khi công thành, những tuyến xung-phong thứ nhất, thứ nhì thường cần phải gồm đại-đa-số là lính cũ có nhiều

kinh-nghiệm. Cán-bộ chỉ-huy cũng phải được tăng-cường ít nhất gấp đôi so-sánh với một trận tác-chiến ngoài trời. Như vậy đã công-đồn thì dù thắng dù bại, phe công-kích nếu có bị thiệt hại về quân số, thường thường phần lớn là quân số tinh-nhuệ.

Đào-tạo một lính giỏi có kinh-nghiệm tại chiến-trường là một việc khó. Đào-tạo một sĩ-quan biết cầm quân tại mặt trận là một việc khó hơn nữa. Những quân-nhân ấy là vốn rất quý và chính họ định-đoạt giá-trị của một quân-đội hơn là những khẩu súng tốt.

Vì thế nên đối với Tôn-Tử • đánh thành là sự bất đắc-dĩ • vì nó sẽ làm võ quân.

Đến ngày nay tư-tưởng đó vẫn còn đúng. Tuy súng ống phá thành có tối-tân hơn, nhưng kỹ-thuật xây đồn, đắp lũy cũng tiến song-song, cho nên, những trận công-kiên-chiến đối với nhà quân-sự vẫn là một sự bất-đắc-dĩ và chỉ nên thực-hiện khi nào vị-trí đó có một giá-trị tương-xứng với sự hy-sinh về quân-lực của kẻ tấn-công.

Nhưng trong trường-hợp cần phải công-thành thì Tôn-Tử chủ-trương ra sao ?

Tôn-Tử chủ-trương nhất là dùng mưu, thứ là dùng giao, chót hết mới đến việc đánh thành.

Dùng mưu tức là không phải lấy sức mạnh đấu với sức mạnh. Nói đến dùng mưu là nói đến nghiên-cứu tất cả ưu và nhược-diểm của thành về phương-diện vật-chất cũng như tinh-thần. Phải xem chỗ nào hỏa-lực kém, phiên gác nào lơ-lửng, hay thói quen của binh-sĩ trong đồn, tánh tình của các chỉ-huy đề rồi tùy đó mà định kế-hoạch.

Dùng giao tức là sự giao-thiệp, cò-dộng

làm địch chú ý, bị địch bắn chết hay bị thương cũng gây trở ngại cho sự tiến thoái chung.

**Yêu-cầu thứ ba là :
Tướng phải hiểu rõ
quyền-hành nhà binh.**

Đây có lẽ muốn nói là : chỉ-dịnh tướng để giao quyền-hành, cấp trên phải lựa chọn cho kỹ, nhưng đã lựa chọn rồi thì phải để cho họ đủ quyền-hành chỉ-huy. Việc quân-sự không giống những việc xã-hội hay văn-hóa, người Tướng phải quyết-định dứt-khoát và mau chóng và nhận lấy trách-nhiệm của quyết-định mình đối với cấp trên. Tướng mà bị kiềm chế quá đáng là tướng vô-dụng.

Về điểm này của Binh-Thư Tôn-Tử, một nhà quân-sự họ Hà đời xưa phê-phán như sau : « Sự dùng binh, một bước trăm biến, thấy nên thì tiến, biết khó thì lui, thế mà phải đợi ở mệnh vua à ? Có khác gì đi bầm quan trên rồi mới cứu-hỏa, chưa kịp trở về thì đám cháy đã thành tro nguội.. »

Cho nên kiềm chế viên tướng giỏi mà đôi phải dẹp tan được đám giặc mạnh thì so với sự trời con chó săn mà bắt nó phải vô được con thỏ, phỏng có khác gì..

Đặc biệt trong lúc công thành chẳng những người chỉ-huy chung phải được rộng quyền mà ngay đến các cấp chỉ-huy dưới cũng phải được trọn quyền quyết-định trong phạm-vi mình, căn-cứ theo kế-hoạch chung.

Một đồn, một thành ít nhất là có ba mặt, một vị chỉ-huy không thể ra lệnh kịp thời cho cả ba mặt trong những hành-động chi-tiết. Hơn nữa sự đối-phó của địch có thể biến đổi trăm ngàn cách khác nhau, vì thế phải làm sao cho mỗi quân-nhân thấm-nhuần được kế-hoạch chung rồi phát-triển tự-động-tính căn-cứ theo biến-chuyển cụ-thể của từng nơi.

Kết-thúc đoạn này, Tôn-Tử lại thêm một câu mà những vị chỉ-huy quân-sự nổi tiếng lúc giải-phóng đất nước họ, trở nên rất xoàng lúc đi xâm-chiếm thuộc-dịa, chắc thấm-thía lắm :

« Một đại-tướng đi phò Chu thì Nước Chu cường, phò Nước Khích thì Nước Khích suy ».

Đó có lẽ Tôn-Tử muốn nói đến vấn đề chánh-ngĩa.

Quân-sự dùng để bênh-vực chánh-ngĩa mới có thể là quân-sự thắng-lợi và quân-sự giỏi. Trái lại, tướng giỏi đi phục-vụ cho kẻ quấy không thể giành được thắng-lợi cuối cùng, và rốt cuộc sẽ bị đánh bại.



Nghiên-cứu qua một thiên của Binh-Thư Tôn-Tử, có lẽ nhà quân-sự cũng tìm được một dịp để suy-nghĩ thêm về chuyên-môn của mình, nhà chính-trị có thể thêm vững-tâm vì thấy từ ngàn xưa lực-lượng quân-sự xây-dựng trên một căn-bản phi-ngĩa chỉ có một giá-trị hình-thức.

PHẠM-NGỌC-THẢO

■ Mạnh-Tử định-ngĩa « đại-trượng-phu »

Mạnh-Tử định-ngĩa đại-trượng-phu như sau đây :

« Giàu sang không làm cho say đắm, nghèo hèn không làm cho dỗi dờn, oai võ không làm cho khiếp sợ, thế mới gọi là đại-trượng-phu ». (Phú quý bất năng đắm, bần tiện bất năng di, oai võ bất năng khuất, thử chi vị đại-trượng-phu).

KỸ - THUẬT « ĐÔNG - MIÊN »

ÁP-DỤNG VÀO TRƯỜNG-HỢP

BÀ ELLEN MOORE

BÀ ELLEN MOORE, SAU 169 NGÀY BẤT-TỈNH,
SANH ĐƯỢC MỘT TRAI NẶNG GẦN 2k3.

Bà Ellen Moore bị nạn

NÀY 4-5-1956, trong lúc bà Ellen-Moore cùng với mẹ và con đầu lòng dạo chơi ở đường High Street, bỗng một tiếng nổ dữ-dội vang lên. Nguyên do là sợi dây thật lớn bằng thép cột ba súc cây dài 10 thước, đường kính một thước, trên một xe « rờ-mooc », bị đứt. Một súc cây lăn trên lề đường và đè nghiền tất cả. Mẹ và con bà Ellen chỉ bị thương sơ-sài ; trái lại, bà Ellen nằm ngoài bất-tỉnh trong vũng máu, đầu kẹt dưới khúc cây khổng-lồ. Sọ phía bên phải lủng vỡ, óc bị thương ; đáng lẽ bà chết liền. Dầu sao, thương-tích rất trầm-trọng, tình-hình xem ra tuyệt-vọng. Bà được chở vào nhà thương Newcastle ; nơi đây người ta cho rằng bà chỉ sống được hai ngày là cùng.

Một phát-minh khoa-học cứu người

Nhưng danh-dự của các y-sĩ là ở chỗ không cần phải chờ có hy-vọng sống mới cứu chữa. Bà Ellen Moore được giao cho giáo-sư Rawbotham săn-sóc. Ông là một bác-sĩ người Anh nổi tiếng về khoa giải-phẫu óc. Con người diễm-dạm kia tỏ ra rất quan-tâm đến trường-hợp này. Cách đây 25 năm, có lẽ bà Ellen Moore đã chết trong tay ông, dầu ông rất tài ; vì ngày nay sở-dĩ ông cứu được bà là nhờ ở một phát-minh mới của một bác-sĩ người Pháp, ông Laborit. Giữ cho bà Ellen sống là một thắng-lợi mới-mẻ về kỹ-thuật gọi là « Đông-miên » (hibernation).

Từ trước tới giờ, tiếng « đông-miên », chỉ tình-trạng tê-cóng của vài con vật trong mùa đông, đặc-biệt là con « cu-ly », (marmotte). Những con vật ấy ngủ từ đầu

Đề nói rõ thêm, Tôn-Tử vạch năm điều đề bảo-dảm thắng-lợi :

1/ « Biết có thể hoặc không có thể chiến đấu thì thắng.

2/ Biết cách điều động số quân nhiều hoặc ít thì thắng ;

3/ Trên dưới một lòng cùng một nguyện-vọng thì thắng.

4/ Lấy sự mưu-tính đối đãi với kẻ không mưu-tính thì thắng.

5/ Tướng giỏi mà không bị vua kiểm-chế thì thắng ».

Ba điều yêu-cầu mà Tôn-Tử đòi-hỏi ở người tướng có thể hiểu như sau :

Điều yêu-cầu thứ nhất là :

Tướng phải hiểu quân mình và quân địch.

Biết khả-năng của quân-sĩ của ta và của địch để định-đoạt sự tiến-thoái. Biết được tâm-lòng và nguyện-vọng của binh-lính để có thể tiến-hành công-tác động-viên tinh-thần họ. Trong khi binh-sĩ còn giữ kỷ-niệm chua cay của những thất-bại nặng-nề vừa qua, mà Tướng lại bảo ca hát : « Ta sẽ lấy phòng-tuyến của địch làm chỗ phơi quần áo cho quân ta », coi việc tấn-công địch như là một cuộc du-lich thì ắt là không thể thắng được. Đặc-biệt trong lúc công-hãm thành, Tướng không nắm được tình-hình quân mình và quân địch thì không thể thắng, trái lại, còn bị thiệt-hại nặng-nề. Lúc nào phải ra lệnh cho pháo ngưng bắn để cho quân lính xung-phong, lúc nào phải cố tiến lên một mức nữa là thắng-lợi mà dừng lại để bắn thêm là thất-bại, lúc nào thúc lệnh cứ tiến mà không biết xoay mặt trận là giết quân lính mình vô hiệu-quả ? Muốn nắm đúng các thời-cơ đó, người Tướng-quân chỉ-huy công-thành,

hơn lúc nào hết phải hiểu thấu-đáo quân mình và quân địch.

Điều yêu cầu thứ nhì là :

Tướng phải hiểu rõ về chuyên-môn quân-sự, đặc-biệt về chiến-thuật công-kiến.

Đây muốn nói người Tướng phải luôn trau-dồi về trình-độ quân-sự mình.

Mỗi lần thắng được một thành, phải học ráo-riết kinh-nghiem của những chỗ yếu, chỗ mạnh của thành đó và theo dõi sự biến-đổi của các thành khác. Vì những nhược-điểm của một cứ-điểm ngày nay có thể trở nên những điểm mạnh của nó ngày mai. Những ước-đoán sai lầm trong việc công-thành phải trả một giá rất đắt.

Tôi biết có những người chỉ-huy có thể lấy sự gan-dạ và nhanh chóng để định-đoạt sự thắng-lợi trong một trận tác-chiến ngoài trời, nhưng tôi chưa từng gặp một người chỉ-huy quân-sự nào giỏi về công-kiến-chiến mà không phải là người chịu khó học-tập về quân-sự.

Đối với một trận ngoài trời, nếu có điều-động dư một trăm người cũng có thể tìm cách xử-dụng họ hay ít nữa, cũng có chỗ ẩn-tránh cho họ. Trong một trận công-đồn, điều-động dư mười người vào nội-địa chẳng những không bảo-vệ được họ mà tạo ra nhiều sự rối-loạn, có thể sanh ra thất-bại.

Chính vì thế Tôn-Tử mới có câu :

« Biết cách điều-động số quân ít hay nhiều là thắng-lợi »,

Công-đồn không phải đông chừng nào là mạnh chừng nấy. Nếu cần hai người để phá một hàng rào thì dùng hai người. Không thể dùng một và cũng không thể lấy ba hay bốn. Ít quá làm không xong việc, nhiều quá thì chỗ hẹp cản trở nhau

tuyên-truyền những việc mà đời nay người ta thường gọi là dịch-vận tức là vận-động dịch thù.

Sau hết mới là *dùng đến sức mạnh* : sức mạnh về võ-khí và sức mạnh về người.

Lẽ tức nhiên cũng có thể phối-hợp các phương-thức trên.



Đi sâu vào chiến-thuật, Tôn-Tử nêu lên mấy nguyên-tắc xử-dụng lực-lượng:

* Nếu quân ta gấp mười quân địch thì ta vây họ.

* Nếu quân ta gấp năm quân địch thì ta đánh họ (ý nghĩa là công-hãm thành).

* Nếu quân ta gấp đôi quân địch thì ta chia sức họ.

* Nếu quân ta bằng sức quân địch thì ta phải chiến-đấu với họ.

* Nếu quân ta ít hơn quân địch thì ta phải giữ thế thủ.

* Nếu quân ta kém sức quân địch thì ta phải tránh họ ».

Trong mấy nguyên-tắc trên, một điều rõ-ràng là nếu tương-quan lực-lượng giữa kẻ tấn-công và kẻ bị công-kích không hơn ít nhứt gấp năm lần thì trận công-thành không trọn vẹn. Dưới tỷ-lệ gấp năm, thì hoặc tìm cách chia lực-lượng địch để có thể đánh, hoặc tạo điều-kiện cho họ ra ngoài để có thể chiến-đấu hoặc tránh hẳn việc công-thành.

Khi bàn đến tương-quan lực-lượng, điều cần chú ý không phải vấn-đề đem quân-số so-sánh với quân-số của kẻ trong và kẻ ngoài thành.

Tương-quan lực-lượng phải tính về tất cả các phương-diện : quân-lực và hòa-lực. Trong phép toán này cần phải nghĩ đến trình-độ kỹ-thuật, kinh-nghiệm chiến-đấu, tinh-thần dũng-cảm v.v.,...

Nếu một bên có năm tân-binh và một bên có một anh lính cũ, giàu kinh-nghiệm chiến-trường, cũng không thể coi là bên này mạnh gấp năm bên kia.

Nếu một bên có năm trung-liên nhưng không có chỗ đặt đề bản và bên kia có một trung-liên nhưng xạ-giới rộng-rãi, cũng không thể coi hòa-lực bên này gấp năm hòa-lực bên kia.

Chính việc so-đo tương-quan lực-lượng sai lầm mới đem kết-quả tai hại cho kẻ chủ-công. Kinh-nghiệm cho biết khi tổ-chức một công-đồn mà quên giữ đúng mức tương-quan lực-lượng nói trên thì trận đó trở nên hết sức phiêu-lưu mạo-hiêm.



Trong phần chót của thiên Mưu-Cống, Tôn-Tử vạch lên những yêu-cầu căn-bản của một tướng-quân.

Tuy mới đọc qua không thấy sự liên-hệ mật-thiết giữa những yêu-cầu này với chiến-thuật công-thành, song có lẽ Tôn-Tử muốn nhấn mạnh đây là điều yêu-cầu đặc-biệt cần-thiết cho một tướng quân lúc chỉ-huy công-thành.

Tôn-Tử nói :

1' / « Không biết quân mình có thể tiến mà sai quân mình cứ tiến.

— Không biết quân mình có thể lui mà lại sai quân mình cứ lui,

— Như thế là làm khổ cho quân lính.

2' / — Không rõ việc nhà binh mà lại tham dự việc nhà binh, khiến cho quân-tâm ngò-vực.

3' / — Không rõ quyền-hành nhà binh mà lại tham-dự đảm-nhận quyền-hành nhà binh thì quân lính sanh nghi ; lính đã nghi-ngờ thì các nước Chư-Hầu sẽ khởi-loạn, như thế chỉ làm loạn quân-tâm và khiến ta thất-bại thôi ».

mùa đông và chỉ thức dậy khi gió xuân hây-hây. Trong khoảng thời-gian đó, người ta tưởng chúng nó chết. Tuy-nhiên, chúng vẫn sống, nhưng tất cả sinh-hoạt trong cơ-thể đều chậm lại và điều lạ là tình-trạng ngủ ấy làm cho chúng cảm-cực được với rét lạnh.

Từ lâu, các nhà bác-học rất chú ý đến hiện-tượng kỳ lạ ấy. Người ta còn gặp những trường-hợp gần như nhân-tạo do chính thiên-nhiên hiển cho ta : thí dụ : những con hương-ngư (truites) bị mắc kẹt trong giá rét, lội trở lại được như thường, khi giá tan. Từ trường-hợp đó đến trường-hợp thực-hiện tình-trạng « đông-miên » hoàn-toàn nhân-tạo, chỉ còn một bước thôi, và ông Raoul Pictet, người Thụy-sĩ, đã vượt qua được vào năm 1880.

Ông Pictet ướp lạnh công các loài cá, sâu bọ, dơi, và có thể làm chúng sống lại bằng cách hơi ấm. Kết-quả ngày càng mỹ-mãn thêm. Thí dụ : đem ướp lạnh công một con chó 92° rồi 160° dưới số không (zéro). Khi hơi nóng dần-dần, nó chạy lại được như thường. Gà mái tây và thỏ chịu đựng được 100° dưới số không. Tóm lại, theo nguyên-tắc, con vật nào cũng có thể cho vào tình-trạng « đông miên » được, trừ loài chuột. Chưa ai cắt nghĩa được ngoại-lệ kia.

Còn những khả-năng thí-nghiệm về người rất là hạn-chế, vì thầy thuốc không có quyền ướp lạnh một người đang coi kết-quả ra sao. Mới xem qua, ta tưởng người cũng theo ngoại-lệ như chuột. Ta cho rằng tuy loài người chịu được lạnh ở miền lương-cực là 80° dưới số không, song không thể hạ nhiệt-độ cơ-thể người thấp quá nhiều mức thường là $37^{\circ},5$, vì như thế người sẽ chết. Nhưng ở đây ngoại-lệ chỉ là hình-thức thôi, vì người

ta đã chứng-tỏ được rằng người chết không phải tại lạnh mà tại cơ-thể suy-nhược vì đã quá rắng sức đề-chống chọi với lạnh. Không bao giờ người ta chết vì lạnh, nhưng chết vì suy-nhược. Nói một cách khác, nếu chúng ta có thể không chống-cự với rét lạnh thì rét lạnh cũng chẳng làm gì được chúng ta.

Trên một lãnh-vực khác, bác-sĩ Laborit cũng như tất cả các nhà giải-phẫu đều quan-tâm đến một vấn-đề thuộc phạm-vi thực-hành : đó là vấn-đề bệnh-nhân ngắt người đi sau khi mổ (choc opératoire) và đôi khi chết luôn, đầu cho việc giải-phẫu có vẻ thành-công. Trường-hợp xảy ra như thế cũng dễ hiểu. Bệnh-nhân được đem tới để mổ đã yếu lắm rồi. Cách điều-trị của bác-sĩ giải-phẫu lại bắt buộc cơ-thể họ phải cảm-cực một cách đặc-biệt. Việc mổ xẻ có thể thành-công lắm, thế mà bệnh-nhân lại chết, thì ta không phải chết vì con dao của nhà giải-phẫu mà chết vì suy-nhược bởi cơ-thể đã quá rắng sức chống-chọi.

Thế nên, từ trước đến giờ, muốn tránh tình-trạng ngắt-lim sau khi mổ, người ta nghĩ rất hữu-lý rằng cần phải thêm sức cho bệnh-nhân. Nhưng bác-sĩ Laborit nghĩ đến thí-dụ « đông-miên » tự nhiên của con « cu-ly » và trong trí nảy ra tư-tưởng trái ngược lại. Theo ông, cần phải bắt buộc bệnh-nhân không được động-viên và sử-dụng những sức-lực cuối cùng của họ mà phải tiết-kiệm sức ấy. Tóm lại, nguyên-tắc là đừng cảm-cực gì cả hay hơn là cảm-cực một cách thụ-động.

Khô nổi là cảm-cực hay không, chúng ta không thể tự-chủ được.

Trời lạnh chúng ta không thể không run và nổi ốc. Bộ máy điều-khiển cơ-thể ta cảm-cực, lại không tùy-thuộc ở ý muốn ta. Vậy muốn cơ-thể ta không chống cự,

trước hết phải « tách rời » (déconnecter) bộ máy ấy ra. Ông Laborit trộn các thứ thuốc như phénergon, curare (một thứ nhựa độc mà thổ dân châu Mỹ dùng để nhúng mũi tên độc) v...v... làm thành một chất mà ông gọi là « cocktail lytique ». Ta có thể nói là nhờ nó ông cắt đứt được liên-lạc giữa cơ-thể và bộ máy thần-kinh nội-tiết (mécanisme neuro-endocrinien). Chính bộ máy này định-doạt nhiệt-độ của thân-thể, tốc-độ của mạch v.v... Chỉ cần chích vào gân một lượng rất ít chất cocktail kia là bệnh-nhân mê-man bất-tĩnh. Bấy giờ, ta có thể ướp lạnh bệnh-nhân. Đó là kỹ-thuật của « đông-miên ». Nhờ nó, trong trường-hợp mổ xẻ khó-khăn, thí-dụ mổ ở tim, nhà giải-phẫu có thể mổ trên một cơ-thể mà máu chảy chậm-chậm, khỏi lo những cơn băng-huyết đáng sợ.

Bà Ellen Moore đã viết được những chữ nhỏ xíu « Anh Paul yêu dấu » và « Góc đường ».

Đối với bà Ellen Moore đầu bị súc cây đâm lủng, nếu đem ra giải-phẫu gì chút đỉnh là bà sẽ chết chớ không khỏi bệnh. Bởi thế, giáo-sư Rawbotham không ngần-ngại chích cho bà chất « cocktail lytique » và dùng lạnh ướp cho bà mê. Bà chỉ bận chiếc áo sơ-mi vắn, nằm dài trên tấm ra ướt, mình ướp nước đá, chỉ để đầu lộ mũi ló ra thôi. Bà nằm như thế trong sáu ngày, và nhiệt-độ bà không bao giờ quá 30°. Bấy giờ, ta phải cần đến khéo-léo nhà nghề của bác-sĩ Rawbotham vì không có « đông-miên » bác-sĩ đâu có dịp trở tài ; và cứ xem kết-quả, tài ấy cũng thiệt là phi-thường. Ông Rawbotham rửa vết thương, gỡ những mảnh xương vụn còn ghim nơi bộ óc và hình như cắt bỏ vài chỗ óc hư vô phương cứu-chữa.

Sau sáu ngày « đông-miên », bà Ellen được hơi nóng dần dần. Mặc dầu ở trong tình-trạng bất-tĩnh, bà vẫn còn sống và được như thể đã là một thắng lợi rồi. Có một lúc bà dấy-dựa mạnh trong chốc lát và xé cả tấm ra (clap). Rồi bà yên lại. Trong năm tháng rưỡi trời bà sống trong tình-trạng nửa mê nửa tỉnh ; tuy-nhiên bệnh càng ngày càng dăm. Ban đầu bà không ăn được gì cả và phải bơm chất bổ vào bao tử. Bấy giờ bà ăn được như thường.

Trong vòng-rã sáu tháng trời, chồng bà, sau khi suốt ngày đi từ nhà nọ đến nhà kia bán những ống hút bụi, hôm nào cũng vào lúc bốn giờ chiều, đến thăm và cầu nguyện cho bà. Ông tới thăm đúng giờ và siêng-năng đến nỗi các y-sĩ và y-tá — bấy giờ trở nên bạn ông — đều cho rằng ông xứng đáng được một mẽ-day to bằng cái chào.

Bà chưa nhìn ra chồng được, nhưng bà không phải hoàn-toàn vô ý-thức. Có một lần, người ta đưa cho bà cuốn sổ, bà viết được mấy giòng chữ nhỏ xíu mà người ta đoán ra là : « Anh Paul yêu dấu » (Dear Paul) và « góc đường » (street-corner). Thật vậy, bà bị nạn tại góc một đường phố.

Bà Ellen Moore sanh được một trai nặng gần 2k,3.

Khi người ta chở bà Ellen tới, bác-sĩ Rawbotham nhận thấy bà có thai được hơn vài tháng rồi. Lúc ấy, chính bác-sĩ cũng không dám tin bà có thể sống được nên không nghĩ đến vấn-đề đứa con. Nhưng từ khi kỹ-thuật « đông-miên » và tài khéo-léo của nhà giải-phẫu cứu bà khỏi chết, một mối lo-ngại mới nảy ra.

Bác-sĩ Rawbotham cùng giáo-sư chỉ-huy đỡ đẻ là ông Linton Morris Smith,

ngiên-cứu vấn-đề. Ông Rawbotham nghĩ nếu trong trường-hợp bà Ellen sanh được có nhứt thiết phải mổ bụng để lấy con ra không. Ông Smith, sau khi quan-sát kỹ bệnh-nhân, trả lời rằng ông tin chắc bà Ellen có ý-thức mình sắp sanh. Các nữ khản-hộ cũng đồng ý với ông. (Thiết vậy đến lúc gần sanh, chính bà cho các nữ khản-hộ hay). Thế nên ông Smith bảo cứ thử đẻ bà sanh như thường lệ. Ông Rawbotham rất đổi vui mừng. Hai bác-sĩ chỉ ngại là không biết tai nạn xảy tới cho bà Ellen trong lúc có thai sẽ có ảnh-hưởng tai-hại gì cho con bà sau này không ?

Ngày 18-11, tức ngày sanh-nhứt của bà Ellen, bà sanh-hạ được một con trai cân nặng bảy livres (nghĩa là gần 2k,3), giữa sự vui mừng của mọi người.

Nhưng chồng bà làm sao ngờ được chuyện lạ-lùng ấy, nên khi nghe điện-thoại kêu, ông mất hồn nghĩ thầm rằng có lẽ vợ mình đã chết. Một tiếng vui-về đầu giây nói cho hay : « Ông được một con trai. Cả hai mẹ con đều mạnh giỏi ». Ông mừng chảy nước mắt, miệng không ngớt cầu trời.

Ông bận bộ đồ « com-lê » đẹp nhất, bỏ vào túi món quà tặng vợ vào ngày sanh-nhật — một chiếc nhẫn vàng nhận hột xoàn — đi vô nhà sanh, ngồi suốt hai giờ bên cạnh bà Ellen.

Hiện giờ, tâm-trạng bà giống tâm-trạng một đứa bé bốn tuổi, nhưng là một đứa bé sung-sướng và mỗi ngày một tiến-bộ. Bà nhìn ra chồng và các cô khản-hộ được rồi, và biết rằng đứa con thứ hai tên là Stephen.

Lại nữa, mặc dầu tay bà còn bị bại, bà có thể đứng dậy và ngồi được trong chốc lát. Chừng một tháng nữa, người ta sẽ đem bà vào một trung-tâm giáo-dục lại. Và bác-sĩ Rawbotham cho rằng bà có thể trở nên một người đàn bà như mọi người đàn bà khác. Còn đứa bé, phải chờ ba năm nữa mới chắc-chắn được là tai nạn xảy ra cho mẹ không tồn-hại gì cho nó. Nhưng ông nhận xét : « Hiện giờ về mặt nó trông bình-tĩnh, đó là một dấu hiệu tốt ». Dẫu sao ông cho đây là một bước tiến mới mẻ trong ngành y-học. Thế nên, ông muốn viết một cuốn sách về trường-hợp bà Ellen Moore và ông định thuyết-trình tại hội-nghị quốc-tế của các nhà thần-kinh bệnh-học sắp mở tại Bruxelles, tất cả những tài-liệu ông đã thu-thập được, đặc-biệt những hình màu chụp mỗi giai-đoạn tiến-triển của bà Ellen và các đĩa thâu những tiếng rừ-rì nhỏ tí của bà.

MINH-PHONG

(Thuật theo báo ngoại-quốc)

Thiên cao thánh đê

Tổng Cảnh-Công, mắc tai vạ, bị mê hoặc trong lòng. Từ-Vỹ tâu rằng : « Hoàng-thượng hiện đang mắc tai vạ, nhưng có thể khiến mối họa ấy xảy đến cho tề-tướng », Cảnh-Công đáp : « Phắt đề cho tề-tướng trị nước chứ ». (Ý nói nếu tề-tướng mắc tai-họa thì ai trị nước bây giờ). Từ-Vỹ lại tâu : « Xin dời đến cho dân ». Cảnh-Công đáp : — « Dân chết thì làm vua với ai ? » — « Xin dời họa đến cho năm ». — « Năm mất mùa thì dân chết đói, dân chết đói thì ta làm vua với ai ? »

Từ-Vỹ lại tâu : « Trời tuy ở cao nhưng nghe thấp (Thiên cao thánh đê), vua có ba lời nói nhân, chắc vua sẽ được ba lần trời thưởng »

NHÂN NHỚ LẠI MỘT THỜI « KHÔNG CÒN NƯỚC »

NỖI LẦM-THAN CỦA DÂN TRUNG-HOA

ĐỜI NHÀ ĐƯỜNG

qua vài bài thơ của Đỗ-Phủ

NGUYỄN-NGU-Í

TRONG suốt nghìn năm bị người Tàu đô-hộ, chỉ có dưới đời nhà Đường là dân Việt ta chịu cơ-cực nhục-nhân hơn hết. Dân ta — dân « *tổ* » — đành phải thế, nhưng dân họ — dân « *chủ* » — thì sao ?

Thì cũng chẳng hơn gì dân ta cho mấy.

Ấy mới biết : ý mạnh, ý giàu, ý khôn, đem grom súng, quăng bạc tiền, đưa mưu-mô đề cướp nước người bằng cách này hay bằng lối nọ, bóc-lột dân người — trắng-trợn hay khoa-học — đến tận tủy xương, dùng đủ chính-sách — vụng-về hay nghệ-thuật — để bóp chết những nguyện-vọng chính-đáng của kẻ bị trị, trong khi chính đồng-bào mình cũng sống trong ngu-dốt, thiếu-thốn, loạn-ly, đó là tự đào sâu lỗ huyết để chôn mình và cả sự-nghiệp của mình luôn. Bài học của nghìn xưa, ngày nay vẫn còn giá-trị.

Ta hãy nghe đây lời một người dân Trung-hoa đời nhà Đường, một bậc thiên-tài về thi-ca, phải sống cảnh lang-thang, vất-vả trong ly-loạn, nuôi mộng lớn đem văn thơ mà xóa những bất-bình của xã-hội thúit nát đương thời, nhưng « *chỉ cũng chưa xong* », chết vì chứng thương-thực : ăn nhiều thịt bò quá trong lúc đói, mà đói bởi năm

mươi năm — nửa thế-kỷ — lăn-lộn nổi trôi gần khắp nước, toi-bời vì máu lửa, vì đói lạnh.

Đỗ-Phủ đã sống cảnh đau lòng :

Khói lửa luôn ba tháng,

Thư nhà đáng bạc muôn.

(NGUYỄN-HIỆN-LÊ dịch)

Đau lòng vì cảnh nhà, mà càng đau lòng vì nơi chôn nhau cắt rún :

Bình nhưng muôn nước nôn-nao,

Quê-hương biết đã ra sao đó rồi ?

Xưa về quen biết mấy ai,

Hay đâu sớm đã hóa nơi chiến-trường.

(TRẦN-TRỌNG-KIM dịch)

Được sum-họp với người thân sau một thời khói lửa, niềm hạnh-phúc này, mấy kẻ đã được như ông.

Trời Tây mây đỏ chập-chồng,

Kim-ô nghĩ bước trên đồng mệnh-mang.

Cửa sàt chim sẽ kêu ran,

Chủ-nhân về đến tự ngàn dặm xa.

Vợ con ngờ-ngác nhìn ra,

Hết lời kinh-ngạc, lau nhòa giọt châu,

Nỗi trôi thời loạn bấy lâu,

Mà nay còn sống : sự đâu lạ thường.

Đến thăm, chen-chút đầu tường,

Láng-diềng ai nấy cảm-thương ngọt-
ngào.

Đêm lần, chong đĩa dầu hao,
Như trong giấc mộng, nhìn nhau bàng-
hoàng.

(NGUYỄN-VĂN-TRUNG dịch)

Nhưng hết cơn loạn-ly này, thì tiếp cơn
loạn-ly khác, nhà thị-bá họ Đỗ còn phải
chứng-kiến lắm « điều trông thấy » :

Chiều hôm đến xóm Thạch-hào,
Đường đêm có lính lao-xao bắt người.

Vượt tường ông lão trốn rồi,
Cửa ngoài mẹ vợ một hai mời chào.

Lính găm mới dữ làm sao !
Mụ kêu như tỏ biết bao khổ tình.

Lắng nghe lời mẹ rành-rành :
« Ba con đóng ở Nghệ-thành cả ba.

Một con mới nhẩn về nhà,
Rằng : hai con đã làm ma chiến-trường !

Kẻ còn vất-vường đau-thương,
Nói chi kẻ dưới tuổi vàng thêm đau !

Trong nhà nào có ai đâu ?
Có thằng cháu nhỏ dưới bầu sữa hoi.

Cháu còn mẹ nó chăn nuôi,
Ra vào quần-áo tả-tơi, có gì ?

Thân già rán sức, dù suy,
Cũng xin theo lính mà về đêm nay.

Hà-dương tới đó sau này,
Cơm canh hầu bữa sớm ngày, còn trôi ».

Đêm khuya tiếng nói im rồi,
Vẫn nghe nức-nở tiếng người khóc

thương.

Sáng mai khách bước lên đường,
Chỉ cùng ông lão bế-bàng chia tay...

(NGÔ-TẮT-TỔ dịch)

Nên chi, người giàu tình đồng-bào và
tình nhân-loại ấy đã thù ghét chiến-tranh
đến cực-độ :

Có phước thì sinh gái,
Có tội mới sinh trai.

Sinh gái còn được gả lối xóm,
Sinh trai nó chết trong cỏ gai.
Anh chẳng thấy đất Thanh-hải ư ?
Từ xưa xương trắng có ai thu ?
Quí mới sầu oán, quí cũ khóc,
Trời tối mưa dầm, tiếng hu-hu !

(NGUYỄN-HIỆN-LÊ dịch)

Và nhà thơ ấy cũng đã nghĩ cách đem
lại ấm-no và yên vui cho dân lành đã quá
điều-linh túi-nhục vì lòng tham, tính ác
của lũ cầm đầu thuở ấy :

Dưới trời quận quốc biết bao thành,
Chẳng có thành nào chẳng giáp binh.
Sao không đúc giáp làm nông-khí,
Một tấc đồng hoang lúa mơn xanh.
Trâu hết sức cày,
Tằm trên nông đầy.
Chẳng phiền liệt-sĩ giọt châu sa,
Trai cày gặt dệt, đi vừa ca.

(NGUYỄN-HIỆN-LÊ dịch)

Giấc mơ khiêm-tốn thế và nào khó-khăn
chi ! Vậy mà nghìn năm sau, hơn một
người, hơn một dân-tộc, hơn một hạng
người vẫn còn mơ !

Là dân một nước độc-lập, người Trung-
hoa đời Đường đã ê-chề vì những lỗi-lầm
của lớp cầm đầu họ như thế, hướng hồ gì là
người nước Việt ta còn gặm thêm một
khối căm-hờn, khối căm-hờn của dân một
nước đã từng bị kẻ đề đầu dùng mọi cách
để biến mình thành một giống khác đây.

NGUYỄN-NGU-Ĩ

(1) Vì khuôn-khò tờ báo, chúng tôi không đăng
nguyên-văn các bài thơ dịch. Các bạn có thể
tìm thấy hoặc trong « Đường thi » của Ngô-
Tất-Tổ (Tân-Dân Xuất-bản), hoặc trong
« Đường thi » của Trần-Trọng-Kim (Tân-Việt
Xuất-bản), hoặc trong « Đại-cương văn-học-sử
Trung-quốc », cuốn II của Nguyễn-Hiến-Lê
(Nguyễn-Hiến-Lê xuất-bản).



Khai bút, MỘT LỜI CHƠI XUÂN CỦA NHÀ NHO

THONG-THÁ nhưng mà liên-tiếp, nặng nề nhưng không hì-hực, trái đất lần xây. Sau 365 ngày — còn dư mấy phút mấy giây, xin tặng làm quà Xuân cho các nhà thiên-văn — Sau 365 ngày, bánh xe tuần-hoàn trở lại bến xưa để rồi làm lại công việc nàng Pénélope (1). Lá pho xanh hoa khoe thắm, trời mây non nước thì nhau tô-điểm cho đượm vẻ trẻ-trung. Qua ngày khai-hạ, nông-phu vác cày mò lải đất đầu tiên, thương-gia mở cửa rước mỗi hàng đầu tiên, năm mới ai ai cũng chúc mừng, mong mỗi, trừ tính với một ý-định : năm nay sẽ hơn năm ngoái. Thế mới biết : « nhất niên chi kế thi ư xuân » (việc lo toan một năm bắt đầu nơi mùa Xuân).

Cào văn cước chữ, buồn trí, bán lời,

(1) Pénélope là vợ Ulysse, một anh-hùng thời cổ Hy-lạp. Trong suốt 20 năm trời Ulysse vắng nhà, nhiều người tới yêu-cầu kết-duyên cùng bà. Song bà khéo-léo từ chối bằng cách hứa sẽ nhận lời bao giờ thêu xong bức lụa. Nhưng ban ngày thêu ban đêm bà lại tháo ra. Sau này câu : « Công việc nàng Pénélope » là chỉ một công việc không biết bao giờ xong được.

cụ đồ cũng là một nông-phu, một thương-gia. Cụ tìm nơi sự hèn xui của đầu năm, cho nên đối với cây viết lông, tài nào cụ không thận trọng ? Trước hết, dở lịch Tàu, cụ chọn một ngày tốt, nguyên-đán hay là trực-khai. Ngày đó Cụ sửa lại vành khăn chữ nhân trên trán, vuốt cho thẳng hai ống tay của áo lương đen. Cụ sắp văn-phòng tứ bửu lên yên viết đặt trên chiếc chiếu kẻ, trước đỉnh trầm nghi-ngút hay là bình bông thoảng hương. Rồi trầm-mặc, chân xếp bằng, mắt lim-dim, cụ như xuất-trần để hái mấy vần thơ khai-bút ! Một khi cụ đã tỉnh lại thì Nàng Thơ cũng nhẹ-nhàng, lạnh-lẹ về với linh-hồn. Bấy giờ nơi môi đỏ đã in dấu mực đen tỏ rằng cụ đã mấp mề cây viết ; lập-tức, trên giấy hoa-tiên hay hồng-đơn rồng múa phụng bay, thao-thao bất-luyệt.

Thi hay chữ tốt ! Cái kết-quả của một năm mà biết đâu không phải vận-mạng của một đời người, ngẫm-ngẫm năm trong đó.

Bài khai bút có thể là thi-ca, hay là câu đối. Cần nhất là nó phải làm mau và, tiến lên một bậc, nó phải là tám gương tám-lý. Với những câu tả cảnh, tác-giả vẫn không quên hiện tại, nhịp cầu vắt ngang trên hai bờ quá-khứ và tương-lai ; nhưng người chú ý nhất về hoài-bảo xưa và nguyện-vọng mới.

Kể hoài-ngiht thì viết :

- « Băm bốn năm qua trót đại rồi !
- « Từ nay ta thử học khôn chơi.
- « Đêm cây viết cũ trau giồi lại,
- « Tô vẽ lằng-nhặng một góc trời.

Kể ngạo đời thời nói :

- « Đất khách mừng Xuân bằng nước... mắt.
- « Nhà nghèo, chơi Tết có buồn... gan.

Bạn muốn nghe khầu-khí của một thi-sĩ sao ? Thì đây :

« Chiều ba mươi chôn chặt cây nêu, tiết trung-trực đâm sâu vào địa-phủ.

« Sáng mồng một nổ bùng cái pháo, tiếng anh-hùng bốc thẳng tới thiên-cung ! » Cũng vì khai bút là một tục-lệ của con nhà có học nên từ nhỏ họ đã bắt buộc phải vâng theo. Ban đầu cha anh còn đọc cho những thành-cú mà chép, như : « dương xuân cảnh sắc, đại khối văn-chương » hay là : « thiên tăng tuế-nguyệt, nhơn tăng thọ, xuân mãn cần khôn, phúc mãn đường ». Rồi họ chỉ sơ về cấu-tứ mà đề mình tự tìm lấy chữ, làm lấy câu. Lăn lăn con chim kia chưa đủ cánh đủ lông mà cũng học đòi bay nhảy. Thành ra cái thú các cụ đều bạc lại là cái nạn cho mấy cậu lóc mới bỏ trái đào.

Tôi còn nhớ hồi mới mười một mười hai tuổi, tôi phải thi tài khai bút với năm sáu anh em trong họ. Với cái tuổi ấy, tôi còn ham đánh đáo, thả diều, thế mà phải làm thi, phải làm bằng chữ Hán. phải làm trong giấy lát, trời ơi... !

Miệng tôi gặm đầu cán bút mãi, tay tôi mần tà áo mãi, mắt tôi sượng đi, tai tôi ù lên, mắt tôi hoa rồi tuôn trào nước mắt. Mắc cỡ ! mắc cỡ ! Lêu lêu mắc cỡ ! Ừ, vì muốn đề-phòng cái mắc cỡ ghê gớm ấy, qua năm sau tôi làm một công

việc vĩ-dại : tôi thăm dự bị... bài thi khai bút... hai tháng trước đề đến ngày mà đặc ý loè đời !

« Thi mô tập nấy » lệ khai bút bây giờ chỉ còn gìn giữ nơi con cháu các đại-gia hay là danh-gia thôi. Mới đây tôi được thấy nguyên một tập khai bút của nhà một người bạn thân. Nó là hộ-tịch bộ (registre de l'état civil) của một gia-đình, và cũng là một văn-họa-phẩm hay hay có giá-trị, nhưng không phải đề kỷ-niệm Nguyễn-Du đâu... Ta hãy hình dung một tập vở xa hoa, giấy tốt, bìa cứng, trong đó mỗi ngày, gái, trai, trẻ, tùy tuổi, tùy tài, ghi mỗi hoài - cảm mình trong năm mới đề mà đánh dấu thời-gian.

Cô dâu là một họa-sĩ thì vát nét thủy-mạc đơn sơ, cô khai-mạc bằng hình chim oanh nhảy nhót trên nhành mai đơm đầy bông trắng. Vừa 11 tuổi, cháu út học ở lớp nhì, đã khéo gói tằm lòng trong-trẻo ngày thơ vào ít câu lục bát :

Xuân về vui sướng biết bao !
Trầm thơm, pháo nổ, bông đào
lẽ xanh.

Hơn người, mình hẹn với mình,
Nhà yên, nước thịnh, thái-bình âu ca.

Còn nói chi những cậu trai trẻ học ở lớp thành-chung hay là tú-tài.

Cậu thì :

Chúm chím hoa mai hé nụ cười,
Vườn hồng, đương đơm một màu
tươi.

Chúa xuân về với bao hy-vọng,
Mượn gió tung ra khắp đất trời.

Cậu thì :

Xuân nữ còn đang nhovn nụ cười,
Đón chào ta hãy cứ vui chơi.
Lảng quên khói lửa trời Âu Á.
Trau chuốt văn thơ dạ thắm tươi.

Thứ nhất là bút tích và giai-phẩm của một cô gái hay ngâm. Dưới đây là bài thi khai bút ân màu man-mác nao-nùng mà cô thảo hồi năm 1934.

Tin xuân vừa báo tới,
Cắt bút tỏ tình hoài.
Thương bấy non sông cũ,
Buồn thay hoa cỏ ai.
Nỗi chìm e phận gái,
Cay đắng sợ mùi đời.
Vui gượng cùng năm mới,
Anh em nô nức cười.

Trông người lại ngắm đến ta. Nếu tôi nói rằng không khai bút bao giờ thì tôi tự lừa gạt tôi và là khiêm-tốn giả. Còn nhớ xuân Tân tị (1941) bài thi đầu tiên của tôi như vầy :

Bên sông Bến-nghé bỗng xuân sang,
Khắp một trời nam tảo nắng vàng.
Bông giấy vượn mình khoe áo tía,
Cao-su rung nhánh cồi đồ tang.
Ngọn đèn bắt-dạ soi kim cò,
Tiếng pháo liên-thanh dậy xóm làng.
Thời tiết này vừa thời thế ấy,
Dầu bầm tám tuổi cũng xanh-xang.

Một điều tôi có thể cam-đoan được là bài ấy, tôi ứng-khâu lập thành, chứ

không soạn trước như hồi nhỏ nữa đâu. Sự tấn-bộ ấy là chứng nghiệm rõ-ràng về công-dụng của quốc-văn vậy.

NGÀY XUÂN NHẮN BẠN

Nắng vàng lấp-lánh trên cành biếc,
Gió nhẹ thung-thắng dưới đóa hồng.
Xuân đã về đây tươi thắm lạ !
Gấm hoa thêu dệt khắp non sông.



Lư đồng nghi-ngút tung hương xạ,
Chén ngọc rung-rinh dọn rượu nồng.
Vui Tết trẻ em đương hớn hở,
Bên tường cho pháo nổ lung-tung.



Thấy cảnh tung-bùng lại nhớ ai,
Nhắn cùng mây nước một đôi lời :
Tinh-thần mới mẻ cùng năm tháng,
Phước-lộc mệnh-mang tựa đất trời.



Rồi khi chợt tỉnh mộng thần-tiên,
Chỉ có ghi chằng mấy chữ tên ?
Lơ-lửng bạch vân : đời mị-dịnh ;
Bẽ-bàng minh nguyệt : giấc cô-miên.

THIỆM-MAI

■ Cũng là « Tự-ti mặc-cảm »

Nhan-Hồi tức Từ-Uyên, học-trò Không-Tử, là người có chí vì Đạo. Ông mắng lo ta-học nên quên cả sự nghèo cùng. Không-Tử khen ông : « Hiền thay trò Hồi ! Người ở trong ngõ hẹp với một giỏ cơm, một bầu nước. Ở cảnh ấy, người ta không ai chịu nổi tru-khờ. Thế mà trò Hồi chẳng đời chỉ vui thích của mình. Hiền thay trò Hồi ! »

Ông Nhiễm-Cầu thưa với Không-Tử rằng : « Chẳng phải tôi không hăm-mộ Đạo thầy. Nhưng tại sức tôi không theo nổi ».

Không-Tử đáp : « Kẻ không đủ sức, đi được nửa đường thì bỏ. Còn người, không phải không đủ sức, tại người vạch sẵn mức đường, đến mức đó thì người không chịu đi quá nữa đó thôi ». (Lực bất túc giả, trung đạo nhi phế. Kim như hoạch).

HẠNH-PHÚC LAO-ĐỘNG

LÀ Ở CHẾ-ĐỘ DÂN-CHỦ XÃ-HỘI

của L. G.

HAI năm gần đây, dồn-dập các vụ khởi-nghĩa xảy ra ở các nước mà Cộng-Sản đã cướp được quyền-hành như Đông-Đức, Ba-Lan, Hung-Gia-Lợi rồi cả đến Bắc-Việt.

Cộng-sản phao tin rằng các vụ đó do ngoại-bang xúi-dục hay do các phần-tử phản-dộng tư-bản chủ-trương. Nhưng ở Đông-Đức, Ba-Lan và Hung-Gia-Lợi, Cộng-sản đã nắm giữ hết các quyền-hành từ hơn mười năm nay, thì đâu còn thế-lực các phần-tử tư-bản. Công-an-viên Cộng-sản như rừng, gián-điệp ngoại-bang làm sao mà hoạt-dộng. Vì thế cả thế-giới đều thấy rõ chính là những giới mà Cộng-sản hết sức ve-vãn, giới lao-động, giới thanh-niên, đã trỗi giậy chống Cộng.

Vậy họ đã thất-vọng đối với chính-thề Cộng-sản và đã tỉnh ngộ.

Thật thế, Cộng-sản luôn luôn lớn tiếng tự-xưng là tấn-tiến Xã-Hội, là chính-thề của các giới lao-động. Nhưng MARX và

LENINE đã lầm. Kinh-nghiệm và thời-gian đã trả lời : Cộng-sản phản chủ-trương Xã-Hội, phản Lao-động.

Lập-luận của Cộng-sản ra sao ?

MARX và nhất là LENINE cương-quyết phải có độc-tài lao-động (dictature-du prolétariat) mới thi-hành được hoàn-toàn chế-độ xã-hội.

Phải có độc-tài lao-động mới diệt được hết tư-bản và công-nhân mới làm chủ được hết phương-tiện sản-xuất và thụ-hưởng hoàn-toàn giá-trị sức lao-động của mình.

Nói nghe thì rất đẹp. Cũng vì thế mà lập-luận này đã cám dỗ nhiều giới lao-động dễ tin, cả một số trí-thức nông-nòi.

Nhưng thực-tế đã trả lời.

Sau bốn mươi năm Cộng-Sản cầm quyền ở Nga Sô-Viết và hơn mười năm ở một số nước Trung-Âu và ở địa-lục Trung-Hoa, hoàn-cầu đã thấy rõ thế nào là độc-tài lao-động !

Đó chỉ là một chính-thể độc-tài của một số người đã khéo tuyên-truyền xảo-trá, đã lợi-dụng giới lao-động để cướp địa-vị. Khi có địa-vị rồi, họ chỉ chăm lo tìm mọi phương-pháp để củng-cố địa-vị ấy, không từ một hành-dộng nào : giết chóc lẫn nhau để tranh-dành địa-vị, thanh-trừng rừng-rợn để bịt miệng nhân-dân, bám chặt lấy quyền-hành.

Mượn danh-nghĩa độc-tài lao-động, số người đó lần lần tước hết quyền tự-do dân-chủ của nhân-dân, kể cả của các giới lao-động, vô-tình đã để họ lợi-dụng.

Quyền hệ-trọng là quyền tự-do bầu-cử cố-nhiên bị truất trước tiên. Người dân chỉ được bầu theo một danh-sách ứng-cử-viên, mà số người lợi-dụng đó đã chọn lọc trước kỹ-càng. Vậy nên ta không lấy gì làm lạ là Quốc-hội ở những nước Cộng-Sản chỉ là Quốc-hội phường-chèo, gồm toàn những người tay chân của nhóm người cầm-quyền, triệt-đề tuân-lệnh nhóm này. Địa-vị dân-biểu của họ không phải do dân-chúng tự-do chỉ-định, địa-vị của họ là do nhóm cầm-quyền ban cho, cố-nhiên họ phải tuân-lệnh nhóm này.

Người đi bầu cũng vẫn có quyền vào phòng kín bỏ phiếu chấp-thuận hay gạt bỏ danh-sách ứng-cử-viên do nhóm cầm-quyền đưa ra. Nhưng việc vào phòng kín là tùy-tiện, muốn vào thì vào, không vào cũng hay. Nghĩa là người nào chấp-thuận danh-sách đưa ra thì không việc gì phải vào. Trái lại, người nào sơ ý vào phòng kín, đã có công-an-viên ghi tên tình-nghi là phản-đối chính-phủ, là phản-động, có thể bị thanh-trừng, mất mạng, hay nguy-hiêm hơn, sẽ bị tù đầy (vì tù đầy dưới chế-độ Cộng-sản còn nguy hiêm hơn mất mạng). Vậy ai còn dám vào phòng kín ? Làm gì mà nhóm cầm quyền hay tay

chọn của họ chẳng luôn luôn được tín-nhiệm. Làm gì nhóm cầm quyền chẳng tha hồ thao-túng bất chấp nguyện-vọng nhân-dân mà đa số là lao-động, lao-động chọn tay hay lao-động trí-thức.

Như vậy, còn gọi sao được là giới lao-động cầm quyền ?

Quyền tự-do nghiệp-đoàn, cố-nhiên trở thành tối-kỵ. Chỉ có một nghiệp-đoàn duy-nhất mà những người cầm đầu là người nhóm cầm - quyền cử ra. Họ đề-cử người điều-khiển cùng anh em lao-động. Nhưng anh em không có quyền bầu bằng phiếu kín, chỉ có quyền vỗ tay hoan hô chấp nhận hay ra mặt phản đối. Anh em lao-động thân cô, thế cô, tất nhiên không dám xuất đầu lộ-diện công-khai phản-đối. Nên rất dễ hiểu vì đâu các nghiệp-đoàn không tranh-đấu bảo-vệ quyền-lợi của anh em lao-động mà nhất nhất theo mệnh-lệnh của nhóm cầm quyền. Rất dễ hiểu khi thấy nghiệp-đoàn luôn luôn « khuyến-khích » anh em tăng năng-xuất làm việc, hy-sinh, hy-sinh hoài để cố tăng mực-độ làm việc, thi-hành kịp kế-hoạch khỗ-sai của Nhà Nước.

Họ phao tin chính lao-động làm chủ các nhà máy sản-xuất, chính lao-động làm chủ các nông-trường tập thể (kolkhoze). Ở mỗi nhà máy, ở mỗi nông-trường có một ủy-ban mệnh-danh là đại-biểu lao-động để điều-khiển, nhưng ủy-ban đó lao-động không được tự-do bầu ra. Nhân-viên ủy-ban do nghiệp-đoàn chỉ-định, mà nghiệp-đoàn thì do chính-quyền chi-phối. Có khác gì chính-quyền, hay nhóm cầm-quyền, thế tư-bản, làm chủ hết các nhà máy, các nông-trường.

Trong chế-độ dân-chủ thực-sự các ông chủ tư-bản không có quyền vô-biên như vậy. Cạnh thế lực các ông này còn chính-quyền, do dân thực-sự bầu lên, mà đa-số

nhân-dân là lao-động. Còn lực-lượng vô cùng mạnh mẽ của các nghiệp-đoàn do lao-động tự-do thành-lập và bầu người điều-khiển.

Vậy tư-bản ở chế-độ dân-chủ không còn thế lực như hồi xưa, để tha hồ bóc-lột lao-động. Trái lại trong chính-thể độc-tài của Cộng-Sản, nhóm cầm quyền tước hết các quyền tự-do của người dân, hoàn-toàn nắm hết quyền-hành chi-phối triệt để các nghiệp-đoàn, làm chủ hết các nhà máy và nông-trường. Họ tha-hồ thao-túng, bắt-chấp nguyện-vọng của lao-động. Đối với các ông ấy, có to àn-quyền sinh-sát, người lao-động yếu lực, cô-độc không sao chống-chọi nổi.

Sau cuộc khởi nghĩa ở Budapest, công-nhân các nhà máy lớn truất hết các ủy-ban xí-nghiệp cũ và bầu các ủy-ban mới, thực-sự đại-diện cho anh em. Nhưng Chính-Phủ KADAR đã lập tức thanh-trừng, bắt bớ nhân-viên các ủy-ban mới này, và thay thế vào đó những ủy-ban do Chính-Phủ KADAR chỉ-dịnh. Đó là cách Cộng-Sản trả lại quyền chủ-nhân các nhà máy cho anh em lao-động !

Alfred REUTER, chủ-tịch Liên-đoàn Thợ-máy Xe-hơi Huê-Kỳ, một Liên-đoàn mạnh bậc nhất ở Huê-Kỳ, khi qua thăm anh em lao-động Ấn-Độ đã có dịp nói với họ như sau :

« Ở các nước Cộng-Sản, giới lao-động được người ta nhồi vào sọ là chính giới này làm chủ các nhà máy, các phương-tiện sản-suất, nhưng ở các nước đó không bao giờ công-nhân có xe hơi đi. Ở Huê-Kỳ, các nhà máy xe hơi do tư-bản làm chủ, nhưng công-nhân Huê-Kỳ có xe hơi đi ».

Lời nói của Alfred REUTER, đối với

giới lao-động Ấn-Độ càng có giá-trị, khi giới này biết là Ô. Alfred REUTER đã từng là đảng-viên Cộng-Sản bỏ nhà, bỏ nước, sang làm công ở xưởng máy GORKI của Nga Sô-Viết, nhưng ông đã thấy rõ sự thực của chế-độ Cộng-Sản, thất-vọng, bỏ đảng này, về nước lập nghiệp-đoàn tự-do tranh-đấu thực-sự cho lao-động, chống Cộng-Sản. Đã bị Cộng-Sản giết hụt nhiều lần nên ông được gần triệu anh em lao-động ngành xe hơi luôn luôn tín-nhiệm bầu làm chủ-tịch Liên-đoàn.

Thật vậy, cộng-sản không mang lại hạnh-phúc cho lao-động. Nhóm người lợi-dụng lao-động cướp được chính-quyền rồi, thì họ luôn luôn chăm lo củng cố địa-vị, và địa-vị vững-vàng, họ lại nuôi hy-vọng làm bá-chủ hoàn-cầu. Vì vậy họ tuyển mộ, chiêu-dãi hàng triệu công-an-viên, cán-bộ đảng, chỉ lo tuyên-truyền cho họ, ngăn-ngừa thanh-trừng những người phản đối họ. Hàng rừng người ăn không như vậy, không sản-xuất, chỉ vì lợi riêng cho nhóm cầm-quyền, thì giới lao-động sản-xuất có nhiên phải nai lưng làm việc, hy-sinh đến xương, đến tủy, để số rất lớn các tay chân của nhóm cầm-quyền ngồi mát ăn bát vàng.

Chính vì thế nên ta rất cảm-thông với nhân-dân Budapest, ta rất hiểu họ, trong khi khởi-nghĩa, họ đã lòng tìm đề giết những công-an-viên AVO.

Nhóm cầm-quyền còn nuôi nguyện-vọng bá-chủ hoàn-cầu. Luôn luôn họ tuyên-bố phải bá-chủ hoàn-cầu mới củng cố được chính-thể cộng-sản. Họ phải sản-xuất khí giới chiến-tranh, để hết tài-nguyên quốc-gia dùng vào sự chế-tạo khí-cụ giết người ! Họ phải hy-sinh cả sự tối cần của nhân-dân về phương-diện ăn, mặc và ở, để dành mọi phương-tiện cho chiến-tranh.

Khi nhân-dân ở chính-quốc Cộng-sản hay ở các nước chư-hầu lục tục chối giậy khởi nghĩa, lúc đó nhóm cầm-quyền mới giục mình tuyên-bố : sẽ lo một phần nào sản-xuất các vật phẩm thiết-dụng cho đời sống hàng ngày của nhân-dân.

Mia mai thay !

Nhưng dân-chúng không những cần sống đầy đủ, dân chúng còn cần sống tự-do nữa. Các cuộc khởi-nghĩa, đầm máu đã cảnh tỉnh một số nhỏ nhóm cầm-quyền cộng-sản.

Số nhỏ này đã cảm thấy cần trả lại tự-do cho nhân-dân. Không thì không những địa-vị họ, mà mạng của họ cũng không còn nữa.

Vì thế họ hạ bệ STALINE. Nhưng họ đã không ngờ là nếu trả tự-do cho nhân-dân thì chính-thể Cộng-sản sẽ sụp đổ.

Cộng-sản độc-tài làm sao đi đôi với Tự-do Dân-chủ được ?

Vì thế họ lại vội vàng tuyên-bố tôn sùng STALINE trở lại !

Sao bao cuộc đấu-tổ dã-man, bao pha thanh-trừng rừng-rợn, bao sự khởi nghĩa đầm máu, nay giới lao-động lần lần đã thấy rõ Cộng-sản không phải là một chính-thể xã-hội. Trái lại Cộng-sản phản xã-hội, phản giới lao-động.

Hạnh-phúc của giới lao-động chỉ có thể có được ở một chính-thể Xã-Hội Dân-Chủ thực-sự. Điều-kiện cốt-yếu để người lao-động có một đời sống xứng-đáng là phải có một chính-thể Dân-Chủ, theo đuổi chủ-trương Xã-Hội, tôn trọng sự độc-lập của Nghiệp-đoàn.

L. G.

■ Một chút «thuật» chính-trị của Mạnh-Tử.

Không có của cải bền vững mà có lòng dạ bền vững, duy có kẻ sĩ mộ đạo mới được như thế mà thôi. Còn người thường-dân, nếu họ không có của cải bền vững thì họ không giữ được lòng dạ bền vững. Nếu lòng dạ họ không bền vững thì họ trở nên buông-lung, là vậy, xa-xỉ, không có việc ác nào là họ không dám làm. Tới chừng họ vướng vào vòng tù tội, nhà cai-trị cứ chiếu theo luật-pháp mà hành-hình họ. Đó là nhà cai-trị bủa lưới gài bẫy dân vậy (Thị võng dân giả). Nếu có một bậc nhân-đức ngự trên ngôi-vị, người há nỡ bủa lưới gài bẫy dân sao ?

Bởi vậy cho nên đấng minh-quân chế-định điền-sản mà chia cho dân cày-cấy, cốt khiến cho họ, trên đủ phụng-dưỡng cha mẹ, dưới đủ nuôi-nấng trẻ con, năm năm trúng mùa thì mãi mãi no đủ, phải năm mất mùa thì khỏi nạn chết đói. Được vậy rồi mới khiến dân làm thiện. Tự nhiên, họ sẽ theo điều thiện một cách dễ-dàng.

MẠNH-TỬ

NỮ THI-SĨ SƯƠNG NGUYỆT-ANH

(1863-1921)

PHƯƠNG-NHÂN

BÀ Sương NGUYỆT-ANH được nổi tiếng khắp miền Nam là người có thi-tài và tiết-hạnh. Trong làng văn-ngệ ở đây, người ta sắp bà ngang hàng với Bà Huyện THANH-QUAN, tưởng không phải là điều thái-quá. Cũng như Bà THANH-QUAN, Bà Sương NGUYỆT-ANH chuyên làm thơ thất-ngôn bát-cú Đường-luật ; giọng văn cũng trang-nhã thanh-cao, có khi lại trầm-hùng ai-oán (Chinh-phu-thi) mà lắm khi chia-sẻ tâm-trạng với đồng-bào (Viễn-chí lưu-hành, Hội minh-lang) ; tình-cảm của Bà không kém dồi-dào, nhưng không quá lãng-mạn ; lòng Bà vẫn thông-cảm với những cảnh « non linh đất phước » và Bà vẫn chan-hòa giọt « nước mắt cô-cùng » trước cuộc biền-dâu như cụ thân-sinh Bà, là cụ ĐỒ-CHIỀU :

*Khóc là khóc nước nhà cơn bất-loạn,
hôm mai vắng chúa, thua buồn nhiều
nỗi khúc-nỗi.*

*Than là than bờ-cõi lúc qua-phân,
ngày tháng trông vua, ngơ-ngẩn một
phường tứ đại, »*

Bà Sương NGUYỆT-ANH là con gái thứ năm của cụ ĐỒ, nhũ-danh NGUYỄN-THỊ NGỌC-KHUÊ, sanh ngày 24 tháng chạp năm Quý-Hợi (1863), từ-trần ngày 12 tháng chạp năm Canh-Thân (4-1-1921) hưởng-dương được 59 tuổi.

GIA-THỂ

Bà sanh vào buổi giao-thời, buổi mà cụ ĐỒ sánh với trận bão-lụt làm ngã xiêu tràn-ngập giang-san, tràn-ngập những giá-trị chân-chánh, trong lúc nổi phình những nhơ-bẩn thúi-tha ; buổi mà giặc xâm-lăng tung-hoành khắp sáu tỉnh, từ Bến-Nghé đến Gò-Công, từ Đồng-Nai đến An-Hà-Quận ; buổi mà khói lửa tưới máu lệ từ thị-trấn đến nông-thôn yêu-quí của đồng-bào ta, gây ra một cảnh cảm-hờn ức-uất mà cụ ĐỒ đã mô-tả bằng nước mắt đề diếu-tế « Lục-Tinh sĩ-dân » :

*« Trời Gia-Định ngày chiều rạng ráng,
âm-hồn theo con bóng ác dật-dờ ;
Đất Biên-Hòa đêm vắng sao lơ, oan-quí
nhóm ngọn đèn thần heo-hắt.*

An-Hà-Quận đương khi bạch-trú, gió cây
vụt thổi, cát-bụi bay, con trốt
đậu bên thành ;

Sông Trường-giang mỗi lúc huynh-hôn,
khói nước xông mù, lửa đốt
nhất đùng, binh ma chèo dưới vực ».

Bà sanh vào buổi nước mất nhà tan,
toàn dân đều chịu muôn vàn lầm-tham
khổ sở :

« Các bậc sĩ nông công cổ, liền mang
lai với súng song-tâm ;

Mấy nơi tổng lý xã thôn, đều mắc hại
cùng tờ tam-sắc ».

(ĐỒ-CHIỀU)

Lẽ cố-nhiên Bà phải cùng gia-quyển
gánh chịu gian-khổ, đồng chung số-phận
với đồng bào :

« Bọn tam-giáo quen theo đường cũ,
riêng than bất-hạnh lâm nghèo ;

Bầy cửu-lưu cứ giữ nghề xưa, thăm
lùi vô-cô chịu cực ».

(ĐỒ-CHIỀU)

Vì « theo đường cũ, giữ nghề xưa » ;
vì trung-kiên với cái xưa, cái cũ, cái đất
nước, cái nhân-dân ; vì không khứng,
không biết xoay qua nghề mới, nghề bán
nước buôn dân, nghề làm chó săn chim
mồi cho giặc như Phủ Ba Tường, như
Lãnh-binh Tấn, nên họ đành cam với chữ
nghèo, họ phải ăn « rau dừa và với mắm
kho » (ca-dao) hay là phải xé mắm sống
mà đãi-dăng nhau như cụ Đồ với Cử
Trị.

Bà Sương NGUYỆT-ANH sanh-
sống trong cái cảnh nghèo ấy, lớn lên
trong cảnh xứ-sở bị chia hai, bị mất trọn.
Rồi Bà lại mất cha (1888). Bà phải
theo ở với anh ruột, người thứ ba, tên
NGUYỄN-ĐÌNH-CHÚC, tục kêu Ba
SÁNG.

« BỊ BỐ »

Bà Sương NGUYỆT-ANH vốn là
người mảnh-mai thanh-nhã lại nhờ học với
cụ Đồ, nên nổi danh tài-sắc trong vùng
Ba-Trị (Bến-Tre) là nơi chôn nhau cắt
rún : một ông Phủ đưa mai đến nói. Ông
Phủ ! một bậc « cha mẹ dân » - một cụ
« sâm-banh sữa bò », còn duyên nào tốt
hơn, còn vinh-diệu nào sánh kịp ? Nhưng
Bà trộm thấy theo con mắt của cha truyền
lại chớ không nhìn « giai-tế » bằng con
mắt tầm-thường của hạng gái chuộng quyen-
quí hơn nhân-nghĩa : thứ Phủ này là Phủ
Ba Tường, không quân bán nước cũng
phường hại dân, đã bị cụ Đồ mắng :

« Sống làm chi theo quân vô-đạo,
quảng vùa hương, xô bàn nghĩa, nghĩ tới
thêm buồn !

Sống làm chi ở lĩnh ma-tà, một rựa
chất, găm bánh mì, nghĩ càng thêm hồ ! ».

Bà từ-khước. Hắn đeo. Bà lại từ-
khước, hắn lại đeo hoài, khiến ông Phủ ta
đem lòng tiểu-nhân toan mưu làm hại : cứ
ít hôm là có trát Phủ đòi anh Bà đi « hầu ».
Bị « bố » mãi như thế, không còn phương
sanh-sống ở đây. Anh em bèn di-cư qua
tỉnh Mỹ-Tho, mong tránh nanh-vuốt của
hắn. Bỏ năm « xương tàn » của cha để
sang ăn-nấu tại Cái - Nước, tưởng được
yên-thần, nào dè « oan kia theo mãi, kem
nọ đòi luôn » ! Hai anh em lại phải di-
cư thêm một chuyến nữa, lại ở đậu nhà
ông Nghè Trương-Văn-Mân, tại Rạch-
Miếu, thuộc làng Thạch-Hồ, nay tách ra
làm hai xã : Tân-Thạch và An-Hồ, tỉnh
Mỹ-Tho.

Ở đây có Ông NGUYỄN-CÔNG-
TÍNH, một vị phó - tổng hiền lành được
lòng dân-chúng. đã sớm góa vợ, thấy Bà
đã lớn tuổi, nhờ người đến hỏi cưới Bà.
Xem đây phải chỗ và cũng dễ tránh nạn

“bổ” của ông Phủ kia, Bà ưng kết-duyên cùng ông Nguyễn-Công-Tính.

Bà đã muợn chồng lại muợn con : chùng sanh được một mụn gái, đặt tên VINH, vừa lên hai tuổi, Bà lại góa chồng !

Kể từ đó, Bà đặt vào trước tên tự của Bà chữ SƯƠNG, một lòng thủ-tiết cư-sương thờ chồng nuôi con trọn kiếp.

TIẾT CHĂNG DỜI

Vốn người tài-sắc, không may chính bạn lẻ đôi, Bà Sương NGUYỆT-ANH lúc bấy giờ khác nào như đóa danh-hoa trong vườn đời mà chúa Xuân đã một phen vĩnh-biệt. Đã từng nghe cha dạy : “Gái thời tiết-hạnh là câu trau mình” thì dầu cho “chước quỉ mưu thần” của ông Phủ nọ lúc ở Ba-Tri có thâm-độc đến đâu, dầu cho giọng quyền tiếng kèn của ai khéo quên-rũ, Bà vẫn một lòng sắt đá, vẫn “đứng giữa trời xanh tiết chăng đời.”

Một anh thầy đồ, ý mình cử-nhân, nghe danh Bà, đến viếng và dờ ngón văn-chương ra lòe Bà, — thâm ý cố-nhiên là tà-vạy. Thầy thách Bà ra một câu cho thầy đối chơi để kết duyên hân-mặc. Quen thói khiêm-nhường, Bà không dám múa rìu qua mặt thợ, nhưng thầy cứ nài ép, đối cùng Bà phải ra câu :

“ĐÌNH làng, tôi không dám PHẠM,
thưa ông tôi PHẠM-ĐÌNH-CHI ?”

Thầy ta thấy cả tên họ mình bị nhốt khéo vào một câu, lúng-túng không tài đối được, liền vác ô đi xuôi một nước !

Có một nhà nho khác, ở Chợ Giữa, thuộc làng Vĩnh-Kim-Đông (Mỹ-Tho), người thì nói là cư-sĩ Hồ-Bá-Xuyên, người thì nói là ông Chánh Bái-Liễu, muốn chấp-nối với Bà, nên gởi Bà một bài thơ :

*Trời đất ghen chi dự sắc-tài,
Vườn xuân vật úa bấy phần mai !
Gương loan sáng-sốt càng ngơ-ngáo,
Phấn vẽ giời mài lúc kếm phai.
Lặng-lẽ duyên hồng tơ-tóc vẫn,
Vấn-vương phận liễu thán ngày dài.
Bồng đào bao thuở thay đôi lứa,
Nỡ để trăng thu xế bóng đôi ?*

Thứ “quân-tử” như danh : “chơi hoa rồi lại bẽ nhành bán rao” (ca-dao) ai lại không biết mà làm. Tuy-nhiên Bà vẫn giữ một thái-độ trang-trọng mà họa vắn :

*Tài không sắc, sắc không tài ;
Lá úa nhành khô cũng tiếng mai !
Ngọc ánh chi nài son phấn đượm,
Vàng rờng há sợ sắc màu phai !
Ba giềng trước đã xe tơ vẫn,
Bốn đức nay tua nổi tiếng dài.
Dẫu khiến duyên này ra đến thế,
Trăng thu dầu xế, rạng non đôi.*

Tuy sắc tài sẵn có mà không cần điểm phấn tô son ; dầu tuổi xế theo bóng trăng thu, nước vàng rờng không e phai-lạt ; tơ-duyên trước đã lỡ ngẩn, âu là tiết-hạnh nay tua giữ bền : chính Bà đã tự-vịnh :

Chẳng phải tiên-cô cũng đạo-cô.

Giọng văn tao-nhã, thái-độ đoan-trang, khiến ai lại chẳng động lòng thán-phục ? Thế mà vẫn có một chàng xuyên-tạc, dám bảo là Bà treo giá kén-lựa, nên thả giọng bắt nhả :

*Phải gần với Nguyệt lúc lưng vơi,
Đặng hỏi Hằng-Nga nổi sự đời !
Ở hạ mây mưa còn kếm sắc,
Về thu non nước tỏ cùng nơi.
Hay trông Du Lượng xây lầu nước,
Hoặc đợi Thanh-Liên cắt chén vôi ?
Vóc ngọc há sòn cơn gió bụi !
Tài-tình rõ mặt khá đua-bơi !*

Chàng đây cũng là một ông Phủ, thứ Phủ Ba Tường đã bị Cụ Đồ-Chiều, Cử-Tri, Huỳnh-Mẫn-Đạt và dân-chúng lên án là phản nước hại dân, thứ người mà chính Bà cho là "dứa gian" bụng chất-chứa đầy những "chước quỷ mưu thần". Tuy không đủ chí-khí như Cụ Đồ dễ chọi vào đầu dứa gian ấy, nhưng Bà cũng đủ can-dảm mà đáp lại bằng hai bài với một giọng văn thích-dáng :

*Đường xa vùi vùi, dậm vùi vùi,
Nghĩ nổi mây xanh ngán sự đời!
Biền ái sông ân còn lắm lúc,
Mây ngàn hạc nội biết là nơi.
Một dây oan-trái rồi vay trả,
Mấy cuộc tang-thương há đời đời.
Chước quỷ mưu thần âu những kẻ,
Gặp con nguy-hiềm khó đưa-bơi.*



*Hết lúc trắng đầy đến lúc vơi,
Dinh hư trong cuộc phải coi đời.
Ven mây bản thổ xa ngàn dặm,
Đáy nước cung thiềm tỏ khắp nơi.
Nội trí dứa gian hiểm về rặng,
Vui lòng người triết thú đưa bơi.
Khởi dòng hồi thực ung ra mặt,
Đứng giữa trời xanh tiết chẳng đời.*

Trước Bà, Cụ Đồ và các bạn đồng-chí đã mắng tạt mặt bọn phản nước hại dân trong lúc những Trương-Định, những Thủ-Khoa Huân, những Thiên-Hộ Dương, những Nguyễn-Trung-Trực, những Phó-Cơ-Điều hòa máu với nhân-dân đánh đuổi quân cướp nước ; nhưng vì điều-kiện vật-chất kém thua, nước ta phải sa vào cảnh bại vong và dân ta phải chịu lắm than đành cam cho bọn phản nước hại dân :

* Phạt cho đến người hèn khó, thâu của quay treo ;

Tội chẳng tha con nít đàn-bà, đốt nhà bắt vật.

Kề mấy mươi năm trời khổn-khó, bị khảo, bị tù, bị đầy, bị giết, trẻ già nghe nào xiết đếm tên !...

(ĐỒ-CHIỀU)

Kẻ thì đưa đường dẫn lối, kẻ thì làm chó săn chim mồi, kẻ thì ra "lời truyền-thị", chúng hết lòng hết dạ phò-tá "tân trào" đề lập lại "an-ninh trật-tự". Bà một thân nhược-chất liễu-bồ, không sánh tày Trưng-Triệu đành âm-thầm mà khóc theo cha, lặng chờ thánh-chúa :

« Khóc là khóc nước nhà con bán-loạn, hôm mai vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nôi ;

Than là than bờ cõi lúc qua-phân, ngày tháng trông vua, ngo-ngần một phượng tờ đại ».

(ĐỒ-CHIỀU)

Nhưng vua nào đến cứu nước nhà, chúa nào đến vớt nhân-dân ?

Cụ Phan-Thanh-Giản đã phải quyền-sinh trước cảnh :

*Ái Bắc ngày chờ tin nhận vắng,
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyền sầu !*

Tuy-nhiên, phải chăng có trực-giác thăm báo mà Bà không tin rằng "cái an-ninh trật-tự" kia sẽ tồn-tại muôn năm, khiến Bà đã đặt tin-tưởng vào ngày tươi sáng của non nước đến lúc "cung thiềm tỏ khắp nơi" :

*Hết lúc trắng đầy đến lúc vơi,
Dinh hư trong cuộc phải coi đời.*

Hình như đáp lại sự trông-dợi tha-thiết của nhân-dân thành Nam, bỗng vua Thành-Thái ngự vào Sài-Gòn, không nhớ chắc năm 1898 hay 1899. Nhân-dân đua

nhau đi nghinh-tiếp chật đường ; nam-thanh nữ-tú ở các đô-thị đua nhau với già trẻ bé lớn ở làng-mạc kéo về ; kẻ lội bộ, người ngồi xe ; kẻ dai cơm, người bầu nước, đám dân đen nô-nức chen nhau về Sài-Gòn nghinh-giá, lòng những mang nặng một hoài-bảo gì...

Riêng giới ca-nhạc, mỗi hoài-bảo được thể-hiện bằng tám bài tân-nhạc, do Ông BA ĐỢI sáng-tác, gọi là tám bài ngự, đến nay vẫn còn nổi-truyền :

1.— Đường Thái-Tôn

2.— Vọng-Phu

3.— Chiêu-Quân

4.— Ái-tử-kê

(Bốn bài này thuộc giọng Bắc)

5.— Bát-man tấn-cống

(Bài này nửa giọng Bắc, nửa giọng Nam).

6.— Trương-Tư

7.— Duyên kỳ-ngộ

(Hai bài này thuộc giọng Nam).

8.— Quả-phụ hàm-oan.

(Bài này thuộc giọng oán).

Tám bài ngự nói lên tấm lòng ngưỡng-vọng chẳng những của nhạc-sĩ mà là của toàn dân Lạc-Tĩnh.

Bài Bát-man tấn-cống tuy sắp vào hàng thứ năm, nhưng chừng tấu lên thì mở đầu cho tám bài, ngụ-ý bày-giải tấm lòng khấp-khởi của nhân-dân được điểm-phúc nghinh-giá nhà vua, chẳng khác nào những dân man-rợ xưa kia ở Trung-Quốc hợp lại triều-cống đấng Thiên-tử. Thiên-tử ở đây ngụ vào xứ Đồng-Nai trù-mật, theo quan-niệm của nhân-dân Lạc-Tĩnh, thì có thể ví bằng vua Đường Minh-Hoàng viễn-du trên cung Nguyệt : đó là ngụ-ý bài Đường Thái-Tôn, nối-tiếp sự vui-mừng đã bộc-lộ trong bài Bát-man tấn-cống.

Nội-dung của bài Vọng-phu tho-thẻ tám làng mền trông, mỗi đợi của thần-dân đối

với dấng quân-vương, ví như nỗi-niềm tha-thiết của nàng vọng-phu hóa đá.

Trong cảnh trông-chờ tuyệt-vọng ấy, nhân dân Lạc-Tĩnh nhận thấy mình đang vào vàm của chánh-sách « phân-ly để cai-trị », vì Lạc-Tĩnh đã bị đặt dưới chế-độ trực-trị, còn ngoài nọ thì vẫn còn ít nhiều quyền-hạn nhà vua : xứ Nam-Kỳ bị cô-lập đối với Tò-Quốc, bị cách-biệt đối với Quê-Hương, không khác nào nàng Chiêu-Quân xưa phải sa vào gông-cùm của quân rợ Hồ cừu-dịch. Trong tình-cảnh éo-le ấy, bài Chiêu-Quân diễn-tả một tâm-trạng u-buồn lẫn uất-hận của nhân-dân, một tâm-trạng càng tăng thêm u-uất trong bài Ái-tử-kê nối-tiếp ; trong bài này, tiếng đồn kêu lên như tiếng bầy gà con lạc mẹ đang liu-chiu lít-chít bơ-vơ !

Tình-cảnh lạc-loài của bầy gà lạc mẹ khiến cho người trong cuộc phải buồn đay buồn nghiêng như kẻ trương-tư ; cho nên bài Trương-Tư bổ-túc bài Ái-tử-kê để mô-tả tấm lòng nhân-dân cho thấu-đáo.

Tuy-nhiên, biết sức tranh đấu của mình và tin-tưởng mãnh-liệt vào khả-năng khôi-phục độc-lập và thống-nhất của toàn-dân, người Lạc-Tĩnh đôi câu làm vui, vui vì ngày nay đã gặp được một vị mà mình cho là vị Cứu-Tĩnh, vui vì tin rồi đây mình sẽ mãn-nguyện. Nỗi vui này được phò vào bài Duyên Kỳ-Ngộ vậy.

Tấm lòng của nhân-dân Lạc-Tĩnh đứng với đạo-lý như thế và nhưt là chân-thật như thế, cho nên, sau khi mấy đoạn tơ-lòng đã lần lần tháo-mở dưới năm đầu ngón tay rướm máu, người nghệ-sĩ cùng với nhân-dân chạnh nhớ lại cái thực-trạng oái-oăm là cái cảnh hàm-oan của mình đang chịu. — mình đang chịu tiếng oan là bỏ nước vào thù ! Bài Quả-Phụ hàm-oan chấm dứt loạt bài ngự bằng một

tiếng ai-oán của người trung-kiên mà bị vu-oan là phản-thần.

Nội-dung phong-phú của tám bài ngự đã bộc-lộ được những tình-cảm dồi-dào của nhân-dân cũng như của nhạc-sĩ, mà giọng đờn còn biến-chuyển từ Bắc sang Nam đến Oán, tuy không có giọng nào thuần-nhút giọng nào, nhưng ba giọng đều nhứt trí trong lòng dân, trong chí dân, một cách rõ-rệt.

Cái nhứt-trí đó, cái bông-bột đó, vẫn được thể-hiện càng rõ-ràng hơn nữa trong người của một quả-phụ, một người sùng-phụ thi-sĩ. Người quả-phụ này thực-tế đã từng bị hàm-oan, đã từng bị « đũa gian » nói xấu, đã từng ôm một hoài-bảo với toàn dân, và đã từng phát-biểu tâm-chí của mình trong lúc vua Thành-Thái được tấu dâng tám bài nhạc ngự :

*Ngàn thu may gặp hội minh-lang,
Thiên-hạ ngày nay chỉ mở-mang.
Tắc đất ngọn rau tràn dưới đất,
Đai cơm bầu nước chặt ven đàng ;
Vui lòng Thánh-đế nơi xe-ngựa,
Xót dạ thần-dân chốn lửa than.
Nước mắt cô-cùng trời đất biết,
Biền-dâu một cuộc nghĩ mà thương.*

Đây là bài thi tức-sự của Bà Sương NGUYỆT-ANH làm ra trong dịp vua Thành-Thái vào Sài-Gòn ngự-yến. Trong ấy, bốn câu đầu bộc-lộ rõ-ràng những cảm-tình nồng-nhiệt của nhân-dân và diễn-tả cảnh náo-nức của nhân-dân nghinh-tiếp « Thánh-đế ». Trái lại, trong đoạn sau, nhà thơ, — một phần-tử nhỏ yếu trong đám « thần-dân » — không che-giấu được tình-cảnh đau-thương của biền-cổ quốc-gia, không che-giấu được nỗi thất-vọng ê-chề của thực-trạng :

*Vườn luống trông xuân, huê ủ-dột,
Ruộng riềng buồn chủ, lúa khô-khan.
(ĐỖ-CHIỀU)*

Trông xuân, xuân trở về mà huê vẫn còn ủ-dột ; ruộng chủ, chủ hiện đó mà lúa vẫn khô-khan ; thần-dân vẫn còn âm-tầm thiêu thân trong chốn lửa than, trong cái hỏa-ngục của cừu-dịch :

*« Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-
tàn,
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-va. »
(NGUYỄN-TRÁI)*

Chúa tôi đã gặp-gỡ, hư-thiệt đã phân-minh, mới hay « năm dài những mảng ngóng tin vua » là hảo, từ đây thần-dân chỉ còn có phương đồ giọt « nước mắt cô-cùng » mà :

*« Phân-bua trời đất biết cho lòng. »
(ĐỖ-CHIỀU)*

Bà Sương NGUYỆT-ANH đã thông-cảm với nhân-dân như thế và Bà đã quay đường-lối kiên-trung tư-tướng về với nhân-dân từ đây.

CHÀNG ĐI BAO THUỞ LẠI QUÊ NHÀ

Lập-trường của con gái Cụ Đồ Chiểu đã rõ ràng, Yêu nước một cách thiết-tha, hờn thực-dân một cách thăm-kín, tuy không tài Trung Triệu dâng giải-phóng quê-hương, nhưng Bà Sương NGUYỆT-ANH vẫn noi chí cha, không chịu khuất-phục dưới uy-quyền thực-dân, trong lúc những kẻ xu-thời phản-quốc tung-hô « mẫu-quốc muôn năm », thậm chí còn cồ-vô cho hanh-niên ta từng-quân sang Pháp làm mồi cho đại-bác trong trận Âu-chiến 1914-1918 :

*« Tại nơi Mẫu-quốc,
Giữa chốn chiến-trường.*

Biêu ngựa đề thương,
Xông tên đút pháo,
Phạt người vô đạo,
Diệt kẻ hung-tâm.
Ta những vái thầm,
Bền quân thắng trận,
Ta hằng ước vãn,
Ra sức giúp công,
Quyết tử gan trung,
Dốc bia tài dũng,
Nghe lòng cô-động,
Rao việc mộ-quân,
Rất đổi hoan-hân,
Vô cùng khoái-lạc ! »

LÊ-TRUNG-THU

(Dân mộ đi tây, Nhà in J.Việt
SAIGON, 1916)

Lẽ dĩ-nhiên Bà không tán-thành cho thanh-niên ta hy-sinh cho thực-dân, hy-sinh cho sự phú-cường của thực-dân để củng-cố cái ách thống-trị của thực-dân. Chống-đối lại, Bà phản-tuyên-truyền, chơi lại phong-trào mộ dân đi Tây, nên, hôm nọ ở trên lầu tòa báo NỮ-GIỚI-CHUNG, thấy người ta đưa thanh-niên xuống tàu sang Pháp để « phạt quân Anh-mãn vô đạo », Bà tức cảnh làm một bài CHINH-PHỤ-THI :

Đình thảo thành sào liễu hựu ti.
Chinh-phu hà nhật thị qui kỳ ?
Bán liêm tàn nguyệt thương tâm dạ.
Nhứt chầm đề quyền lạc lệ thì.
Tái bắc vân trường cô nhận ảnh.
Giang nam xuân tận lão nga mi.
Tác lai kỷ độ tương-tư mộng.
Tăng đảo quân biên tri Lĩ tri ?

Sau lại, em Bà là ông NGUYỄN-ĐÌNH-CHIÊM dịch nôm như sau :

Cổ rạp sân thêm liễu rủ hoa.
Chàng đi bao thuở lại quê nhà ?

Nửa rèm trắng xẽ lòng ngao-ngán.
Chiếc gối quyền gào lụy nhỏ sa.
Ái bắc mây giăng che bóng nhận.
Vườn xuân nắng tạt ủ mây nga,
Nhớ nhau mấy lúc chiêm-bao thấy ?
Ngàn dặm lang-quân biết chẳng là ?

Trong thời Nam-Bắc phân-tranh, bài trường thi CHINH - PHỤ NGÂM-KHÚC của Đặng-Trần-Côn và Đoàn-Thị-Điễm đã chống lại chiến-tranh giữa phong-kiến với nhau, ngụ ý giải-hòa huynh-đệ để tránh cuộc nổi da xáo thịt ức-oan ; nay bài bát-cú CHINH-PHỤ THI của Bà Sương NGUYỆT - ANH và ông NGUYỄN-ĐÌNH-CHIÊM cũng chống lại chiến-tranh để-quốc xâm-lãng, ngụ ý ngăn-cản thanh-niên ta hy-sanh vô nghĩa-lý, hy-sinh cho kẻ thù của dân-tộc.

LÒNG SON

Ngoài Bắc có Bà Huyện Thanh-Quan ; trong Nam có Bà Sương NGUYỆT-ANH. Hai bà đều thuộc hàng trí-thức. Thơ của hai Bà đều thuần một giọng thanh-nhã trang-nghiêm. Bà Thanh-Quan không bằng lòng với triều - đại hiện-thời mà không thấy lý-do thích-dáng, nên Bà hoài-vọng cái quá-khứ nào đâu đâu. Bà NGUYỆT-ANH không bằng lòng với Tân-Trào của thực-dân, cùng với nhân-dân một lòng dịch-khải và một dạ « trông vua », nhưng chừng thấy được cái bất-lực của vị « cứu-tinh », Bà rút hy-vọng lại đặt vào nhân-dân và cùng nhân-dân lừa cơ-hội mà chống lại thực-dân, tùy theo phương-tiện. Bà NGUYỆT-ANH đã tỏ ra đáng mặt làm con của cụ Đồ-Chiêu, — người đã kiên-trung cùng đất nước trọn vẹn theo lời thề-nguyên :

« Lòng son xin có hai vừng tạc ! »

PHƯƠNG-NHÂN

Bao giờ TRỜI LẠI SÁNG?

PHẠM-DUY-LÂN

*Kính tặng các bạn đã sống những ngày
vô - tận trong trại giam Việt - Cộng.*



CHIỀU xuống dần trên dãy đồi Kim-Tân...

Ánh nắng vàng hoe đã tắt trên rừng cây trùng-trùng điệp-diệp, không còn một bóng người lai-vãng bên ngoài, nhưng bên trong hàng rào nửa cánh sẻ của trại tăng-gia Lý-Bá-Sơ, các nạn-nhân bị giam-cầm của chế-độ Việt-Cộng, được mệnh-danh một cách mỹ-miêu là « trại-viên », đã từ những đồi ruộng tăng-gia, trở về tập-hợp trên sân láng xi-măng rộng lớn trước trại giam.

Sau một ngày làm việc cực-kỳ vất-và, người nào cũng mệt-nhọc uể-oải, không còn thiết trò chuyện gì nữa. Họ ngồi phệt ngay trên sân, thành từng nhóm năm người bao quanh miếng phen tre, trên dề một giá cơm trộn ngô lạnh ngắt và một đĩa muối có loáng-thoáng ít vừng. Tất cả bữa cơm chiều có thể, nhưng với sức đói « kinh-niên », già hay trẻ, khoẻ hay ốm, ai cũng ăn một cách rất ngon miệng.

Ở một góc sân, bốn người vẫn ngồi đợi, chưa ăn : Keng, chủ-tịch kháng-chiến một làng công-giáo bị tình-nghi thủ-tiêu cán-bộ Việt - Cộng ; Tâm, một giáo-sư phản-đối chính-sách độc-tài ; Hiếu, một nông-dân Nam-Định bị ghép vào tội theo nguy-quyền ; cụ Điều, thân-hào ở Bình-Định, tình-nghi gia-nhập đảng-phái đối-lập.

Keng bỗng reo lên : « Tô-Vũ đã về kia ». Một đàn dê chừng năm chục con đi thùng-thắng qua cổng trại, tiến về phía chuồng nuôi, ở lưng-chừng đồi, bên ngoài hàng

rào nữa. Theo sau là bóng dáng bất-hủ của anh chẵn dê, lưng hơi gù và thân hình thấp bé. Anh mặc một bộ áo nâu bạc phếch, hai ống quần kéo cao ngang đầu gối, chân lê đôi guốc mộc to bản, tay cầm chiếc gậy dài vút ngang vút dọc để lừa đàn dê vào chuồng. Không ai biết tuổi anh bao nhiêu nữa, chỉ căn-cứ vào bộ râu quai nón đỏ bẻm, dài hơn gang tay, và nét mặt phong-trần đầy năng đặn sương, để tôn lên làm cụ « Tô-Vũ ».

Cũng không ai hiểu tại sao anh bị giam cầm, chỉ biết anh là tay kỳ-cựu, đã ở trại giam Hải-Phòng từ lúc tiếng súng toàn-quốc bùng-nổ và đã theo Lý-Bá-Sơ vào Thanh-Hóa từ năm 1947, « khai-sơn phá-thạch », mở trại tăng-gia đầu tiên của Liên-khu III. Theo tuổi giam, anh gần được năm tuổi, nên cũng có đôi chút tín-nhiệm, và được giao-phó trông nom đàn dê của trại. Sáng sớm, anh lừa dê đi và tối mịt mới chẵn về; suốt ngày anh lang-thang trên dãy đồi núi, quen với tất cả thổ-dân và thường có dịp cắt lên ra chợ Kim-Tân. Một tuần ba lần anh mang dê non ra để thết-đãi các cán-bộ cách-mạng nên biết rõ tin-tức trong văn-phòng Lý-Bá-Sơ, cách trại giam độ hai cây số.

Bởi vậy, anh là tai mắt trại giam, để báo cho các anh em biết các tin-tức bên ngoài.

Lừa xong đàn dê vào chuồng, anh cũng không buồn xuống rửa chân tay ở hồ nước dưới chân đồi, vội ra trình-diện với cảnh-vệ gác trại, rồi vào ngay trong trại.

Hiếu đồn-dập hỏi : « Sao, đã có tin-tức gì chưa ? » Tô-vũ cười ha-hà, ngồi sẹp xuống đất trả lời : « Nghe như đã có danh-sách rồi, Keng, Hiếu với tớ thì chắc-chắn lắm, còn ông Tâm và cụ Điều có lẽ chưa có gì ».

Keng và Hiếu khế rú lên, không giữ nổi niềm sung-sướng vô-biên tràn-ngập trong tâm-hồn họ. Nét mặt hân-hoan, họ như theo đuổi một giấc mộng kỳ-lạ vừa hiện ra đột-ngột, và một nguồn sinh-khí lại bắt đầu chảy trong cơ-thể họ. Sự vui mừng lớn-lao đến nỗi họ quên hẳn hai người bạn cùng cảnh-ngộ, giờ đây đương ngồi chết lặng không thốt ra được lời nào.

Tô-vũ, người tự-chủ được hơn hết, giục anh em : « Thôi, mình hãy ăn cơm cái đã, lát nữa tôi sẽ kể đầu đuôi cho nghe ».

Sống trong trại giam Việt-Cộng là như vậy. Chỉ có việc ăn là quan-trọng hơn hết. Vui đến cực-kỳ hay buồn nát ruột, người ta cũng không thể bỏ bữa cơm được. Một nắm cơm trộn và ít muối vừng, nhưng phải ăn để cơ-thể khỏi sụp xuống, và sức sống còn giữ vững được.

Gần tới ngày 19 tháng 8, kỷ-niệm cách-mạng thành-công, các trại-viên đều bồn-chồn lo-lắng, không hiểu mình có được phóng-thích hay không. Tất cả chỉ sống để chờ giây phút được gọi lên ban Quản-trị cho biết tin được trả tự-do.

★

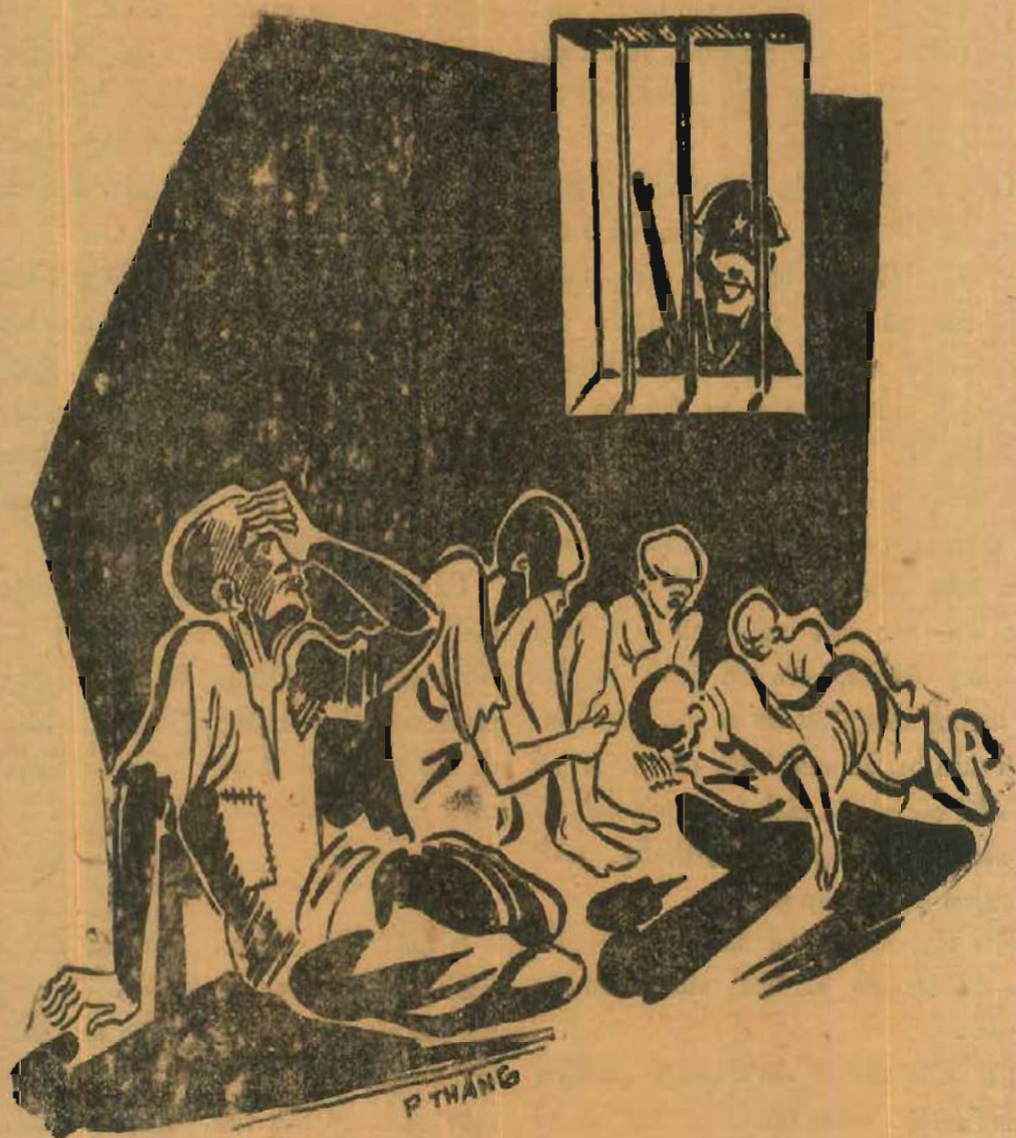
6 giờ... Đêm-danh... Giờ phút này, ở khắp các kinh-thành đô-thị. ánh đèn điện bắt đầu sáng ngời, báo hiệu đời sống thần-kỳ ban đêm sắp sửa khởi diễn. Sau một ngày cặm cụi làm việc, nhân dân tung bừng sửa-soạn đón chờ những cuộc giải-trí làm tiêu-tan những sự mệt-nhọc của thể-chất.

Ở giữa nơi đồi núi âm-u trong căn nhà năm gian hai chái, vuông vắn và kín-mít, mấy trăm trại viên, nằm san-sát như những thây ma trên mấy dãy sàn tre lát vầu. Sức chịu đựng đến đây là hết. Bao nhiêu cố

gắng, bao nhiêu nghị-lực đã phung-phí để làm tròn việc vô nhân-đạo của trại sản-xuất, để tránh sự trừng-trị ghê-gớm của những tên gác ngục khát máu. Sau giờ điếm-danh buổi tối, họ chỉ còn muốn lè tấm thân gầy còm ốm-yeu, da xanh bủng hoặ

linh-hồn, đương bầu vịu lấy đời sống của loài vật.

Sáng mai, cùng với mặt trời mọc, một nguồn sinh-sống mới lại chảy vào cơ-thể họ, và đốc thúc xác thịt phải làm những công việc khổ-sai. Nhưng bây giờ, trong



đen sạm vì bệnh tật, sốt rét, gieo mình trên sàn tre và thiếp người trong giấc ngủ mê-man nặng-nề. Mặc cho rệp cắn, mặc cho muỗi rừng đốt, dầu thiếu dưỡng-khí, đều bị chen lẫn như cá hộp, họ cũng không hề tỉnh giấc, tất cả sinh-khí, hình như đã toát ra hết, chỉ còn xác thịt không

gian nhà mở rộng lớn, chỉ còn một vài linh-hồn còn hòa-hợp với thể-xác.

Tâm vẫn trần-trọc chưa ngủ được.
Chàng hỏi khẽ Mậu :

— Sắp được ra, cảm-trưởng thế nào?
Tô-Vũ rung đùi một lát rồi mới đáp :

— Thi cũng như mình sinh ra đời

một lần nữa chứ sao — khác cái trước khi sinh, mình đã tận hưởng niềm vui được hòa mình vào đời sống của xã-hội. Hơn bốn năm trời đằng-dằng, nhiều lúc tôi định-ninh không còn trông thấy đời sống tự-do nữa.

— Tôi cũng nghe nói năm ngoái, trước khi trại Lý-Bá-Sơ bị phi-cơ bắn phá, chế-độ lao-tù kinh-khủng lắm phải không?

— Đúng thế đấy. Có thằng Keng biết rõ, hồi đầu năm 1950, thật là thập phần tử, không anh nào dám chắc mình sẽ sống được ba tháng, sáu tháng hay là một năm nữa. Kể lại thì không biết bao nhiêu khổ sách mới đủ. Tôi chỉ nói sơ qua cho ông nghe. Chung quanh trại, không còn một cây cối nào có lá. Trại-viên đói đến nỗi đi qua là họ vặt lá bỏ vào mồm nhai. Lá nào ăn được thì nuốt chửng, không ăn được thì nhổ đi.

Mỗi sáng, đi bài-tiết, qua một vườn chuối nhỏ, thế nào cũng thấy chín, mười ông nằm còng queo dưới đất, da sạm-sít dán chặt vào xương. Ông nghĩ coi, trại có tám trăm người, mà mỗi tháng chết non ba trăm. Số người bị bắt từ các tỉnh giải đến chỉ vừa lấp chỗ trống. Một anh chuyên-môn khai - tử suốt ngày bận việc giấy tờ, không còn làm được gì khác.

Buổi chiều đi làm về phải tập-hợp dưới cột cờ. Các kíp làm rừng, trồng tía, canh-nông, đóng đồ gỗ, lần-lượt báo-cáo. Thế nào cũng dăm anh bị kết tội chưa đủ năng-xuất, trói vào cột cờ và đánh toi-bò, nát thịt, bật máu.

Tội nhẹ thì được vào trại nằm, đề mai lại tiếp-tục việc tăng-gia. Tội nặng thì tống vào nhà ốm cùm lại. Thưa ông, vào nhà ốm có nghĩa là ông sắp về châu tiên-tử. Bộ một người thật khỏe mạnh vào đấy, cũng chỉ một tuần là đi đút. Đứng xa

nhà ốm chừng 20 thước, mùi thối-tha đã xông ra tức mũi. Vào trong thời không thể tưởng-tượng được. Phân ngập từ dưới đất lên trên sàn nhà, rồi bỏ bỏ tứ phía. Người nào ốm nặng thì quẳng vào đấy, có khi chết rồi cũng chẳng ai biết. Người bị phạt thời cùm lại, mỗi ngày được một vốc gạo, nhai sống mà ăn. Bị giam ở đó càng khỏe bao nhiêu, càng chóng chết bấy nhiêu.

Ông nghĩ thử, trong hoàn-cảnh như vậy, ai còn dám nghĩ mình sống đến ngày được tha? Bao giờ đến lượt mình ốm, bao giờ đến lượt mình bị phạt, bao giờ sẽ chết? Đòi phút rảnh việc suy nghĩ đến số phận mình, thời lạnh người, xây-xẩm mảy mảy, bởi thấy tương-lai đen tối hãi-hùng quá! Nếu suy-nghĩ luôn, chắc chắn sẽ điên người lên.

Này Keng, cậu có nghĩ như vậy không, nói cho ông Tâm nghe.

Từ chập tối, Keng vẫn nằm lim-dim, nghe Mậu nói, liền ngồi dậy, góp chuyện:

— Trường-hợp của tôi mới nực cười! Đương làm chủ-tịch kháng-chiến hết lòng phục-vụ quyền-lợi của nhân-dân, chỉ vì xích-mịch nhỏ với mấy ông cán-bộ Việt-Minh, bỗng nhiên bị công-an tới bắt và giải thẳng vào đây. Vừa đến nơi, còn la nước lã cái, đương đi lại trong sân, hếch mắt nhìn tứ phía, bỗng nghe có tiếng quát ầm-ầm: « Nọc nó ra, đánh cho năm roi ». Tôi chưa biết họ nói ai, đã có mấy thằng đầu trâu mặt ngựa dè dặt tôi xuống và quất gậy vào người. Sau này mới biết bị Lý-Bá-Sơ phạt về tội có dáng đi tiều-tự-sản. Lúc bị đánh thì thật đau, nhưng nghĩ lại, thấy vô-lý đến nực cười. Cho đến giờ tôi vẫn chưa hiểu đi đứng thế nào thì bị liệt vào kiểu tiều-tự-sản.

Sáng hôm sau, phân công-tác, tôi phải đi làm trong kíp vác gỗ, tức là kíp làm

việc nặng nhọc hơn cả. Phải leo núi mấy tiếng đồng hồ mới tới nơi đã dẫn gỗ. Tám người một cây, to bằng vóc người ôm. Một khi gỗ đã lên vai là cứ theo đà núi chạy như bay năm sáu cây số mới về tới trại. Sầy chân một chút, gỗ đè rập xác ngay. Dầu nặng đến ê vai, mệt đến đứt ruột, cũng không thể dừng bước nghỉ. Đối với người lao-động chân tay, xung vào kíp vác gỗ, cũng là một cực-hình rồi. Huống chi, sức-vóc học-tròn như tôi, đương sao nổi. Ngay từ chuyển đầu, tôi đã ù tai, chóng mặt, thở không ra hơi. Vai thời phồng lên và rát như lửa đốt. Tôi tưởng chết ngay được...

Sống trong hoàn - cảnh như vậy, mới hiểu sức chịu đựng của con người bền-bỉ hơn mức người ta tưởng-tượng nhiều lắm. Tôi cần rằng mà chịu và dần dần cũng quen đi.

Mấy hôm đầu, chiều trở về trại, tôi nằm vật như khúc gỗ, không biết trời đất gì cả. Buổi sáng, khi tỉnh dậy trong hơi sương lạnh-lẽo, tôi mới cảm thấy sự kinh - hoàng làm giao-động tinh - thần. Người gây ra tội ác, ít nhất còn biết mình sẽ bị trừng-trị đến mức-độ nào. Đối với người không biết mình bị liệt vào tội gì, còn làm sao mà hiểu sẽ bị trừng-trị bằng những hình-phạt nào? Người bị xử án, năm năm, ba năm tù còn có thể yên lòng chờ ngày mãn hạn. Đằng này, mình sống âm-u như trong đêm tối, không biết bao giờ trời mới sáng lại, cho nên sốt ruột hãi-hùng đến cùng cực. Nhiều lúc tôi có cảm-tưởng như mình đương xuống vực thẳm vô-tận không hiểu ngày nào sẽ tan xác dưới đáy.

Về sau, nhờ người nhà gửi tiền vào nộp-tế, tôi mua chuộc được bọn canh-vệ gác trại, và lũ trại-viên trong đảng cộng-

sản có tội bị giữ, và được làm ở văn-phòng. Tôi được đòi sang công-tác trồng-tĩa, tương-đối nhẹ-nhàng hơn.

Tuy nhiên, năm tháng đen tối trôi dần qua và chông-chất lên mãi. Mỗi ngày nghĩ đến tương-lai, lại rùng mình sớn gáy. Tôi muốn kêu trời để hình-phạt vô nhân-đạo chừng nào sẽ chấm dứt? Hy-vọng được tha ra, chỉ còn mỏng-mạnh như sợi tơ. Nhất là thấy chung quanh mình, các anh em cứ ốm và chết lần lần. Đến khi thấy trong trại một trăm người ốm đau nằm chờ chết, tôi nghĩ số-phận mình thế là quyết-định, không sao chống lại được. Chỉ còn đợi ngày Tử-Thần sẽ vời đến mình.

Giữa lúc tôi thất vọng nhất, thời vừa vận xảy ra vụ phi-cơ bắn phá và đốt tan nát trại giam hồi tháng năm năm 1950. Ủy-ban kháng-chiến khu III phái người về điều-tra, và trước những thăm-trạng do tên đồ-tè khát máu Lý-Bá-Sơ gây nên, cũng phải thay đổi thái-độ. Hơn hai trăm người ốm yếu quá được lệnh phóng-thích. Có người gọi đến tên, không nhắc nổi mình dậy. Có người xúc-động quá, nầy mình như con cá rồi rơi xuống và dấy chết ngay trong sân. Đa số thời chết dọc đường, từ Kim-Tân ra đến chợ Rịa. Có lẽ không có một phần mười lễ được thân tàn về quê-quán.

Trại được phân tán làm ba. Hơn một trăm anh em, còn đôi chút sinh-lực ở lại kiến-thiết trại A này. Văn-phòng Lý-Bá-Sơ đem đặt riêng ra một nơi, không khí bớt nặng-nề và Thần-Chết cũng khỏi lờ-vờn bên trại nữa. Nhưng đời sống tinh-thần cũng chẳng thay đổi chút nào. Chúng tôi vẫn sống như người mù, hy-vọng một tia ánh sáng không biết bao giờ đến. Tôi được phóng-thích ngày 19 tháng 8 này, thật tôi cũng không dám ngờ, và vẫn tưởng sống trong giấc chiêm-bao...

Đêm đã khuya, nhưng Tâm, Mậu và Keng vẫn còn trần-trọc. Mỗi người theo đuổi tư-tưởng riêng của mình trong bầu không-khí yên lặng, chỉ có tiếng muỗi vo ve.

Vài tuần-lẽ trước ngày 19 tháng 8, không-khí trong trại giam thay đổi hẳn. Người ngoại-cuộc tưởng chừng trại-viên dương âm-mưu, sửa-soạn một vụ vi quan-trọng lắm. Vào giờ nghỉ, chỗ tùm nãm tùm ba, nét mặt bí-mật, thì-thào bàn-tán về những tin-tức cuối-cùng vừa lượm được. Quanh-quần cũng chỉ có hai loại tin-tức :

1') Kỳ này Ủy-Ban kháng-chiến khu thay-đổi chính-sách, định phóng-thích rất nhiều trại-viên và sẽ lập ngay một danh-sách rộng-rãi ;

2') Lý-Bá-Sơ chủ-trương còn phải giam-giữ lâu ngày, mới giác-ngộ được các phần-tử phản-động và bó-buộc họ phải đầu hàng vô-sản.

Đi vào chi-tiết hơn nữa, là truyền-tụng với nhau về tên các trại-viên được liệt vào danh-sách phóng-thích hoặc bị gạt bỏ ra ngoài.

Người thì vui mừng quá sức, kể lại bi-thảm vô cùng, nhưng tựu chung ai cũng hồi-hợp băn-khoăn, chờ đợi ngày công-bố danh-sách, như chờ đợi một canh bạc lớn sắp mở. Thật là một canh bạc ghê-gớm, không ai dám chắc số-phận mình ra sao, chỉ biết rằng kết-quả sẽ là đời sống tự-do, hoặc cái chết tăm-tối thảm-hại. Tuy vậy chẳng nhiều thì ít, ai cũng hy-vọng sẽ được hưởng phép nhiệm-mầu.

Một buổi trưa, ngồi nghỉ bên dòng suối chảy dưới chân đồi trồng-tiểu, Tâm hỏi Tô-Vũ, vừa chần dãn dề đi ngang :

— Còn có một tuần-lẽ nữa thôi. Các ông có chắc được ra không ?

— Chắc chứ. Như đinh đóng vào cột. Tâm thở dài buồn-bã :

— Ông ở lại Kim-Tân này, hay tìm cách vào trong đó ?

Mậu đứng lại, khom lưng, hai tay chống vào chiếc gậy, nheo mắt nhìn từ phía rồi trả lời :

— Nói với ông thời phải nói thật chứ. Có phải tuyên-truyền gì đâu, mà nói láo ? Ra khỏi đây, thế nào tôi cũng kiếm cách trở về Kiến-An. Ông tính năm sáu năm xa gia-đình rồi còn gì ?

Tâm mỉm cười ;

— Tôi không ngờ ông giàu tình-cảm thế đấy. Cứ tưởng sống cuộc đời giang-hồ, ngang dọc như ông, từ bé đến lớn, đâu còn nặng óc gia-đình ?

— Thế mới lạ đấy chứ, khi xưa tôi không hề chú-trọng đến gia-đình. Hoặc giả có nghĩ tới, chỉ coi như giây-dợ buộc chân, làm nhụt chí-khí anh-hùng. Từ lúc bị bó-buộc phải sống trong cái tiểu xã hội Cộng-Sản này, tôi đâm ra nghĩ-ngợi liên-miên đến cha mẹ, vợ con, anh em, và tưởng gia-đình như thiên-đường, vừa bị mất. Nhưng chỉ nửa tháng nữa thôi, đêm tối âm-u, đối với tôi, sẽ tàn dần trong ánh sáng bình-minh.

Nói đến đây, Mậu vùng cười lớn. Anh cặp chiếc gậy vào nách, chấp hai tay lại và nói tiếp như người đóng tuồng trên sân-khấu :

— Một chiều ngày kia, kẻ giang-hồ này sẽ lê tằm thân mệt-mỏi, về đến gian nhà cũ ở Kiến-An. Hắn khe-khe đẩy cửa bước vào trong nhà. Đờ-đạc như xưa không có gì thay đổi. Mẹ già tóc bạc, vẫn ngồi còng lưng trên sập gụ tưng kình trước ánh đèn dầu yếu ớt trên bàn thờ Phật. Hắn lạt gần sập, chấp tay và cúi đầu xuống :

— Thưa mẹ, đứa con bất hiếu đã về đây.

— *Lạy trời phù-hộ, con tôi đã tai qua nạn khỏi. Mẹ cả đâu, ra ngay đây !*

Ấy thế rồi trong nhà ồn-ào như có hội. Vợ hẳn khóc như mưa như gió, khẽ lè : « Anh ơi, tưởng rằng kiếp này không còn thấy mặt anh nữa ».

Mọi người đều tíu-tít. Riêng có thằng bé con đứng nghech mắt nhìn, chẳng hiểu gì cả. Hẳn cũng lạ, hỏi : « Con nhà ai thế ? ». Nhưng thấy giáng-điệu các-lão, trán bướng-bỉnh và mặt vênh lên, hẳn chợt nghĩ và reo lên : « Lại đây con ! ».

Nghĩ thế, có khoái không, ông Tâm. Tôi chẳng nhớ mặt thằng con trai út tôi ra sao nữa...

— Thôi, ông Tâm ạ, ông cũng đừng buồn nhiều quá, ốm người, những chế-độ cũ cũng đã bớt khắc-nghịch rồi. Có nhiều hy-vọng sống được lắm, ông đừng lo, sao cũng có ngày ra được.

Tô-Vũ thủng-thình lùa đàn dê ngược dòng suối, và Tâm lại ngồi xuống, tư-tưởng chảy liên-miên như nước giữa dòng.

Chàng thấy mặt bình-tĩnh trước sự xôn-xao của anh em đương mong mỗi được phóng-thích. Thành-phần tiêu-tư-sản trí-thức, đã khiến Việt-Minh xem chàng như một kẻ thù nguy-hiểm của đảng Cộng-Sản. Tâm biết, còn lâu lắm, chúng mới nghĩ đến chuyện tha cho ra. Liệu chàng có thể chịu đựng đến ngày ấy không ?

Tâm chưa chát nói khe : « Nếu mình chỉ là một côn-đồ ? ». Phải, nếu chàng chỉ là một tên kẻ cướp, một đứa sát-nhân, chắc-chắn chàng sẽ được phóng-thích, lâu lắm là trong vòng một năm nữa. Những kẻ lưu-manh côn-đồ không phải là kẻ thù của phe vô-sản, và cũng không nguy-hiểm cho độc-tài vô-sản. Ngược lại, biết lợi-dụng, những tên này sẽ thành hậu-thuần đắc-lực của họ.

Nhưng, đối với các người hiểu biết, có trí suy-xét, có lương-tâm. trọng tinh-thần tự-do dân-chủ, nặng đầu óc quốc-gia, chỉ có một cách đối-phó : giam chặt lại, bắt lao-động cực-khò cho đến chết.

Một ngày kia, Tâm cũng sẽ nằm xuống, như mấy ngàn kẻ xấu số nằm bên dòng suối này, năm bảy người một hố, dưới hai gang tay đất.



Giờ mong đợi của toàn-thể trại-viên đã đến. Xếp thành hàng mười, ngồi đặc trên sân xi-măng, họ nóng lòng chờ các cán-bộ Việt-Cộng kết-thúc cuộc tuyên-truyền nhồi-sọ. Tinh-thần họ đã bị căng thẳng suốt ngày rồi.

Sau khi diễn-viên cuối cùng đã ngừng lời, và cò đã hạ, giám-ngục ra lệnh cho trại-viên đứng dậy, vào trại. Mọi người ngơ-ngác nhìn nhau, không hiểu ra sao cả. Trong đầu họ quay cuồng câu hỏi : « Sao không đọc tên các người được phóng-thích ? ».

Trở về với sân tre, họ vẫn bàn-luận gay go, cố tìm ra một giả-thuyết để giải đáp nỗi thắc-mắc chung. Đột nhiên một tin truyền đi, lan mạnh như thuốc súng : « Không ai được phóng-thích cả. Chỉ có bảy thường-phạm, ở các trại khác ».

— « Đúng hay không ? », Tâm còn mãi suy-nghĩ. Nhìn sang bên cạnh, đã thấy Tô-Vũ và Keng nằm gục xuống, mặt tái như gà cắt tiết.

Sự thất-vọng bất ngờ và lớn lao quá, khiến cho họ nghẹn ngào không thốt ra được một lời nào.

Ngoài song, đêm tối âm-u lại phủ đầy đặc trên dãy đồi Kim-Tân...



CÁI ĐẸP

CỦA CHỊ EM LÀM NGHỀ "VƯỢT VÊ ĐẦU TRẺ"

của cô THOẠI-NGUYỄN

Bà Tùng-Long. trên một tuần báo, đưa ra ý-kiến :

« Muốn làm nhà giáo, các bạn có tài, chưa đủ ! Các bạn phải đẹp ! Để gây mỹ-cảm ».

Đây là nhan-đề. Một nhan-đề khá dài, một nhan-đề « đập ngay vào mắt », và khiến người trong nghề và phụ-huynh hay những học-sinh chẳng thể bỏ qua.

Mới đọc qua nhan-đề, ai chẳng hiểu ngay đó chính là ý-kiến của tác-giả. Nhưng đọc tiếp trên mười hàng chúng ta mới rõ đó là câu nói của một nhà mô-phạm, mà bà Tùng-Long thuật lại và tự-nhiên bà đã tán-thành.

Chúng ta lại được biết rõ ràng hơn « nhà giáo phải đẹp, để gây mỹ-cảm với cái đám quần chúng nho nhỏ của các bạn ».

Và sau đó bà Tùng-Long kể :

« Tôi còn nhớ khi tôi là một học-sinh của một lớp nhỏ, tôi học phải một cô giáo già, không đẹp.

« Lúc bãi học, các bạn tôi chạy lại bu quanh tôi và la ó om-sòm.

« Ê ! Ê ! Mày học cô giáo già ! Ê ! Ê ! »

Tôi còn nhớ rõ lúc ấy cặp mắt tôi bỗng ứa lệ. Những giọt lệ ấy, ngày nay tôi ngồi phân tách lại, tôi không hiểu đó là những giọt lệ thương-cảm cho số-phận cô giáo già...

« Rồi cởi bỏ áo nữ-sinh, tôi khoác vào tôi một chiếc áo giáo-sư...

Lần đầu tiên, tôi vào dạy một lớp tiểu-học, lần này cũng là lần đầu tiên tôi làm một nhà giáo.

Vừa đặt chân vào lớp, một sự im-lặng làm tôi giựt mình, Cả trăm con mắt chia vào tôi như những chiếc máy chụp ảnh.

Rồi những tiếng thì-thầm :

— Cô mình dễ thương quá... »

Hai ví-dụ sống trên đây đã cho ta biết quan-niệm của bà Tùng-Long — một nhà báo kiêm nhà giáo — về những điều-kiện của những chị em trong nghề dạy trẻ : có tài là điều cần, nhưng còn thiếu, phải đẹp nữa, mới có thể làm tròn thiên-chức của mình.

Ý-kiến của bà Tùng-Long là thế, còn ý-kiến của người trong nghề, của phụ-huynh học-sinh, và nhất là của đám quần-chúng

nhỏ nhỏ ngày ngày cấp sách đến trường thì sao ?

Và muốn nghe nhiều tiếng chuông để hôm nay kể lại cho các bạn, kẻ viết bài này đã bỗng trở nên... phóng-viên nhà báo.

Một sự tình-cờ may-mắn khiến tôi được dịp cùng đi chơi với vợ chồng anh N. Anh chị làm nghề dạy trẻ ở ngoại-ô châu-thành. Chiếc xe nhà bon bon chạy, gió mát, trời êm, chị buột miệng : « Trời hôm nay đẹp thật ! »

Tôi lợi-dụng ngay cơ-hội : « Chị nói « đẹp » làm em nhớ lại cái đẹp của cô giáo mà em đang tìm hỏi. Vậy chị vui lòng cho em biết ý-kiến chị xem một người trong nghề « godautre » có cần phải đẹp không ?

Chị cười, không trả lời thẳng câu tôi hỏi, mà hỏi lại tôi :

— Vậy em xem chị có đẹp không nào ?

Tôi cười, chị cũng cười theo và tiếp :

— Hỏi em thế, là vì chị được học trò chị thương. Có những em ra đời rồi, có gia-đình rồi, mà vẫn gửi thư hoặc đến nhà thăm chị. Chị tin rằng chị đã làm xong thiên-chức « vuốt ve đầu trẻ » của chị.

Chị trầm-ngâm một lát rồi tiếp, giọng có phần trang-nghiêm :

— Theo chị, thì bất-cứ nghề gì, trước hết tài chuyên-môn là điều cần phải có. Nghề dạy trẻ lại càng cần sự chuyên-môn hơn hết vì trách-nhiệm nặng-nề, chẳng những đối với cha mẹ các con em giờ đây mà thôi, lại còn đối với tương-lai các con em sau này, và cả tương-lai của đất nước nữa.

Tài về chuyên-môn có rồi, lại cần có đức. Phải làm cho trẻ mến, trẻ thương, trẻ kính. Cái đức của cô giáo, chị muốn hiểu đó là sự hiền - từ, dịu-dàng.

Sau cùng cái bề ngoài của cô giáo là

điều phụ. Miễn là cô giáo đừng quá xấu xí, cách ăn mặc đừng quá lồi thối, là được.

Chớ « phải đẹp », chị cho chẳng cần. Có nó thì càng tốt, mà không có nó cũng chẳng sao.

Ấy là chị chưa nói đến quan-niệm trẻ em nhà quê và quan-niệm trẻ em thị-thành về « Cô giáo đẹp » nó chẳng giống nhau. Chị tưởng-tượng một cô giáo đẹp theo lối đô-thành : tóc uốn quăn, chun mày vẽ, má phấn môi son, móng tay móng chân đỏ chói, mang giày cao gót, ôm bóp đầm, hẳn sẽ được các em học trò bé nhỏ chốn bùn lầy nước đọng đón tiếp bằng đôi mắt ngạc-nhiên, gần như sợ-sệt !

Anh N. đang cầm tay bánh cũng xen vô câu chuyện.

— Ấy là chị của em chưa nói đến cái « đẹp lạnh - lùng, cái đẹp kiêu - hãnh, cái đẹp xa vời » chỉ làm học trò mình « kính nhi viễn chi ». Phần anh, anh thấy cô giáo chẳng cần phải đẹp. Bởi người đàn-bà đẹp thì trong mười người, hết chín người tự-phụ, kiêu-căng về cái đẹp của mình, hoặc lo giữ gìn nó, hoặc lo tô-điêm nó, mà xao-lãng bổn phận diu-dắt trẻ thơ của mình. Cái bề ngoài cô giáo, dung-nhan cũng như y-phục, coi được là đủ lắm rồi.

Được dịp tôi phỏng-vấn anh luôn :

— Vậy học trò mới nhập học gặp cô giáo hơi xấu thì sao ?

Anh chưa kịp trả lời thì một chiếc xe hơi nhà binh chạy sấn qua trước mặt, anh thẳng gấp, người ngồi trong xe bị hất tới đằng trước. Anh vừa cho xe chạy lại vừa đáp : « Thì các em ấy cũng như chúng mình đây, bị dội ngược lại. Con nít thường hay so sánh, rồi sao khỏi buồn buồn khi thấy cô mình chẳng đẹp bằng

cô khác, nhưng học ít lâu thấy cô hiền, cô tử tế, cô dịu-dàng thì chúng quên hẳn cái chỗ « xấu » bề ngoài mà chỉ còn biết cái « đẹp bên trong ».

Tôi cho như thế là tạm đủ trong việc phỏng-vấn người trong nghề một nữ, một nam. Chỉ còn biết ý-kiến của phụ-huynh học-sinh và của các em ngày ngày bạn với sách đèn.

Nhơn dịp ghé mua hoa ở vườn một chị bạn ở Bầu-Sen, tôi không bỏ qua cơ-hội.

Chị bán hoa, bán kiềng, lại là mẹ năm đứa con, trai có gái có, và đều đi học cả. Cháu lớn 11 tuổi, học lớp đệ-lục, cháu bé mới lên năm học lớp mẫu-giáo.

— Này chị Đ. chị muốn mấy cháu ở nhà học với cô giáo đẹp hay cô giáo xấu ?

Nghe tôi hỏi có phần đột-ngột, chị vội dè dặt hường tỉ-muội xuống băng, nhìn tôi một chặp rồi mỉm cười :

— Bộ chị chọn bông hường, rồi chị nghĩ đến các cô giáo hay sao mà hỏi tôi một câu ngộ vậy ?

Tôi đáp : — « Không, thấy bông dương nụ, tôi nghĩ đến cháu, nên tôi mới hỏi thế. Đề sau này, nhờ trời, tôi lập được một trường tư nhỏ nhỏ, tôi sẽ chọn cô giáo dễ-dàng hơn ».

Chị « À » một tiếng và gọi to « Lân ơi Lân ! ra đây thím con hỏi cái này ! ».

Tôi nói « Thông-thả vậy, phải có tôn-ti trật-tự mới được chớ. Mẹ trước con sau. Chị cho biết ý-kiến của một bà mẹ có con đi học đã ».

Chị bạn bán hoa ấy đáp liền, không cần suy-nghĩ.

— Chị coi tôi có tìm coi cô dạy thằng Lân, lùn hay cao, mặt dài hay tròn, lưng ong hay lưng kiềng, mà tôi muốn năm học sắp tới cô nó cũng lên lớp theo nó. Chị coi bãi trường ở nhà chơi vui thế mà một

hôm bỗng nó bảo với chị nó : « Chị Lan ơi ! Chị làm siêng viết dùm em ít chữ thăm cô em, nói em nhớ cô em lắm, em bây giờ đi lên lầu một mình không sợ ma, em chúc cô vui và mập » !

Chị coi cô nó đã dạy-dỗ, khuyên-lơn nó cách nào mà hết học rồi, nó vẫn còn nhớ. Với tôi, cô giáo làm sao cho con tôi nên, rồi nói gì nó nghe theo, bảo gì nó làm theo là tôi quý rồi, muốn gởi con mình cho cô giáo ấy mãi. Còn cô má hường mày liễu hay không, tôi chẳng cần biết đến.

Chị vừa nói tới đó thì đứa con trai út lên năm của chị cũng vừa chạy lại.

— Này Lân, thím hỏi con muốn học cô giáo đẹp hay cô giáo xấu. Đứa bé mở mắt nhìn tôi, tôi vừa xoa đầu em vừa hỏi :

— Cháu muốn học với cô giáo đẹp không ?

— Dạ muốn.

— Giỏi ! Vậy cháu muốn học với cô giáo xấu không ?

— Dạ không.

— Được rồi. Thím hỏi, hơi khó một chút, Lân trả lời giỏi, thím thưởng cho một món đồ chơi. Này nhé, một cô giáo đẹp, mà dữ, với một cô giáo xấu, xấu vừa vừa, mà hiền, thật là hiền, cháu muốn học cô nào ?

Bé Lân ngần-ngừ một hồi :

« Cháu học cô nào không có dữ » !

Sau đây, là cuộc phỏng-vấn chót.

Người bị phỏng-vấn là con một người bạn tôi, đang mở một trại cura máy cầu Bang-Ki, ở Gia-định. Cháu 14 tuổi, học lớp thứ sáu trường Nhà Trắng.

Tôi hỏi :

« Giả tí như niên-khoa tới, cháu được quyền chọn lớp học, mà một lớp một dì đẹp dạy, một lớp một dì xấu dạy, thì cháu học lớp nào ? »

Cháu nghĩ-ngợi một chút :

— Thừa thím, cháu thích học lớp dì dạy đẹp.

— Tôi hỏi tiếp : « Theo cháu, một cô giáo đẹp phải như thế nào ? »

Thì cháu trả lời ngay, như cháu nghĩ từ lâu :

— Với cháu, cô giáo đẹp không cao không thấp, dáng người mảnh-khảnh, không có phần son, mà da mặt hồng-hồng, môi tươi thắm, dáng đi nhẹ nhẹ, mà đi guốc.

Thấy cháu ngừng, tôi hỏi : « Còn gì nữa không, cháu Thu-Cúc ? »

Cháu ngạc nhiên, hỏi tôi lại : « Bao nhiêu đó chưa đủ sao, thím ? »

Tôi cười : « Thế cũng đủ, cháu à. Nhưng mà, sau một thời gian, cháu được

biết dì đẹp tánh-tĩnh nóng-nảy, hay gât-gồng, (đây là thím nói ví dụ thôi) còn dì xấu thì hiền-lành, êm-dịu, thì cháu thích học với dì nào.

Tức thì, câu trả lời không hề dè.

— Thừa thím, cháu thích học với dì tuy xấu mà hiền lành, êm dịu.

Các bạn,

Đến đây là chấm dứt cuộc phỏng-vấn của tôi. Kể lại những tiếng chuông mà tôi nghe được, tiếng chuông của cô giáo, của thầy giáo, của phụ-huynh, của học-sinh, hẳn giờ các bạn cũng đã có một quan-niệm về cái đẹp của những chị em trong nghề « Vuốt ve đầu trẻ ».

THOẠI-NGUYỄN

■ Hai cách làm việc

Mật-tử-Tiện, học-trò của Không-Tử, giữ chức tri-huyện, thường ngày chỉ đánh đàn, thế mà nhân-dân trong hạt đều được yên-ôn. Sau có Vu-mã Tử-Kỳ đến thay thế Tử-Tiện. Tử-Kỳ làm việc suốt cả ngày không lúc nào rảnh, trong hạt mới được yên-ôn. Tử-Kỳ mới hỏi Tử-Tiện : « Tôi làm việc không nghỉ, nên công việc mới được thanh-thỏa, còn ông, ông chỉ đánh đàn mà thôi, sao mọi công việc cũng được chu-tất cả ? ». Tử-Tiện cười, đáp : « Tôi điều-khiển cho kẻ khác làm, còn ông thì tự làm lấy. Ai biết dụng nhân thì người đó khéo, ai tự làm lấy thì người đó nhọc ».

Tử-Kỳ nói : « Như thế thì thật tôi không bằng ông ».

Trước sau một lòng

Hán Quan-Võ có người chị là Hồ-Dương Công-chúa góa chồng. Quan-Võ đưa các quan trong triều ra đề hỏi ý-kiến Công-chúa, coi Công-chúa muốn chấm vị nào. Công-chúa nói : « Tống-Hoảng là người nghi-biêu khác thường, người khác không sao bì kịp ». Vua biết chị ưng Tống-Hoảng, mới bảo chị ngồi sau bức bình-phong và cho mời Hoảng đến. Vua hỏi : « Tục-ngữ có câu : giàu đòi bạn, sang đòi vợ, có phải như thế chẳng ? » (Phú dịch giao, quý dịch thê). Tống-Hoảng lâu : « Thần có nghe : chơi bời với nhau từ hồi còn nghèo hèn, không nên quên nhau ; người vợ lấy lúc đang còn tấm cám, không nên cho xuống nhà dưới (Bần tiện chi giao bất khả vong, tao khương chi thê bất khả hạ đường) ».

Hán Quan-Võ xây nói với chị : « Thôi, việc không thành rồi ».

CHÂN VỆ-SINH

Bác-sĩ NGUYỄN-VĂN-BA

HOÀNG-Đế, một hôm, gọi Kỳ-Bá và chư hiền : Quỷ-du-Khu, Bá-Cao, Thiệu-Sư, Thiệu-Du và Lôi-Công đến triều mà rằng : « Ta đã dạy dân chia điền, đào giếng, trồng ngũ-cốc, nuôi tằm ; ta lo cho vạn dân, dưỡng bá-tánh, muốn nước được hùng-cường, nhân-dân được hạnh-phúc. Nếu trong nước, nhân-dân mang nhiều bệnh tật, trong lòng không thư-thái, công việc bê trễ, thì hoà-bình hạnh-phúc làm sao cho có được ? Chư-hiền nên chú-ý đến sự phòng bệnh hơn là trị bệnh, dạy con người thi-hành Chân Vệ-Sinh, chớ đừng đợi đến bệnh rồi mới lo trị. Vì rằng thánh như không trị bệnh đã xảy ra mà trị bệnh chưa đến ; không trị sự đã loạn mà trị sự chưa loạn. Bệnh đã thành mà sau dùng thuốc, loạn đã đến rồi sau mới trị, có khác gì khát mới đào giếng, giặc đến mới đúc gươm, chẳng muộn lắm ư ? (thị cổ thánh-nhơn bắt trị dĩ bệnh, trị vị bệnh ; bất trị dĩ loạn, trị vị loạn. Phù bệnh dĩ thành nhi hậu được chi ; loạn dĩ thành nhi hậu trị chi, thị do khát nhi xuyên tỉnh, đấu nhi trừ binh, bất diệc vãn hồ ?) »

Kỳ-Bá đứng dậy, cúi đầu cung kính và

thưa rằng : « Lớn lung thay, ý muốn của thánh-đế, đã nuôi dưỡng dân cho no ấm, có cơm ăn áo mặc, nay dạy dân phòng ngừa bệnh tật bằng truyền-bá Chân Vệ-Sinh ! » Rồi Kỳ-Bá trình bày đạo dưỡng sinh ở bốn thiên đầu : Thượng Cồ Thiên Chân Luận, Tứ Khí Điều Thần Đại Luận, Sinh Khí Thông Thiên Luận, Kim Quỷ Chân Ngôn Luận. Chúng ta hãy cùng nhau giở lần từ đoạn một.

Ở thiên I, quyển I của Tổ-Văn Nội kinh là thiên Thượng-Cồ Thiên Chân Luận, Hoàng-Đế hỏi Kỳ-Bá rằng : « Người thượng cồ sống lâu trăm tuổi mà động tác vẫn không suy giảm, là tại thời thế khác hay tại con người vậy ? » Kỳ-Bá trả lời : « Tại người xưa biết theo đạo âm-dương, điều-hoà với chân dưỡng-sinh chi đạo, nên sống lâu trăm tuổi mà vẫn khoẻ mạnh ».

Kỳ - Bá nói tiếp : « Muốn giữ được chân vệ-sinh, chẳng những tránh hư tả tặc phong, trừ tặc hại chung quanh ta mà thôi (1), mà còn phải diêm đạm hư vô, tinh-thần nội-thủ, thì bệnh mới phòng được. Nhưng trước hết, phải rõ sự tiến triển

(1) Như giết ruồi, muỗi, vi-trùng chung quanh ta.

căn bản của cơ thể con người, luật « sinh, trưởng, thu, tàng » của cơ thể, rồi sau tùy lúc tùy thời mà áp dụng đạo dưỡng sinh.

« Con người, theo luật đối lập, có nam thì phải có nữ, hay có nữ thì phải có nam cũng vậy ; nam và nữ là hai hiện tượng đối lập của loài người. Nữ tử sanh ra là khi thọ thai ở cha mẹ, dương khí không thắng âm khí, nam tử sanh ra là khi thọ thai ở cha mẹ, âm khí không thắng dương khí. Nên nữ tử là âm trung hữu dương ; nam tử là dương trung hữu âm. Đó là luật âm dương đối đãi, vì rằng « cô dương bất sinh, cô âm bất trưởng », một mình dương thì không sinh nở gì được, một mình âm cũng không dưỡng dục, nuôi nấng trưởng thành được việc gì cả.

« Bởi vậy, nữ tử bản thể là âm nhưng « đắc dương số » ; nam tử bản thể là dương nhưng « đắc âm số », Dương số là thiếu dương, số 7 ; âm số là thiếu âm, số 8. Nữ tử tiến theo số 7 : 7 ngày, 7 tháng, 7 năm ; nam tử tiến theo số 8 : 8 ngày, 8 tháng, 8 năm.

« Nữ tử 7 tuổi thì thận khí thịnh. Thận chủ cốt nên răng đổi (xỉ già cốt chi dư) ; thận cai quản phần huyết dịch, nên tóc mọc dài (phát giả huyết chi dư).

« 2 lần 7, 14 tuổi thì âm tinh đầy đủ, mạch xung và mạch nhâm là hai mạch chủ về huyết đã thông và thịnh, nên kinh nguyệt chảy ra. Kinh nguyệt mỗi tháng có một kỳ, chia làm 2 phần, phần đầy và phần vơi như trăng vậy. Đầy thì phải tràn, tràn ra là có kinh. Từ khi có kinh đến nửa tháng sau là phần vơi ; hết vơi trở lại đầy, nửa tháng sau là phần đầy. Khoảng cuối phần vơi sang qua đầu phần đầy là khoảng dễ thụ thai hơn nhất (hư tắc dĩ thụ). Như mùng 1 có kinh, thì từ ngày

12 đến ngày 20 là khoảng dễ có mang hơn hết.

« 3 lần 7, 21 tuổi thì thận khí bình quân và đầy đủ, nên chân nha là răng cùng mọc lên được.

« 4 lần 7, 28 tuổi, thì can cũng thịnh (thận thủy sanh can mộc) ; can chủ gân, nên gân thịt nở nang, thân thể cực tráng.

« 5 lần 7, 35 tuổi thì khởi sự suy tàn. Nữ tử trước hết suy ở phần huyết, còn nam tử trước hết suy ở phần khí. Vậy nên hai mạch xung nhâm bắt đầu suy giảm. Hai mạch xung nhâm bao giờ cũng liên quan đến kinh Dương Minh là kinh chạy lên hai bên mặt, nên mặt khởi sự tiêu tụy và tóc khởi sự rụng.

« 6 lần 7, 42 tuổi thì Dương Minh, Thái Dương và Thiếu Dương, ba kinh dương đều suy. Ba kinh ấy đều chạy lên mặt và đầu, nên mặt càng tiêu tụy, tóc khởi sự bạc.

« 7 lần 7, 49 tuổi thì phần âm trở lại suy thêm. Mạch nhâm hư, mạch xung suy, thiếu, kinh nguyệt không còn, thân hình hư hoại và không con ».

Về phần nam tử, thì Kỳ - Bá nói tiếp : « Nam tử 8 tuổi, thì thận khí đủ, nên răng đổi tóc dài.

« 2 lần 8, 16 tuổi thì thận khí thịnh, tinh khí đầy, âm-dương hòa nên có con. Hai tám cũng là lúc mạch xung nhâm thịnh như nữ tử. Hai mạch ấy chạy từ huyết Hội âm, giữa tiền âm và hậu âm, lên trước bụng ; mạch xung lên đến vú, còn mạch nhâm chạy thẳng đường giữa, lên đến môi dưới, bắt qua môi trên với đốc mạch Huyết thịnh tức hai mạch xung nhâm đều đầy, nhưng nữ tử mỗi tháng kinh nguyệt thoát đi, còn nam tử huyết theo xung rồi quan âm, lên cằm, đến môi trên và môi dưới

mà mọc râu (râu như tóc, tức là huyết chi dư).

« 3 lần 8, 24 tuổi thì thuận khí bình quân, gân cốt cứng, nên răng cũng mọc đầy đủ.

« 4 lần 8, 32 tuổi thì thân thể toàn thịnh. Bốn là nửa lần tám, nên là lúc tinh thần thể chất đều sung túc.

« 5 lần 8, 40 tuổi thì khí của thận khởi sự suy, vì nam nữ trước hết suy ở phần khí, còn nữ tử trước hết suy ở phần huyết. Thận khí suy thì răng se tóc rụng.

« 6 lần 8, 48 tuổi thì dương khí suy. Dương khí đều lên mặt và đầu, nên mặt tiêu tụy, tóc râu khởi sự hoa râm.

« 7 lần 8, 56 tuổi thì can khí suy (thận

thịnh thì can thịnh, thận suy thì can suy) cử-dộng chậm-chạp, tinh ít, thận tạng suy, thân hình mỗi mệ.

« 8 lần 8, 64 tuổi thì răng và tóc bắt đầu rụng ».

Kỳ Bá dặn thêm rằng : « thận chủ thủy, thọ tinh và huyết của ngũ tạng lục phủ, nên mạnh khoẻ suy tàn, trước nhất là do thận ». Bởi vậy, Chân Vệ-Sinh cần phải rõ những luật biến-dịch, giao-dịch, đối-lập và hoán thể trong con người như trên đã giải, sau tùy lúc (thời) mà áp-dụng luật dưỡng sinh.

(Trích một đoạn trong

« Nội-kinh viết lại cho đại-chúng »)

■ Cảnh vườn lớn và cảnh vườn nhỏ.

Tề Tuyên-Vương hỏi Mạnh-tử :

— Vườn hoa của vua Văn-Vương ngày xưa vương ước bảy chục dặm, có phải vậy không ?

Mạnh-Tử đáp :

— Trong truyện-tích có chép như vậy.

Vua hỏi :

— Như thế có quá lớn không ?

Mạnh-Tử đáp :

— Thế mà dân chúng còn cho là nhỏ.

Vua nói :

— Vườn hoa của quả-nhân vương ước chỉ được bốn chục dặm thôi, thế mà dân chúng còn cho là lớn là tại làm sao ?

Mạnh-Tử đáp :

— Vườn hoa của vua Văn-Vương vương ước bảy chục dặm, vẫn mở cửa cho những kẻ cắt cỏ, kiếm củi, vẫn tiếp rước những người săn trĩ hoặc bắn thỏ. Đó là vua cùng hưởng sự khoái-lạc với dân. Cho nên dân cho vườn ấy là nhỏ.

Khi tôi mới bước chân đến biên-cảnh của quý-quốc, tôi dè-dặt hỏi thăm cho biết những điều nghiêm cấm trong nước, rồi mới dám vào. Tôi hay rằng trong chốn giao-quan (cửa ải) có một cảnh vườn hoa vương ước bốn chục dặm. Ai giết một con nai hay một con hươu trong vườn ấy thì kẻ như phạm tội giết người. Tuy là cảnh vương ước chỉ có bốn chục dặm, nhưng hẳn là một hầm hố trong nước để chặn bắt dân. Cho nên dân cho cảnh vườn ấy là lớn chứ sao ?

VẤN-ĐỀ TÀI TRỢ NHỮNG TIỂU XÍ-NGHIỆP

NGUYỄN-HUY-THANH

TAI những nước hậu-tiến như các nước ở vùng Đông-Nam-Á, việc mở mang nền kỹ-nghệ để tiến tới sự độc-lập về mặt kinh-tế thường vấp phải một trở-lực lớn là « vấn-đề thiếu vốn », vì lẽ dân-chúng nghèo không có tiền hay không có dư tiền để đầu-tư trong các ngành kỹ-nghệ.

Nước ta cũng ở trong tình-trạng thiếu vốn này, nên nền kỹ-nghệ chưa có thể phát-triển được một cách mạnh-mẽ theo ý muốn của toàn-dân.

Ta không thể tham-vọng tiến ngay tới giai-đoạn đại-kỹ-nghệ, nhưng ta hy-vọng mở-mang nền tiểu-kỹ-nghệ để dần-dần đi đến đại-kỹ-nghệ.

Một số các tiểu-kỹ-nghệ cũng đã được thành-lập trong mấy năm gần đây, nhưng thường vấp phải sự thiếu vốn để kinh-doanh, để sắm dụng-cụ, nguyên-liệu v.v... nên không bành-trướng được.

Cho nên việc tài-trợ những tiểu-xí-nghiệp là một vấn-đề thiết-yếu. Ta không thể trông vào đầu-tư của ngoại-quốc, vì nó tùy thuộc vào biết bao điều-kiện ; ta hãy trông vào ta trước đã.

Trong bài này, tôi muốn trình-bày sơ-

lược những biện-pháp tài-trợ những tiểu-xí-nghiệp thi-hành ở nước Nhật và ở nước Mỹ, ngõ hầu có thể rút kinh-nghiệm mà đem áp-dụng ở nước nhà.

I/ TẠI NHẬT-BẢN.— Hệ-thống tài-trợ những tiểu-xí-nghiệp gồm có :

1') Các cơ-quan Ngân-Hàng đề tài-trợ tiểu-xí-nghiệp.

2') Bảo-hiêm tín-dụng cho tiểu-xí-nghiệp.

1') Các cơ-quan Ngân-Hàng đề tài-trợ các tiểu-xí-nghiệp :

a) Trước hết, các *Ngân-Hàng* lớn của Nhật-Bản đều có tổ-chức những ngành riêng để trông nom công việc cho các tiểu-xí-nghiệp vay tiền. Những tiểu-xí-nghiệp được vay tiền là những xí-nghiệp mà số vốn không quá 10 triệu yens (yen vào khoảng 1\$ V.N.), hoặc số nhân-công dùng không quá 300 người ; số tiền mỗi xí-nghiệp được vay không quá 10 triệu yens. Hiện nay có tất cả 83 ngành riêng của các nhà Ngân-hàng phụ-trách công việc cho những tiểu-xí-nghiệp vay, tổng số tiền cho vay vào khoảng 30 tỷ yens.

b) Các quỹ tiết-kiệm và phóng-trái hỗ-tương: các quỹ này có nhiệm-vụ: nhận ký thác những số tiền nhỏ, cho vay trường hạn trả góp lần lần.

Có tất cả 71 quỹ tiết-kiệm và phóng-trái hỗ-tương; tổng số tiền cho vay trên 300 tỷ yens. Giới-hạn tối-đa số tiền một tiêu-xí-nghiệp được vay là 1/10 vốn riêng của quỹ hay 10 triệu yens.

Với số tiền cho vay, quỹ tiết-kiệm và phóng-trái hỗ-tương đã chiếm một địa-vị quan-trọng bậc nhất trong hàng các cơ-quan tài-trợ những tiêu-xí-nghiệp.

c) Hiệp-hội tín-dụng và hợp-tác-xã tín-dụng.

Hợp-tác-xã tín-dụng có tính-cách địa-phương và chịu quyền kiểm-soát của vị chủ tỉnh nơi hợp-tác-xã hoạt-động. Hợp-tác-xã tín-dụng chỉ được phép nhận tiền ký-thác của các xã-viên và cũng chỉ các xã-viên mới có thể vay được tiền của hợp-tác-xã.

Trái lại, hiệp-hội tín-dụng có tính-cách quốc-gia nên chịu sự kiểm-sát của Bộ Tài-Chánh. Hiệp-hội có thể nhận tiền của hội-viên hay của những người không có chân trong hội cũng như có thể cho hội-viên hay các người ngoài vay tiền.

Có tất cả 554 hiệp-hội tín-dụng cho vay tất cả trên 200 tỷ yens, chiếm địa-vị thứ nhì sau các quỹ tiết-kiệm và phóng-trái hỗ-tương, trong hệ-thống các cơ-quan tài-trợ những tiêu-xí-nghiệp.

Về hợp-tác-xã tín-dụng thì có tất cả 374 hợp-tác-xã cho vay tổng số 32 tỷ yens.

d) Ngân-hàng Trung-ương của các hợp-tác-xã kỹ-nghệ và thương-mại. Sự tổ chức Ngân-hàng Trung-ương này dựa vào một điều-kiện căn-bản: sự thành-lập những hợp-tác-xã giữa những tiêu-xí-nghiệp.

Ngân-Hàng Trung-Ương điều-hành như

một cơ-quan tài-chánh của những hợp-tác-xã của các tiêu-xí-nghiệp thương-mại và kỹ-nghệ.

Thành-lập năm 1936, Ngân-Hàng Trung-Ương có số vốn là 2.606 triệu yens trong đó Chính-Phủ Nhật góp 1.308 triệu yens và các hợp-tác-xã (9.200 hợp-tác-xã), góp 1.298 triệu yens.

Theo nguyên-tắc, Ngân-Hàng Trung-Ương chỉ cho các hợp-tác-xã có gia-nhập vào Ngân-Hàng vay tiền: hợp-tác-xã sẽ đem cho các xã-viên vay lại; tuy-nhiên, Ngân-Hàng cũng có thể cho các xã-viên vay thẳng.

Nghiệp-vụ chính của Ngân-Hàng Trung-Ương là cho các hợp-tác-xã vay có kỳ hạn, không buộc có bảo-đảm, trong một thời-hạn tối đa là 5 năm, hoặc cho các hợp-tác-xã vay không có bảo-đảm và trả góp từng tháng, từng lục-cá-nguyệt hay từng năm, trong một thời-hạn không quá 20 năm.

Ngoài nghiệp-vụ chính trên, Ngân-Hàng Trung-Ương còn nhận tiền ký-thác của các hợp-tác-xã, của các tiêu-xí-nghiệp có gia-nhập hay không gia-nhập vào Ngân-Hàng, các công-sở, các pháp-nhân hoạt-động không có mục-dịch kiếm lời, các Ngân-Hàng và các cơ-quan tài-chánh được Chính-Phủ cho phép.

Ngân-Hàng Trung-Ương lại có thể phát-hành những trái-phiếu kỹ-nghệ và thương-mại trong giới-hạn 20 lần số vốn đã đóng và số trừ-kim của Ngân-Hàng. Việc phát-hành trái-phiếu này là một nguồn quan-trọng để làm rời-rào tài-nguyên của Ngân-Hàng.

Những tiền khả-dụng của Ngân-Hàng Trung-Ương chỉ có thể dùng vào những công việc sau đây:

— Mua những phiếu công-thải hay

những chứng-khoản khác do Bộ-Trưởng sở-quan cho phép.

— Ký-thác tại các Ngân-Hàng hay các bưu-quỹ với sự chấp-thuận của Bộ-Trưởng sở-quan.

— Cho các tiêu-xí-nghiệp vay ngắn hạn.

— Cho các Ngân-Hàng hay các cơ quan tài-chánh vay với sự thỏa-thuận của Bộ-Trưởng sở-quan.

Tổng số tiền của Ngân-Hàng Trung-Uơng cho vay vào khoảng 55 tỷ trong đó 11% để làm vốn trang-bị, 89% làm vốn kinh-doanh.

c) *Nghiệp-hội tài-chánh các tiêu-xí-nghiệp.* Những Ngân-Hàng, những quỹ tiết-kiệm và phóng-trái hổ-tương, những hiệp-hội tín-dụng thường chỉ cho vay ngắn hạn (dưới 1 năm), trong khi các tiêu-xí-nghiệp cần được vay dài hạn để có thể canh tân.

Nghiệp-hội tài-chánh thành-lập năm 1953 có mục-dịch bổ-cứu sự khiếm-khuyết này. Nghiệp-hội tài-chánh cho vay dài hạn cho những công-ty nhỏ làm những công việc mà luật chỉ-dịnh là cần-thiết cho sự duy-trì và mở-mang nền kinh-tế quốc-gia, những hợp-tác-xã, những hiệp-hội hay những pháp-nhân chỉ-dịnh trong đạo-luật về nghiệp-hội tài-chánh các tiêu-xí-nghiệp.

Nghiệp-hội hoặc cho vay thẳng, hoặc do sự trung-gian của các cơ-quan tài-chánh như các Ngân-Hàng, Ngân-Hàng Trung-Uơng của các hợp-tác-xã kỹ-nghệ và thương-mại, các quỹ tiết-kiệm và phóng-trái hổ-tương, v.v...

Vốn của nghiệp-hội do Chính-Phủ vừa góp vốn vừa cho vay. Số vốn Chính-Phủ góp là 16.700 triệu yens và số tiền Chính-Phủ cho vay là 11.300 triệu.

Tổng số tiền mà nghiệp-hội cho vay vào khoảng 31 tỷ.

2) Bảo-hiêm tín dụng tiêu-xí-nghiệp.

Để tăng-cường năng-lực tín dụng của các tiêu-xí-nghiệp ngõ hầu có thể vay tiền được một cách dễ-dàng, Chính-Phủ Nhật có thi-hành 2 biện-pháp ;

— bảo-đảm tiền vay.

— bảo-hiêm tiền cho vay.

a) *Bảo-đảm tiền cho vay :* tại mỗi quận, có thành-lập một hiệp-hội bảo-đảm tiền vay do cơ-quan hành-chính địa-phương tổ-chức, với sự tham-gia của các cơ-quan tài-trợ, phòng thương-mại, v.v...

Hiệp-hội bảo-đảm tiền vay của các Ngân-Hàng, các cơ-quan tài-trợ cho các tiêu-xí-nghiệp vay. Nếu con n y không trả được tiền nợ, hiệp-hội sẽ đứng trả thay.

Phí bảo-hiêm mà hiệp-hội thu tính là 3% số tiền vay ; số tiền vay được bảo-đảm tối đa là 10 triệu yens.

b) *Bảo-hiêm tiền cho vay :* Chính-Phủ đứng tổ-chức việc bảo-hiêm tiền cho vay bằng cách mở một tài-khoản đặc-biệt bảo-hiêm tín-dụng các tiêu-xí-nghiệp với một số vốn là 2 tỷ yens.

Chính-Phủ đứng bảo-hiêm những số tiền do các cơ-quan tài-trợ cho tiêu-xí-nghiệp vay, Chính-Phủ thu một khoản tiền phí bảo-hiêm tính là 3% một năm. Nếu số nợ không thu-hồi được, Chính-Phủ sẽ phải trả 80%. Chỉ có những tiêu-xí-nghiệp chỉ-dịnh trong đạo-luật tổ-chức bảo-hiêm tín-dụng mới được hưởng sự bảo-hiêm tín-dụng.

Thường ra, Chính-Phủ chỉ bảo-hiêm những tiền cho vay để trang-bị hay làm vốn kinh-doanh khi số tiền vay không quá 10 triệu yens và thời-hạn vay trên 3 tháng.

II/ Ở BÊN MỸ

Cơ-quan « *SMALL BUSINESS ADMINISTRATION* » (SBA).— Việc



tài-trợ các tiểu-xí-nghiệp do cơ-quan SBA phụ-trách. Đó là một cơ-quan công-lập không có mục-đích kiếm lời, do đạo-luật Small Business Act ngày 20-6-53 tổ-chức. Cơ-quan này được miễn các thứ thuế.

Nghị-viện Mỹ cấp cho Cơ-quan SBA một số vốn là 100 triệu đô-la với tiền lời là 2,75%.

Cơ-quan SBA có 2 nhiệm-vụ :

- nhiệm-vụ tài-trợ,
- nhiệm-vụ chuyên-môn,

Về nhiệm-vụ tài-trợ, cơ-quan SBA cho các tiểu-xí-nghiệp vay tối-đa là 250.000 đô-la. Tại các địa-phương, đều có ủy-ban đại-diện, có quyền cho vay những số tiền vay không quá 25.000 đô-la hay 50.000 đô-la.

Đặc-biệt, cơ-quan SBA có thể cho các hội do một nhóm các tiểu-xí-nghiệp thành-lập, vay những số tiền quan-trọng hơn khi suất tiền vay đó dùng để sản-xuất hay mua nguyên-liệu để tích-trữ. Lợi suất tối-đa là 6% và thời-hạn vay có thể là 10 năm.

Cơ-quan SBA không cạnh-tranh với các Ngân-Hàng, nên chỉ cho vay khi nào đương-sự bị Ngân-Hàng từ-chối.

Phần nhiều số tiền cho vay dùng để xây-dựng hay khuếch-tương nhà máy, mua máy-móc, dụng-cụ.

Về mặt chuyên-môn, cơ-quan SBA cộng-tác với Chính-Phủ để ấn-định những việc cung-cấp nào nên dành cho các tiểu-xí-nghiệp (đạo-luật S.B.Act có định là một phần tổng số thầu cung-cấp của Chánh-Phủ phải dành cho các tiểu-xí-nghiệp).

Cơ-quan SBA lại còn giúp các tiểu-xí-nghiệp trong việc quản-lý xí-nghiệp, tổ-chức những lớp huấn-luyện cho các chủ xí-nghiệp, xuất-bản những sách báo có bàn-luận đến những vấn-đề liên-quan đến việc kinh-doanh, v.v...

Cơ-quan SBA là cơ-quan chuyên-môn tài-trợ các tiểu-xí-nghiệp, nhưng ngoài ra, ở bên Mỹ, còn có biết bao cơ-quan tài-chánh khác, những Ngân-Hàng thương-mại (Commercial Banks), những cơ-quan đầu tư (Investments Trusts), những cơ-quan tiết-kiệm (Mutual Savings Banks — Savings And Loan Association) mà các tiểu-xí-nghiệp vẫn có thể vay tiền được.



Hệ-thống tài-trợ các tiểu xí-nghiệp ở Việt-Nam rất nghèo-nàn. Sắc lệnh số 149/KT ngày 25-10-56 có thiết-lập một quỹ do Bộ Kinh-Tế quản-lý, có mục-đích cho các tiểu thương-gia vay tiền.

Ngoài quỹ này ra, có thể nói rằng chưa có một cơ-quan tài-trợ riêng cho các tiểu xí-nghiệp. Các Ngân-hàng ở đây thường chỉ chú-trọng đến việc cho các nhà thương-mại hay kỹ-nghệ bậc lớn vay, còn những nhà tiểu-kỹ-nghệ khó có hy-vọng được các nhà Ngân-hàng đoái-tương tới. Họ thường đi vay của tư-nhân với một lợi suất nhiều khi cắt cò. « Doanh-tế-Cục » do Chánh-phủ tổ-chức trong năm 1955 không phải là một cơ-quan tín-dụng riêng của các tiểu-xí-nghiệp, vì theo điều 1 sắc-lệnh số 36-KHKT ngày 31-1-55, nó có nhiệm-vụ làm phát-triển dễ-dàng nền kinh-tế quốc-gia bằng những công việc cho vay tiền hay hùn vốn vào các ngành công kỹ-nghệ hay nông-nghiệp tại Việt-Nam. Trong thực-tế, Doanh-tế-Cục có phần chú-trọng nhiều đến tình-trạng của các tiểu-xí-nghiệp, nên trong danh-sách những người được vay tiền của Doanh-tế-Cục, ta nhận thấy có các nhà máy xay lúa, các trại cưa, các lò gạch, hăng làm nển, làm ly ve, lò than, làm giấy v.v.... Tổng số tiền vay của các xí-nghiệp loại này vào khoảng 100 triệu đồng.

Doanh-tế-Cục cho vay dài hạn để mua máy-móc trang-bị, với lợi suất 6% một năm và cho vay ngắn hạn để làm quỹ luân-chuyển với lợi suất từ 7 đến 8% một năm. Những bảo-đảm đòi hỏi là những chứng-khoản, bất-động-sản, xí-nghiệp, máy-móc, dụng-cụ, vv.... Với số vốn 200 triệu vay của Chính-phủ, ngoài ra không có nguồn tài-nguyên nào khác hơn là tiền lời đầu-hoạch được, Doanh-tế-Cục không có đầy đủ phương-tiện để hoạt-động một cách mạnh-mẽ, nên chỉ ảnh hưởng của cơ-quan tài-trợ này trong địa-hạt mở-mang nền kỹ-nghệ nước nhà yếu-ớt lắm. Hiện nay, các Bộ Kinh-tế, Canh-nông đã chú-trọng phát-động phong-trào hợp-tác-xã, thiết-tưởng có thể nghĩ đến sự tổ-chức Doanh-tế-Cục thành một Ngân-hàng Trung-ương theo kiểu Ngân-hàng Trung-ương của Nhật-Bản nói ở trên để thành một cơ-quan tài-trợ các tiểu-xí-nghiệp. Mặt khác, Chính-quyền cũng cần hướng-dẫn các Ngân-hàng tư vào việc cấp vốn cho các tiểu-xí-nghiệp, nhất là hiện nay họ thừa tiền lưu-động. Sở dĩ các tiểu-xí-nghiệp không bén-mãng được với các nhà Ngân-hàng, một phần vì năng-lực tín-dụng của họ kém, họ thiếu bảo-đảm. Cho nên muốn cho họ có thể vay tiền được ở các Ngân-Hàng, phải tổ-chức việc bảo-đảm tiền vay hay bảo-hiêm tiền cho vay,

giới hạn vào những hoạt-động nào xét ra cần thiết cho nền kinh-tế quốc-gia.

Sau hết, quan-niệm xét đơn cho vay tường cũng nên thay đổi một phần nào. Hiện nay, cơ-quan cho vay tiền chỉ chú-trọng xem người đi vay có những bảo-đảm chắc-chắn không, chứ không đề ý đến năng-lực chuyên-môn của người đi vay. Quan-niệm này có phần không thích-hợp, vì có những người có thừa kinh-nghiệm về công-việc kinh-doanh có thể đạt được những kết-quả tốt-đẹp, đáng được nâng-dỡ, mặc dầu họ thiếu bảo-đảm chắc-chắn, hơn là những người, tuy có bảo-đảm chắc-chắn, nhưng không có kinh-nghiệm về nghề mình. Cho nên ở bên Mỹ, khi xét những đơn xin vay tiền của các tiểu-xí-nghiệp, các cơ-quan tín-dụng căn-cứ vào 4 tiêu-chuẩn sau đây :

— Tiếng tăm của đương-sự (character — honorabilité).

— Năng-lực chuyên-nghiệp của đương-sự (capacity), đương sự có tài điều-khiển xí-nghiệp không.

— Vốn của xí-nghiệp (capital).

— Bảo-đảm (collateral) : tiêu-chuẩn này không thể thay-thế sự thiếu sót của một trong 3 tiêu-chuẩn nói trên.

Rút lại, điều can-hệ vẫn là sự tin cậy vào người đi vay, hơn là những bảo-đảm của đi vay.

NGUYỄN-HUY-THANH

Triển-lãm Tạ-Ty

Cuộc triển-lãm Tạ-Ty, khai mạc ngày 14-2-57 tại Phòng Thông-Tin đường Tự-Do.

Tranh của Tạ-Ty đã từ lâu được làm đầu đề bàn cãi trong giới hội-họa. Cuộc triển-lãm lớn này với những sáng tác mới Tạ-Ty sẽ làm ngạc-nhiên nhiều người hơn nữa.

BÁCH-KHOA hân-hạnh giới-thiệu cuộc triển-lãm hội-họa đầu xuân với độc-giả.

TÌM HIỂU NHAU ĐỂ TẠO HẠNH-PHÚC

Tặng đôi lứa « Ngu-Dung » (1)

MUỐN cho một người đàn ông thật đàn ông, thấy mình đầy-đủ, tưởng không gì cần-thiết hơn là làm sao bên mình y lúc nào cũng có một người đàn bà thật đàn bà, làm vợ cũng được, làm ái-nhân cũng được mà làm bằng-hữu cũng được. Nhờ vậy người đàn ông lúc nào thần-trí cũng sẽ bản-khoản nghĩ tới sự nối dõi, là cái mà hạng người ố-nữ chẳng bao giờ lúy tới.

Tư-tưởng của đàn ông có khác nào một chiếc phi-cơ lìa khỏi mặt đất mà bay lượn giữa không-trung. Cái tâm-trí đó phát-kiến được những cảnh-tượng bao-la hùng-vĩ, nhưng thiếu hẳn thực-chất. Cái tâm-trí đó hể xét sự vật, chắc là hay nhầm lẫn lấy danh làm thật, lấy thau làm vàng. Còn cái tâm-trí đàn bà thì lúc nào cũng đi bộ ; cái tâm-trí đó, chiều hôm qua đi theo những đường lối nào, là sáng hôm sau lại noi theo đường lối ấy, yá thần hoặc người đàn bà một bạn nào chịu theo người đàn ông dễ ngao-du trên thượng từng không khí đi nữa, thì người đàn bà cũng vẫn mang theo một pho tiểu-thuyết để lúc lên đến từng cao, còn có thể tìm lại được những nhân-vật trần-gian với những cảm-tình dục-vọng và một chút hơi ấm nóng.

Dẫu cho họ có ước muốn cuộc hôn-nhôn thế mấy, dẫu cho lứa đôi có mê-luyến nhau thế mấy, mà họ có thông-minh thế

mấy đi nữa, thì đôi bên nam-nữ đều phải cảm chắc rằng mình sẽ chung sống với một người lạ, và người đó sẽ làm cho họ ngạc-nhiên vô cùng, ít ra là cũng mấy hôm đầu.

Ấy thế mà buổi đầu của hôn-nhân, từ thuở xưa xa nào, đã được người đời đặt cho cái tên là « tuần trăng mật ». Mà thật thế, nếu sự sum-vầy lứa đôi tạo nên sự hòa-hợp nhục-thể, thì tự-nhiên trong cái say đắm buổi đầu, bao nhiêu nỗi khó, đôi bên đều quên hẳn được cả. Người đàn ông quên lãng được bầu bạn của mình, người đàn bà hy-sinh được những ham thích riêng của mình, chính là vào khoảng thời-gian đó.

Bạn đọc có thể tìm thấy trong bộ tiểu-thuyết « Jean Christophe » một đoạn miêu-tả cực đúng cái tâm-trạng một người đàn bà, trong những ngày đầu cuộc sống chung đôi. Chẳng cần cố-gắng gì mà cũng hiểu được dễ như bốn những thứ văn-chương trừu-tượng mà nếu là ở một thời nào khác trong đời y, thì chắc y phải gian-nan mới đọc nổi. Cả người y, cơ-hồ nhờ ái-tình nhắc bổng lên khỏi mặt đất. Như hết một kẻ mắc bệnh ly-hồn, đương ngủ mà trèo lên du-hành trên mái nhà, người đàn bà ấy tới đâu cũng bình-tĩnh mang theo cái mộng cảnh trang-trọng và xinh-tươi của mình mà chẳng nhìn thấy gì nữa.

(1) Lời đề-tặng này vốn của dịch-già (Lời người dịch).

ẻ. Rồi kể đó nàng bắt đầu trông thấy những mái nhà thật, tuy vậy nàng cũng thản-nhiên, không vì thế mà lo sợ. Nhưng nàng tự hỏi không biết nàng lên đó làm gì, rồi nàng trèo xuống vô nhà.

Ấy thế, có bao nhiêu người đàn bà đã trèo xuống vào cái nhà tâm-tư của mình mà khép cửa lại sau khi kết hôn được vài tháng hoặc vài năm. Họ đã rón tìm phương mà thành một người khác, để họ không còn là đàn bà nữa, và sự cố-gắng đó đã khiến họ mệt lử rồi.

Họ nghĩ thầm : « Mình những muốn theo sát một bên anh ấy, nhưng thế là không phải. Mình sanh ra nào phải để làm như thế đâu ».

Còn trong khi ấy thì người đàn ông thấy mình đâm ngấy cái hạnh-phúc lứa đôi, rồi mơ ước một cuộc sống hoạt-dộng đầy nguy-hiêm.

Chính lúc ấy là lúc hết tuần trăng mật và tiếp theo đó, là cái thời kỳ mà thi hèn Byron gọi là « tuần trăng cơm nếp nát », cái thời kỳ hất hủi và chán-nản tất nhiên phải có sau một hồi nhiệt tình quá độ. Bấy giờ là lúc nảy ra những « lứa đôi xung khắc ». Đôi khi họ không phải là xung khắc toàn bộ mà chỉ xung khắc một phần nào. Đôi vợ chồng không còn hiểu nhau nữa ; họ chỉ lấy một niềm thương lọt lạt xa cách mà chịu đựng nhau thôi. Có một người đàn bà người Mỹ, một hôm, giải thích cho tôi nghe cái tình trạng đó. Bà ta nói :

— Tôi yêu chồng tôi lắm ; nhưng nhà-tôi thì sống riêng một hải đảo, tôi trên

một cù lao khác, mà hai chúng tôi lại không một người nào biết lộ, thành ra chẳng bao giờ gặp nhau được ».

Gide có viết : « Xem thế thì đủ biết hai con người, ta cần đi nhấn lại thì thấy họ vẫn sống chung một cuộc đời như nhau đấy, vẫn gọi là yêu mến được, chẳng khác nào hai nước bể quan ».

Nhưng đôi khi, sự tình lại nghiêm-trọng hơn, và từ không hiểu nhau, hai vợ chồng lần đến sự hiềm ghét nhau. Có bao giờ bạn thấy trong một lữ quán nào đó có hai người, một đàn ông với một đàn bà, cùng ngồi ở bàn ăn, im thím-thít, đưa cặp mắt xoi bói mà nhìn nhau như hai người cừu địch, thì bạn nên nhớ rằng đó là một đôi vợ chồng đau khổ. Và bạn hãy tưởng-tượng ra những nỗi phẫn-hận âm thầm, cái nỗi khổ của họ, vì chẳng nói được một thứ ngôn-ngữ giống nhau nên không tài nào bày tỏ những hờn giận ấy cho nhau được hiểu, bạn hãy tưởng-tượng ra cái giường lứa đôi sum vầy, có hai người xa lạ nằm trên đó trông chẳng khác nào hai pho tượng mà tục người ta thường đặt nằm song-song ở nơi phần mộ, giữa đề một thanh gươm bằng đá ngăn cách đôi bên ; hai người xa lạ đó nằm trơ chẳng nói chẳng rằng, mà mắt mở thao-láo, người đàn ông thì lắng tai nghe những tiếng khóc thồn-thức của người đàn bà và dòng lệ thầm rơi từng giọt giữa đêm khuya.

André Maurois.

YÁ-HẠC NGUYỄN-VĂN-TRUNG dịch.

Hộp thư BÁCH-KHOA

Bạn Ngô-v-Thái Saigon.— Chúng tôi đã nhận được thư của bạn. Rất cảm ơn bạn đã sốt sắng góp ý-kiến với chúng tôi.

Trong thư bạn có nhiều ý-kiến hay, nếu bạn sắp xếp lại thành một bài gửi tới tòa soạn, chúng tôi sẽ đăng lên Bách-khoa trong những số tới, đề rộng đường dư-luận.

TÔI-TẮM

của X. V.

HỒI tôi đến nhận việc, cơ-quan của tôi còn dưới quyền giám-đốc ông quan tây già hai thối. Kề thì ông rất dễ dãi. Tại tính ông hay tại thời-cuộc, tôi không rõ. Có lẽ tại cả hai. Nhân-viên dưới quyền ông tha-hồ tự-do, miễn là giữ trật-tự chung, và cuối tháng công việc đầu vào đầy. Ngày ngày ngoài ít giờ cặm-cui viết lách, tính-toán, họ tha hồ, bắt chước ông, ngả lưng vào thành ghế mà nghiên-ngắm báo-chí hoặc tiêu-thuyết, miệng ngâm kệ hay phì-phà diễu thuốc.

Mới ở trường ra, lại gặp bầu không-khí dễ thở và nhiều thiện-cảm anh em trên dưới, tôi đắm mê cái nghề cạo giấy của tôi. Chừng như hai ông chánh phó giám-đốc cũng thấu hiểu, nên một tháng kia, điềm-danh xong, giữa cái phút ồn-ào thường-lệ khởi đầu ngày làm việc, họ dẫn đến cho tôi hai anh bình nhì. Họ cười mủm-mỉm. Tôi thì ngượng-ngượng, nửa nghi nửa ngờ : — Quái! Mình chỉ là chú « cóc-xếp » mới nóng hổi ở lò ra mà sao lại mau có địa-vị như thế này, có cả những hai chú lính dập-dèu!

Mặt tôi nóng bừng. Chắc đỏ lắm.

Tôi đâu biết được: Của thừa không ai xài nòi mới đến phần tôi.

Ông giám-đốc chỉ tay giới-thiệu. Tôi nhìn theo. Té ra cũng là chỗ quen biết sơ qua. Hồi tôi vào trường hạ-sĩ thì họ sắp sửa ra trường chuyên-nghiệp. Nhưng có điều tôi chưa bao giờ đề ý: đem họ ghép lại với nhau hôm nay, tôi thấy cả một cái chênh-lệch vừa bực cười vừa chua-chát.

Một anh thì thật là sếu. Giá tôi đứng giấy so-đo, chắc chỉ đến cằm lão. Lão mặc bộ đồ « xọc » ca-kì đề lộ cả chân tay dài lằng-khằng. Tóc lão hớt thiệt cao, mặt dài, hai con mắt tròn và long-lanh như hai hòn bi thủy-tinh, hai gò má dô như hai mồm đá. Tất cả đề tăng thêm vẻ cao sảo có của lão. Lão nhìn tôi như đề bảo :

— Lại một thằng cha khác đến đề sai vật lão. Coi chừng, lão đã kỳ-cựu lắm, tuy trên vai vẫn mãi mãi cái lon « một lửa » mà lão rất đề ý chỉ đeo vào những lúc cần, như giờ điềm quân-phục mỗi chiều thứ sáu. Nghe đầu đã có mấy lần lão giả thiếu-úy, trung-úy về lục-tinh hỏi vợ. Lão ngông và khùng đáo đề.

Đứng sát bên lại là một anh bé tí. Lão càng bé vì lão như có ý thu cả thân mình cho không còn ai trông thấy nữa. Nước da lão ngăm-ngăm đen, tóc búi tém bông-bành dài tận mang tai, hai con mắt tí ti không có thần. Trông lão buồn tẻ. Lão không phản-ứng gì cả. Tôi đề ý lão ngay lúc đó và bắt đầu thương hại.



Chưa kịp hiểu hết cái ngông của binh Sếu và cái bí-mật của binh Lùn thì một sáng thứ hai đã xảy đến trong sở một việc tây trời. Ai ai cũng nom-nớp sợ lụy đến mình.

Thứ bảy trước chúng tôi vừa mới đổi chủ. Một ông đại-úy Việt trẻ măng đến thay thế lão quan tây già.

Đổi chủ, đổi luôn cả bầu không-khí. Người ta đồn rằng : ông quan liêu và hách-dịch lắm.

Báo mua rồi đó, đành-dứt ngăn kéo ; tiêu-thuyết cũng vậy. Trời đã oi bức càng thấy oi bức thêm. Rải-rác vài tiếng ngáp kêu và dài giữa tiếng ro ro của mấy cái quạt máy cũ thời.

Tám giờ rồi. Sếu, Lùn sao mãi chưa tới. Tôi bất-giác đâm lo. Xung quanh tôi người ta đang thì-thào bàn-tán về chuyện kết của sở bị trộm, mất sạch. Trước cửa sở thấp-thoáng mấy anh lính mũ đỏ.

— Ai trực-nhật hôm qua mầy ?

— Thăng Sếu của anh chó còn ai.

Tôi giạt mình. Thì nó bị túm cò rồi, còn gì nữa !

Nhưng còn Lùn của tôi ?

— Thăng Lùn hôm qua nó đi đâu không mầy ?

— Nó mà đi đâu. Cả ngày hôm qua nó chết xác ở đây với thăng Sếu. Cho

nên sáng nay, « a-lê » cái nhà pha cả hai chúng nó.

Xui Lùn quá. Chứ mặt lão mà trộm với cướp gì !

Mất Sếu và Lùn, tôi thấy nhớ. Thì ra thầy tớ vẫn thương nhau. Lùn-thần tôi đâm lo. E công việc thăng này không xuôi. Buồn thì nói thế, chứ có hai lão cũng như không có. Sếu thì bất kham, đồ bảo được việc gì. Lùn dễ bảo, nhưng lại vụng và chậm.



Thật khác hẳn Sếu. Ở tù ra mà Lùn của tôi không có lấy màu chuyện hay cảm-tưởng gì để phân-phối với chúng bạn. Một tuần lễ bị giam, chỉ biết người lão gầy đét hẳn đi, tỉnh tỉnh trầm mặc hơn.

Tôi chỉ còn gặp lão vào những buổi làm việc, đúng giờ đúng giấc. Như cái máy, hễ ồ-hự bắt đầu thời giờ tầm là lão vớ lấy mũ chóp gù đứng giậy tất quạt máy, khóa trái cửa sở rồi lên qua anh em như muốn ù té chạy.

Lão oán ghét sở như tù oán ghét lão.

Cũng may. Không bao lâu sau cơ-quan được đổi trụ-sở. Ngày dọn đồ, tôi đùa lão :

— Hôm nay đãi rượu chứ, tổng đèn mà !

Lão cười khi. Cái cười như mếu, tit cả mắt. Nhưng cũng đủ để thông-cảm cái sướng thầm trong bụng lão. Lão như sắp thoát khỏi căn nhà có ma.

Trụ-sở mới rộng-rãi lắm. Đủ mọi tiện-nghì : đèn nê-ông, quạt máy mới. Còn gì nữa ? Tha hồ sướng. Lùn sẽ thư-thối sống như hồi sở cũ chưa mất trộm. Nghĩa là ngày ngày trưa chiều, tán sở, chỉ có việc dẹp sở sách, lấy bàn làm giường, hoặc trải phăng manh chiếu xuống gạch hoa rồi ra quần ra áo mà

ngà lưng. Suồng xác lại còn tránh được cái khò về trại lẫn-lộn với bọn lính tạp-nhập khác nghề. Lùn thế mà khéo đảo-đề.

Nhưng khùng - cảnh có thay, lòng người vẫn không đổi.

Không hiểu tại sao người ta lại có thể vô tâm đến thế. Hòa cả bè lũ mà ức-hiếp một kẻ bất lực bất tài như lão. Từ ông giám-đốc cho đến anh tùy-phái, hễ có chuyện đến lão là phải dạy dỗ rồi mới nói. Lão thì đành nhắm mắt nhắm mũi mà chịu cho qua ngày đoạn tháng.

Chỉ còn tôi để ý chơi thân với lão. Lão cảm ơn tôi bằng cách thỉnh-thoảng mời tôi điếu thuốc. Tình-nghĩa mới có bấy nhiêu thôi. Lão rất ít nói về mình. Lão kín thín-thít.

Bỗng nhiên, một hôm tôi nhận được bức thư của người em công-tác nơi xa gửi về. Lão liếc thấy con niêm. Lão mừng quên cả đắn-đo. Chuyện quê lão vì thế tôi mới biết.

— Thư ai ở C. P. gửi về cho anh đây ?

— Của em tôi.

— C. P. có nhiều quá xá, anh ạ.

— Sao anh biết ?

— Quê tôi mà !

Lão thôi nói, làm tôi tung-hưng đành nghĩ bâng quơ. Lão ở C.P. Quê lão hẳn có sông nước rộng dài, có đồng ruộng phì-nhiều, có mùa nước lụt. Ngày xưa ngày xưa, chắc lão cũng đánh trường mò tôm, mò cá với trẻ. Người ta nói, C.P. quê lão có thứ mắm danh tiếng lắm. Có lẽ lão đang thèm nhiều nước miếng ra đây.

Dần-dà lóng mà nghe, tôi còn biết thêm. Cha mẹ lão đã khá giả. Nhà lão thế mà giàu : có những hai chiếc thuyền máy buôn xuôi bán ngược. Lão cũng đã sống những ngày tươi sáng, từ cái tuổi hồn-nhiên quần chưa muốn bận cho đến

cái tuổi hao hức ngày hai buổi cấp sách tới trường.

Thế rồi gặp thời chinh-chiến, lại sẵn cảnh khêu-gợi bến rộng sông dài, lão tưởng đến lúc ra đi, đột thời-gian đoạt danh-vọng.

Cơ-hội tới.

Một buổi sáng cuối năm đệ-tứ của lão, có viên sĩ-quan lạ, quân-phục trắng bóc, hai lon vàng chói trên vai, tới viếng trường. Tiếng khen, tiếng đồn, từ lớp này qua lớp khác. Ông đến tuyên-mộ cho Hải-quân Việt-nam.

Ông hùng-biện lâu và hứa-hẹn nhiều : lương cao, chức hậu, lại có nghề chắc-chắn bảo đảm tương-lai, và — thiệt là đúng tâm-lý — phiếu-lưu nhiều, nay thương-cảng này, mai thương-cảng khác.

Phượng đã đổ cả sân trường. Mùa nghỉ tới. Lòng học-sinh đang nao-nức những cuộc đi xa. Thì ngần-ngại gì mà không đốt sách đốt vở theo ông. Thế rồi họ rủ-rè nhau. Lùn cũng bị họ lôi cuốn. Lão về lén gói quần áo trốn theo.

Ngày hôm sau cả bọn tới Sài-gòn. Viên sĩ-quan tuyên-mộ đem họ vào bộ tư-lệnh ký giao-kèo, rồi suốt ngày cho ô-tô dẫn họ đi xem khắp nơi. Mắt họ hoa lên vì màu sắc, nhộn-nhịp. Lòng họ vui quá xá ; đến quên cả nhớ nhà. Lại hãnh-diện nữa kia chứ ! Lúc viếng thương-cảng viên sĩ-quan đã chẳng giới-thiệu với quan-quân mấy chiếc tàu Pháp tại bến rằng họ là một lớp sĩ-quan tương-lai của Hải-quân Việt-nam đó ư !

Kinh-thành quyến rũ. Nhưng họ không tiếc ; lòng họ đang hướng cả về trường huấn-luyện Nha-trang. Tàu nhỏ neo, lòng họ phấp-phồng như cánh bướm trước gió. Họ đang say-sưa với ảo-ảnh ngày mai ; bốn bề chẳng chút vết họ đi, về. Ý-thức

chiến-sĩ Hải-quân của họ chỉ thể thối. Họ là cả một bọn con nít ; vui đi thật nhiều cho bố những ngày mai cực khổ.

Suốt non một năm sau, Lùn chết cay chết đắng. Vì thực-tế xảy đến khác hẳn với những lời người ta đã hứa hẹn trước.

Cả ngày, nào « cò-vê », nào chèo thuyền bá người, nào một hai vác súng, é vai rụ căng. Tối đến, nếu khỏi cái nạn gác (lão vốn có tính sợ ma), thì cũng phải ngồi cột đèn mà học chỉ từ cho đến khuya. Nhớ nhà và buồn ngủ lắm, nhưng phải cố chữ biết sao giờ. Lỡ trượt kỳ thi chuyên-nghiệp thì khốn. Lon vòng không dám mơ nữa, nhưng thế nào cũng phải giắt lấy cái lon « 1 lữa ». Tụi nó bảo, lính không nghề cực lắm, suốt đời làm mọi thiên-hạ.



Nhìn qua chồng hồ-sơ chất như thành trên bàn lão, tôi thấy lão đang cúi sắp lút hút viết. Vẫn biết có khi suốt buổi, lão tính không xong cái phiếu lương-bổng cá-nhân. Trật bậy nữa là khác. (Từ ngày lỡ đại hăm-hồ đăng vào Hải-quân lão như người mất trí).

Lão siêng. Không ai chối được. Nhưng sự cần-cù không ích gì cho lão cả. Đồng bọn, người ta đã « hai, ba lữa », trơ mình lão mang mất cái lính quèn thôi. Người ta bỏ rơi lão. Người lại càng khinh và bắt nạt lão.

— Xếp có ba cái hồ-sơ mà cũng không xong thì còn mong cái với cái gì.

— Giở rác đống lút mắt, không thấy sao ? Hay còn đợi tôi đi đồ phải ?

Từ dạo tôi cái bậy đề bệnh lão, bảo rằng lão là cộng-sự-viên của tôi chứ không phải là mọi các người, lão mới hơi được yên thân.

Nhưng đừng thấy bề ngoài làm-lì như

súc gỗ mà tưởng-lắm. Lão ghét bầm cả ruột gan mấy thằng cha khinh và bắt nạt lão. Sau này có con, lão cho đi học thiệt giỏi vào Hải-quân làm quan. Rồi xem còn ai khinh lão được nữa không. Khốn nỗi chuyện viên-vong quá ! Vì lão nghèo xơ nghèo xác mà !

Lương tháng vồn-vẹn năm trăm, thì đã phải dút-khoát trích ra trăm rưởi tiền ăn sáng, và năm chục tiền thuốc lá. Còn lại có bao lăm ! Chỉ « đi bỏ » dăm lượt là đã cháy sạch. Cuối tháng có khi không còn xu nhỏ để hớt cái tóc.

Đã lâu lắm lão muốn dành-dụm mua cái đồng hồ mà không được. Không có nó, bất tiện lắm. Về trễ giờ cơm thì chỉ có việc riết giây lưng, uống nước lã và chờ bữa sau.

Nhà lão giàu, nhưng mà làm sao ấy. Lão không về thăm quê, lão cũng không viết thư tổng tiền. Năm thì mười họa mới thấy lão quetch-quạc mấy chữ gửi về cho ba má lão.

Chùng lão cũng biết thân phận, nên lão không dám dây-dưa chuyện đời... Tình cờ, lão gặp lại một người bạn gái hồi lão còn đi học. Vui sướng quá thế nào chẳng biết, lão đem chuyện ấy học lại với tụi nó. Rút cuộc, một thằng trong bọn nó chìm mất của lão. Lá thư tình-tử đầu tiên lão nhận được mấy tuần trước, lão đành âm-thầm nhét vào ngăn ví cũ rích của lão cho đỡ lếp thôi !

Ánh sáng chưa gì đã vội tắt. Làm lão càng mù-tịt.



Ba tháng sau ngày tôi được giải-ngũ, nhân có chút việc phải vào thành, tôi ghé thăm qua sở cũ.

Anh em bạn nhao-nhao tiếp đón.

Tôi đưa mắt tìm Lùn. Lão đã dời chỗ.
Trên bàn lão không còn thấy chồng chất
hồ-sơ như hồi lão còn làm việc với tôi.

Đến lượt bắt tay lão, tôi cố riết thật
mạnh và nhìn thẳng vào mặt lão. Nhưng

lão đã đóng kín cửa hờn với cả tôi nữa.

Ngậm-ngùi tôi tự bảo : Tôi chỉ là kẻ đã
vội đi qua đời lão. Có ai thay tôi đề ý
ngày ngày đem tí chút ánh sáng tình
thương vào đời lão cho đời bớt tối-tăm.

X. V.

■ Nghiêm-khắc chặt-hẹp và dễ-dãi xuề-xòa

Ông Bá-Di không thờ một vị vua không đáng thờ ; không làm bạn với kẻ không đáng cho mình làm bạn. Ông không chịu đứng giữa triều-dình của người ác, không hề chuyện vãn với kẻ ác. Là vị, đối với ông, đứng giữa triều-dình của người ác, giống như mặc áo châu, đội mão châu mà ngồi chốn bần than. Do cái lòng chán ghét sự ác ấy mà suy gẫm ra, nếu ông Bá-Di có dịp đương nói chuyện với người trong làng mà thấy họ đội nón không ngay, thì ông bỏ đi, không ngoái đầu lại, hình như thấy mình đương bị dính dơ. Cho nên các vua chư hầu đều gửi đến những từ-mạng (thư từ của vua) đầy lời-lễ khôn-khéo đề thỉnh ông, ông cũng chẳng chịu đi. Ông chẳng chịu đi, vì nghĩ rằng, đến với những vị vua ấy, ông không giữ được lòng trong sạch của mình.

Ông Huệ xứ Liễu-Hạ không lấy làm xấu hổ phải phục-sự một vua ô-trọc ; dầu ông được giao phó một chức quan nhỏ thấp, ông cũng không chê. Khi tiến trên đường công-danh, ông không giấu-giếm tài-đức của mình, ông đem đạo-lý ra đề thi-hành. Lúc bị phế bỏ, lui về ẩn-dật, ông chẳng tỏ lòng oán-giận ai. Cho đến cơn khốn-khổ cùng-quần ông cũng chẳng lo rầu. Bởi không chấp-nhất, cho nên ông nói rằng : « Người vẫn là người, ta vẫn là ta. Dầu người đứng ngồi bên ta mà xắn tay áo hoặc đưa lưng trần, người có làm dơ ta được chăng ? ». Vì vậy nên gần-gũi ai, ông vẫn vui-vẻ an-nhiên, nhưng tự mình thì không hề phạm điều quá-thất. Khi ông sắp ra đi, có ai nắm tay ông lưu lại, thì ông ở lại. Người ta nắm tay ông lưu lại thì ông ở lại, vì ông nghĩ rằng bỏ đi là sự không phải.

Ông Bá-Di thì nghiêm-khắc chặt hẹp ;

Ông Huệ xứ Liễu-hạ thì dễ-dãi xuề-xòa.

Người quân-tử giữ mực trung : chẳng nghiêm-khắc chặt-hẹp mà chẳng dễ-dãi xuề-xòa.

(Bá-Di ải, Liễu-hạ Huệ bất cung. ải dữ bất cung, quân-tử bất do giả).

MẠNH-TỬ

«NÓI CÓ SÁCH, MÁCH CÓ CHÚNG»

Một số bạn đọc viết thư cho chúng tôi, yêu cầu mở một mục có tính chất nhân tin, mách bào về các vấn-đề thuộc phạm-vi bách-khoa.

Tự biết là nhận lời các bạn, chúng tôi sẽ phải gánh vác một công việc rất khó-khăn và rất nặng-nề, nhưng để trung-thành với lý-tưởng và danh-hiệu Bách-Khoa, chúng tôi xin hết sức cố-gắng để chiều lòng các bạn.

Trong mục này, chúng tôi sẽ tuần-tự trả lời các bạn có những thắc-mắc hay nghi-vấn về một vấn-đề gì trong phạm-vi : văn-học, nghệ-thuật, xã-hội, kinh-tế, chính-trị, sau khi đã trao cho các bạn chuyên-môn trong nhóm nghiên-cứu, khảo-cứu kỹ-lượng từng vấn-đề một. Mỗi vấn-đề chúng tôi phúc-đáp, nếu có thể, đều có chua căn-cứ hoặc xuất-xứ để các bạn có thể tra-cứu được tường-tận hơn.

Chúng tôi cũng tự biết là dầu thận-trọng và cố-gắng đến đâu, công việc sưu-tầm bách-khoa của chúng tôi cũng còn có chỗ sơ-sốt hoặc chưa được đĩnh-đáng, nên chúng tôi mong các bạn xa gần thấy có chỗ nào chưa được hoàn-bị, xin vui lòng chỉ-giáo, hoặc cho mượn tài-liệu để ghi chép rồi xin hoàn lại.

« NÓI CÓ SÁCH, MÁCH CÓ CHÚNG », đó là châm-ngôn của chúng tôi trong mục này và đó cũng là tiêu-đề của mục này nữa.

Cô Nguyễn-thị Anh-Thư, Đalat.—
Người xưa chơi hoa thế nào?

CỔ-NHÂN ngày xưa, nhất là các vua chúa chơi hoa rất công-phu và phiền-phức. Hoa dâng phải theo đúng tiết. Cứ mười lăm ngày, qua một tiết là phải đổi thức hoa Sách. Trung-quốc chép có hai mươi bốn tiết hoa. Mỗi năm từ tiết tiều-hàn đến tiết cốc-vũ, gồm tám tiết, mỗi tiết chia ra làm ba thì-hầu, mỗi thì-hầu năm hôm. Mỗi thì-hầu có một trận gió riêng, mỗi trận gió ăn vào một thứ hoa. Cứ gió ấy thổi đến thì hoa ấy nở, dường như

gió thủ-tín cùng hoa, tới để mở đài bao ra. Gió ấy gọi là hoa-tín-phong.

Tám tiết, hai mươi bốn thì-hầu và hai mươi bốn ngọn hoa-tín-phong cùng hai mươi bốn thứ hoa hứng gió ấy mà nở theo như dưới đây :

	Nhất-hầu : Mai
Tiêu-hàn	Nhị-hầu : Sơn-trà
	Tam-hầu : Thủy-tiên
	Nhất-hầu : Thủy-hương
Đại-hàn	Nhị-hầu : Lan
	Tam-hầu : Sơn-phân

Lập-xuân	Nhất-hầu : Nghinh-xuân
	Nhị-hầu : Anh-dào (roi)
	Tam-hầu : Vọng-xuân
Vũ-thủy	Nhất-hầu : Thái
	Nhị-hầu : Hạnh
	Tam-hầu : Lý (mận)
Kinh-chập	Nhất-hầu : Đào
	Nhị-hầu : Đường-lê
	Tam-hầu : Tường-vi (hồng)
Xuân-phân	Nhất-hầu : Hải-đường
	Nhị-hầu : Lê
	Tam-hầu : Mộc-Lan
Thanh-minh	Nhất-hầu : Đồng
	Nhị-hầu : Mạch
	Tam-hầu : Liễu
Cốc-vũ	Nhất-hầu : Mầu-dơ
	Nhị-hầu : Đỗ-li
	Tam-hầu : Luyện

Xin nhắc lại, đó là ở Trung-quốc, chứ những thứ hoa trên, ở nước ta không có đủ, hoặc dù có cũng không thủ-tín được với thì-hầu.

(Theo tài liệu của NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT)

Có Huỳnh-thị-Nhút, Saigon.—

- 1.— Tại sao đàn bà góa lại xưng là *vị-vong-nhân* ?
- 2.— Tuổi hạc nghĩa là gì ?

1.— **D**ÀN bà góa xưng là *vị-vong-nhân*, nghĩa là người chưa chết, ý nghĩa là chỉ còn đợi chết nữa thôi.

2.— **H**ẠC là một loài chim. Có nhiều giống hạc, thứ quý nhất là hạc đỏ đầu. Hạc cao ba thước, mỏ, chân, cò đều dài, mình toàn sắc trắng, bay lượn rất mau, tiếng kêu rất lớn ; tương truyền sống đến

ngàn năm, nên người ta thường dùng chữ « tuổi hạc » để chúc nhau sống lâu. Ví dụ : *Cối xuân tuổi hạc càng cao*.

Bạn Phan duy Thanh, Pleiku.—
Tai-hại và lợi-ích của nguyên-tử-lực thế nào ?

BẠN đã từng nghe nói sức mạnh kinh-thiên động-địa của nguyên-tử-lực và chắc bạn cũng đi xem những phim như « Ngày tận thế » (The world's end) hay « Hành-tinh bí-hiểm » (La planète interdite). hẳn bạn đã rùng mình trước những quang-cảnh mà các nhà bác-học tưởng-tượng rằng trong tương-lai loài người phải sống. Hơn nữa, có lẽ bạn đã nghe nói nhiều hay đã xem trong mục thời-sự của tuồng hát bóng những thí-nghiệm rùng-rợn về bom nguyên-tử. Chúng tôi xin thêm vào đây vài con số đáng ghi của cuộc thí-nghiệm bom nguyên-tử và vài lời tuyên-bố của một tờ báo Mỹ :

— 1945, ở Hiroshima : trong một giây. một máy bay, một bom nguyên - tử : 100.000 người chết, 70.000 bị thương.

— 1954, ở Eniwetok : Một bom khinh-khí (Bom H).

Cách nơi nổ hơn 150 cây số, những người câu cá Nhật -bồn đều bị trúng quang-tuyến phóng-xạ. Trong số 25 người câu cá, 23 người chỉ sống được nhờ sang máu thường-xuyên.

Ngoài 23 người đi câu Nhật, còn 18 người quan-sát-viên Mỹ, 92 thủy-thủ một chiếc tàu Mỹ chở dầu hôi và 246 thường-dân ở Đảo Marshall cũng bị vạ lây.

Những nhà bác-học khảo-cứu về nguyên-tử-lực ở Đại-học-đường Tokio tuyên-bố rằng tro của bom ấy chứa đựng những yếu-tố làm chết người ngấm-ngấm trong năm sáu năm.

Bình-luận về việc bom nỏ, một tờ báo ở Hoa-Thịnh-Đồn tuyên-bố : « Người ta chờ đợi những hậu-quả tai-hại bằng bốn năm trăm lần nhiều hơn ở Hiroshima. Thế mà người ta lại được chứng-kiến những thiệt-hại gấp ngàn lần. Phòng-tính những thiệt-hại xảy ra, nếu bom kia nỏ vào một nơi có dân-cư thì có lẽ quá sức tưởng-tượng ».

Nhưng bạn sẽ vô cùng ngạc-nhiên mà không tới nỗi đồ mồ hôi hột nếu bạn có biết...

Ông Joliot-Curie đã tuyên-bố trong một cuộc phỏng-vấn vào năm 1952 : « Nếu

thiết-lập được vài trung tâm kỹ-nghệ về nguyên-tử-lực, người ta có thể nuôi sống một trăm triệu người với sản-phẩm của bãi sa-mạc Sahara... Các bạn có thể tưởng-tượng thế được không ? Ta nên hiểu, không cần có những lớp đất dày phì-nhiều mới trồng cây trái được. Những nguồn nguyên-tử-lực có thể tạo ra phân. Vậy trong tất cả những vùng trời mưa không đầy đủ hay những nơi đất không thể giữ nước để có những hồ nước dự-trữ thiên-nhiên, nguyên-tử-lực có thể giúp loài người đem lại mạch sống. Nó có thể làm phì-nhiều tất cả những đồng cát trên thế-giới ».

■ Dụng nhân và xử sự theo Mạnh-Tử.

Mạnh-Tử vào viếng Tề-Tuyên-Vương, nói rằng :

— Người ta gọi là nước cổ-cựu, không phải vì nước ấy có những cây cò-thụ tàn cao, bóng mát, mà chính vì nước ấy có những quan-chức từ đời này tới đời kia phụng-sự quốc-gia. Nay vua chẳng có những vị quan-chức thân-tín như vậy ủng-hộ ngài. Thậm-chí những vị quan mà ngày trước vua cất dùng, ngày nay chẳng biết họ đi đâu hết rồi ?

Tuyên-Vương nói :

— Ta muốn biết những ai bắt tàiặng loại họ ra, vậy phải làm sao ?

Mạnh-Tử đáp :

— Bực quốc-quân cất dùng hiền-tài dường như là sự bắt buộc, không thể thoát-thác. Và, trong việc dùng người, nếu để cho kẻ đê-hèn vượt bực người tôn-quí, đó là sự lăm-lạc rất nguy, há chẳng nên cần-thận sao ?

Khi những quan hầu-cận tả-hữu đều cho rằng người nào đó là trang hiền-tài, mình chớ vội tin. Khi các quan đại-phu trong triều đều cho rằng người đó là trang hiền tài, mình cũng chớ vội tin, khi khắp cả nước, người ta đều cho rằng một người nào đó là trang hiền tài, khi ấy mình mới quan-sát. Khi đã nhận thấy quả thật là trang hiền tài, chừng đó mình mới cử dùng.

Khi quan hầu-cận tả-hữu đều cho rằng người đó không tốt, mình chớ vội nghe theo. Khi các quan đại-phu tại triều đều cho rằng người nào đó không tốt, mình cũng chớ vội nghe theo. Khi khắp cả nước, người ta đều cho rằng người nào đó không tốt khi ấy mình mới quan-sát. Khi đã nhận thấy quả thật không tốt, chừng đó, mình mới loại ra.

Khi quan hầu-cận tả-hữu đều cho rằng người nào đó phạm tội đáng chết, mình chớ vội nghe theo. Khi các quan đại-phu tại triều đều cho rằng người nào đó phạm tội đáng chết, mình cũng chớ vội nghe theo. Khi khắp cả nước, người ta đều cho rằng người nào đó có phạm tội đáng chết, khi ấy mình mới quan-sát. Khi đã nhận thấy là phạm tội đáng chết, khi đó mình mới ra lệnh giết đi. Đó là nhân dân toàn quốc đều đồng tâm hợp lực xử giết kẻ có tội. (Cổ viết quốc nhân sát chi giả). Nếu nhà vua làm được như vậy, mới đáng là cha mẹ dân.

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ • SAIGON



SAIGON

TỔNG ĐẠI LÝ



B.O.A.C.

THAI AIRWAYS

AIR INDIA INTERNATIONAL

PNOMPENH

VIENTIANE

BANGKOK

HONGKONG

PARIS

PHÒNG TIẾP - LIÊU VĂN - HÓA

Nhận mua :

★ SÁCH NGOẠI-QUỐC.

★ DỤNG-CỤ CHUYÊN-MÔN.

213^D, đường Tự-Do—SAIGON

Đ. T. 23.166

Màu

Nhạc

Nhịp-điệu

Sắc đẹp

Ánh sáng

Tất cả những

đường cong

TRÊN TUYẾT

vớt

ĐOÀN TRƯỢT TUYẾT QUỐC-TẾ

Holiday on Ice

Biểu - diễn thường - trực mỗi tối từ 20 g. 30,
tại vũ - trường **HOLIDAY STADIUM**
góc đường Hiền-Vương và Trương-minh-Giảng -:- SAIGON

Vé bán tại :

105, đường Tự-Do, SAIGON—206, đại-lộ Đồng-Khánh, CHOLON
và tại **HOLIDAY STADIUM** từ 16 giờ.

RƯỢU CHỐI VIỆT-NAM²

Chế-tạo bằng cách cất rượu mạnh, với nhiều vị thuốc thảo-mộc, như : Long-não (*Cinnamomum Comphora* Nees et Eberm), Đại-hồi (*Illicium Verum* Hook), Tam-nại (*Kaempferia Galanga* Lin), Quế-chi (*Cinnamomum Loureirii* Nees), Khương-hoạt (*Peucedanum Decursivum* Maxim), v.v... có hiệu-lực tiêu độc (antiseptique), chỉ-thống (sédatif), trấn-kinh (anti-névralgique) và làm tan máu (décongestionnant).

RƯỢU CHỐI VIỆT-NAM không những chuyên-trị các chứng phong-thấp, tê-bại (rhumatismes), đau tọa-cốt thần-kinh (sciatique), đau lưng (lumbago), đau mình mẩy (courbature), sai khớp xương (foulure), trẹo gân (entorse), MÀ CÒN THIẾT-DỤNG CHO CÁC SẢN-PHỤ TRƯỚC VÀ SAU KHI SINH-NỞ, KHI THẤY TRONG MÌNH MỎI VÀ RỜI-RÃ CHÂN TAY.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ HỘ-SINH LỚN

NĂM CÔNG-TRÌNH — NĂM MÀU SẮC

1.— BỘ LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

do PHẠM-HOÀN-MĨ và một nhóm giáo-sư biên-soạn, cho học-sinh ban Trung-học và các bạn tự-học, viết theo phương-pháp mới nhất, mà tiêu ngữ sau đây nêu cao : « *Tung 1.000 pho sử, Soạn 1.000 quyển sử, Không bằng làm một ngày lịch-sử.* »

Quyển I (lớp Đệ-thất giá 35\$), quyển II (lớp Đệ-lục sẽ phát-hành) quyển III (lớp Đệ-ngũ) và quyển IV (lớp Đệ-tứ đang in). Soạn với mục-dịch : « *Thành và Kinh dang những NGƯỜI đã chết và đang chết, đã khổ và đang khổ đề nước Việt được TRƯỜNG-TỒN, nòi Việt được VINH-QUANG.* »

Mỗi quyển đều có một bài hát lịch-sử làm phụ-bản.

2.— THỜ-NGÔI ĐỒNG-NAI

(ca-dao địa-phương Nam-Việt)

do BÌNH-NGUYỄN-LỘC sưu-tầm và chú-thích. Tinh-hoa dân-tộc phát-tiết sau 300 năm định-cư ở miền Nam.

— Những hạt châu địa-phương xâu vào cho đầy thêm vòng chuỗi dân-ca toàn-quốc.

3.— TÌM HIỂU VẤN-ĐỀ LUÂN-LÝ

của HẢO-NGUYỄN, NGUYỄN-HÓA

- Một vấn-đề cực kỳ thiết-thân với mọi người và thường bị nhãng quên.
- Một vấn-đề triết-học trình-bày một cách dễ hiểu và hấp-dẫn.
- Một quyển sách mà mọi người, nhất là học-sinh ban Triết-học nên đọc.

4.— HỘI-HỌA PHỔ-THÔNG

của họa-sĩ TỪ-QUYÊN, giáo-sư môn Hội-họa các trường Tân-Thịnh, Tân-Thanh, Phan-Quốc-Quân, Chu-Mạnh-Trinh.

Một cuốn sách mà học-sinh cũng như các phụ-huynh, các giáo-sư cần phải có để thấy : vẽ rất dễ, vẽ rất cần, rất thú, rất ích-lợi.

Phần lý-thuyết gọn và đủ, phần thực-hành rất nhiều, rất linh-động, soạn đúng theo chương-trình bộ Giáo-dục.

Phương-pháp tân-tiến và giản-dị.

Quyển II : ban Trung-học.

— I : ban Tiểu-học.

5.— « CHIỀU HỒN »

« *Tiểu thay duyên Tẩn phạn Tẩn* » của NGUYỄN-DU

do BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Ý chú-giải, tóm tắt, lược bình, kèm thêm Phụ-lục phong-phú.

— Một công-trình nghiên-cứu mà sáng-tạo, bác lỗi làm việc cùng các ý-kiến của : Phan-Văn-Hùm, Trần-Thanh-Mại, Hoàng-Xuân-Hân và đưa một đề-nghị mà bộ Giáo-dục chẳng thể bỏ qua.

Nhà xuất-bản TÂN-VIỆT

235, Phan-Thanh-Giản (Legrand de la Litaye cũ) Saigon.

HÀNG LA-VE B.G.I

*Thung-Su nên
Linh-tê Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

THUÂN-TIẾN CÔNG-TY

Xuất-Cảng — Nhập-Cảng — Bảo-Hiêm

26-28 Đại-lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-Thoại : 23-575



Đại-lý :

Giấy ảnh, phim ảnh AGFA



Bột sữa OVALTINE, OVALMIX



Tơ hóa-học S. L. T.



Hàng nỉ DORMEUIL L^{td}



Vải đen, vải trắng SINCOTEX

MÁY MAY

SINGER

danh tiếng khắp thế-giới
trên một thế-kỷ nay.



Mua máy may **SINGER** cũng như là
đề dành tiền, vì máy cũ vẫn còn giá.



SINGER là đồ dùng
cần-yếu của mọi gia-đình.



TỔNG PHÁT-HÀNH

L'UCIA

135 ĐẠI-LỘ NGUYỄN-HUỆ

Đ.T. 20.166

SAIGON



Q.C. PHÍ-YẾN

VIỆT-NAM KHUYẾT-TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ C^{TY}

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPMENT COMPANY

NGƯỜI VIỆT-NAM

DÙNG ĐỒNG-HỒ

VINA

ráp tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-tiếp :

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm,
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiều để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.



VIỆT-NAM KHUYẾT-TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ C^{TY}

Công-ty vô-danh vốn 12.000.000 \$ VN

108, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Điện-tin : { VINAWA — SAIGON
Cable address :

Mobylette



« **MOBYMATIC** » AV78

HỘP SỐ VÀ « AN-BA-DA » TỰ-ĐỘNG



ĐẠI-LÝ L'U. C. I. A.

135 ĐẠI-LỘ NGUYỄN-HUỆ SAIGON

ĐIỆN-THOẠI 20.166 — 20.167 — 20.168

TOUT CONFORT MODERNE

GARAGE DANS L'HOTEL

HOTEL CATINAT

S. A. R. L. Aux Capitaux Entièrement Vietnamiens

RESTAURANT & SALON DE THÉ

69, Rue Tu-Do (Ex. Rue Catinat)

Adresse Télégraphique : CATOTEL — Téléphone N° 21.920

Directeur général : M. PHONG-THÀNH

Directeur Commercial : M. NGUYỄN-VĂN-ĐÀNG

HOTEL MODERNE ET TRANQUILLE EN PLEIN CENTRE DE LA VILLE

CHAMBRES VASTES ET BIEN AÉRÉES

TÉLÉPHONES DANS TOUTES LES CHAMBRES

TERRASSES FLEURIES

ANCIENS ETABLISSEMENTS EIFFEL

ENTREPRISES GÉNÉRALES

CONSTRUCTIONS MÉTALLIQUES-CHAUDRONNERIE

SIEGE SOCIAL :

23, Rue Dumont d'Urville—PARIS (16^e)

Tél. KLEber 20-95



AGENCES à :

SAIGON — Đường Pasteur, N° 111, Sud Việt-Nam

PHNOM-PENH — Boulevard de France, N° 23, Cambodge

TANANARIVE — 24, Rue Frédéric Estebe

NHI - KHOA THÁNH - DƯỢC

HÀ-TẾ-CÔNG CAM-TÍCH-TÁN

Bào-chế tại Hương-Cảng

Có tinh trùng	uống rồi	khử tích trừ trùng
Không muốn ăn	— —	có vệ khẩu, ăn ngon
Mặt vàng	— —	trở thành mặt hồng
Yếu đuối	— —	trở thành kháng cường
Tối ngủ kêu la	— —	ngủ ngon, ninh thần
Dốt ngu	— —	thông minh vui vẻ
Đau nhiều	— —	khử bệnh mau mạp
Không có đau	— —	cân cơ nhần cổ

Có bán tại các dược hàng



MUỐN CẦN DƯỢC PHẨM THIẾT

mời **HỘI - TRUNG - HÀNG**

Hãng chánh : ở số 54 đường Triệu-Quang-Phục — Cholon

Chi nhánh : ở số 258 Đại-lộ Đồng-Khánh —

ĐIỆN-THOẠI : 517

**Những thứ trở nên cần-thiết như
cơm ăn, áo mặc...**

**XE XÍT-CÚT-TƠ
XE BA BÁNH
XE GẮN MÁY**

Lambretta

**MÁY CHỮ
MÁY TOÁN**

olivetti

MÁY MAY

: NECCHI

QUẠT ĐIỆN

: *Marelli*

VINACOD

Văn-phòng Giám-Đốc : 35, PHÚ-KIẾT Saigon

Cửa Hàng : 152, Đại-lộ TRẦN-HUNG-ĐẠO, Saigon

**Xưởng chữa xe : Góc đường PHẠM-HỒNG-THÁI
và LÊ-LAI, Saigon**

**Nhà máy ráp xe : Nhà máy ráp xe LAMBRETTA
Tân-sơn-Hòa**

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN-HÓA,
XÃ - HỘI.

Chủ-nhiệm : HUỖNH-VĂN-LANG

hợp-tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHÍ
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHẢI
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-QUANG-LỆ

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG-KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VÕ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG-MINH-TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN

Đôi hàng cảm ơn:

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ.

Nghĩ tới độc giả của Quán Ven Đường và đưa tặng là nhã ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.